



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Email: baivochanhphap@gmail.com

Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Siêu**

Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tân đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **Nguyễn Việt**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **THỜI GIAN, TÁNH THAM, THIÊN TỌA** (thơ HT Thích Thắng Hoan), trang 6
- **NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ẬU-MỸ**, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 7
- **NGƯỜI GỖ CỬA HƯ VÔ** (thơ Thụy Sơn), trang 8
- **PHẬT THUYẾT KINH CÔNG ĐỨC XUẤT GIA** (Thích Tâm Nhãn), tr. 9
- **THĂM LẠI NÚI RỪNG XƯA** (thơ Phó Đồng), trang 10
- **KHI MA QUỶ LỘNG HÀNH** (Quảng Tánh), trang 11
- **NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI – MỘT CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦY THỬ THÁCH [1975 – 2025]** (Nguyên Siêu), tr. 12
- **ĐÚNG VÀ SAI** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 18
- **THÔNG BÁO AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN 2025** (TK Thích Nguyên Siêu), trang 19
- **"TỬ NHƯ Ý TỨC" TRONG 37 PHẨM TRỢ ĐẠO** (TN Hằng Như), trang 20
- **TÂM CẢNH TƯƠNG GIAO, ĐỌC CHÂN KINH...** (thơ Trúc Nguyên), trang 21
- **THÔNG BÁO SỐ 2 VỀ ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL.2569** (TK Thích Chúc Đại), trang 22
- **THÔNG BÁO SỐ 2: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 12** (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 24
- **ĐỨC PHẬT NÓI VỀ CHIẾN TRANH VÀ THẮNG TRẬN** (Nguyên Giác), trang 26
- **THẮNG TƯ LÊN ĐÒI** (thơ Thy An), trang 28
- **THE STORY OF THERI MAHAPAJAPATI GOTAMI** (Daw Tin), trang 29
- **TRÍ TUỆ GIẢI THOÁT** (Nhóm Áo Lam) trang 30
- **THƯ CUNG THỈNH VÀ THƯ MỜI LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SỰ – NGÀY VỀ NGUỒN LẦN 14** (HT. Thích Thông Hải), trang 31
- **NHỮNG KỶ QUAN THU NHỎ VÀ CUỘC ĐIỀU HÀNH THÂM LẶNG** (Hoàng Long), trang 32
- **CÁT BỤI VÔ THƯỜNG** (thơ Nhật Quang), trang 34
- **NĂM MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN PGVN TẠI CALIFORNIA** (Thích Từ Lực và TH Huỳnh Kim Quang), tr. 39
- **CƠN GIÔNG** (Huệ Trân), trang 46
- **TỬ CÚ LỤC BÁT "SINH TỬ - TỬ SINH"** (thơ Vĩnh Hữu Tâm Không), trang 48
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 49
- **CHÁNH NIỆM, TÌNH GIÁC HAY ẢO GIÁC?** (Tâm Thường Định), trang 51
- **NƯƠNG THIÊN, TU HỌC, XUÂN NGỜI** (thơ Minh Đạo), trang 53
- **TIẾNG GÕ NHỆ TRÊN TƯỜNG RÊU...** (Uyên Nguyên), trang 55
- **ĐOÀN KHÚC THẮNG TƯ** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 56
- **HÒN XUÂN** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 57
- **HÀNH HƯƠNG CHIÊM BÁI PHẬT TÍCH ÁN ĐỘ VÀ NEPAL – THAM DỰ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ 12** (Thích Hạnh Tuệ), tr. 58
- **PHẬT PHÁP TỒN TẠI, HẠT SƯƠNG NGÀN, BÌNH YÊN...** (thơ Diệu Viên), trang 60
- **CỜ TRỜI tập 2 – chương 15** (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- **KHOÁNG CHẤT TRONG CƠ THỂ** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 66
- **CHUYỆN BẦY LỘ VÀNG** (Truyện cổ Phật giáo), trang 68

Báo Chánh Pháp số 161, tháng 04.2025, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

NHỚ NGÀY TÀN XUÂN

Ngày tàn xuân thuở xưa ấy, cách nay đã 50 năm. Một cuộc đổi mới dẫn đến loạn lạc xã hội, ly tán gia đình. Máu tiếp tục đổ sau chiến tranh. Lệ nóng trào tuôn, hòa thêm vị mặn trên đại dương thống khổ. Hàng trăm nghìn gia đình bị đẩy lên những vùng ma thiêng nước độc để canh tác mưu sinh lập đời mới. Hàng trăm nghìn sĩ quan, công chức chế độ cũ bị biệt giam hoặc bị cưỡng bức lao động khổ sai trong những trại tù biển địa. Và, từng đoàn người già trẻ dắt díu nhau bằng rừng vượt biên, xuống thuyền vượt biển, tìm đến những vùng trời tự do. Lên rừng, xuống biển, có vẻ như lập lại huyền sử mấy ngàn năm của tộc Việt (1). Nhưng cuộc chia tay trong lịch sử cận đại không chỉ có năm mươi con lên núi, năm mươi con xuống biển, mà là cả triệu con dân, hốt hải tìm đường sống, âm thầm trong đêm, mẹ cha cầm nín, con trẻ nén khóc, rón rén những bước chân hồi hộp, run sợ. Nỗi đau thương thống hận ngập tràn của ngàn ấy con người, ngàn ấy gia đình, không hề được ghi vào sử sách giáo khoa, mà chỉ được ngậm ngùi khơi dậy trong tâm khảm những người tị nạn năm xưa, đã là những cố nhân hữu danh vô danh, hay đang là những người lão niên lặng lẽ đời mình ở những vùng trời phương ngoại.

Nghiệm lại chuyện xưa không phải để than trách hay khơi dậy oán hận. Cuộc sống của cá nhân, hay một cộng đồng nhỏ, cộng đồng lớn, đều diễn ra trong những điều kiện nhân duyên, thuận và nghịch. Thuận, có khi đưa ta đi lên rồi lại đi xuống; nghịch, có khi đưa ta đi xuống rồi lại đi lên.

Trong số hàng triệu người Việt rời nước ra đi từ thuở ấy, có những thầy Tăng áo vải nâu sồng tháp tùng trên những thuyền nan ọp ẹp; quán sinh tử vô thường trên chập chùng sóng cả, ban vô úy cho những người đồng hành yếu đuối; vượt trùng dương bão tố đến bờ an vui; hòa vào cuộc sống mới, cầm cùi "vá áo chếp kinh đất khách" (2); mười năm, hai mươi năm, rồi năm mươi năm, dựng nên hàng trăm ngôi chùa Việt khắp bốn châu. Việc dựng xây cơ sở vật chất không phải là kỳ tích gì đáng kể, nhưng giữ được tín tâm cho bốn chúng đệ tử, duy trì được mạng mạch của Phật Pháp nơi xứ người suốt nửa thế kỷ qua không phải là điều đơn giản. Trong suốt cuộc hành trình năm mươi năm đó, đã nhiều thầy Tăng bỏ mình trong rừng già hay trên biển

lớn, nhiều thầy Tăng hoàn tục chọn đời sống tại gia, và nhiều thầy Tăng năm xuống sau những đóng góp kiên trì, bền bỉ cho sự vinh quang của đạo pháp.

Giờ này ngồi ôn lại con đường đã kinh qua của cộng đồng ly hương, những bi lụy một thời đã tàn phai theo năm tháng, chỉ còn một nỗi niềm tồn đọng, đó là niềm tin về sự chánh thiện.

Chỉ có sự chánh thiện mới mang lại an vui thực sự cho cuộc sống.

Chỉ có sự chánh thiện mới duy trì và phát triển được đạo màu trên thế gian này.

50 năm là quãng thời gian khá dài, nhưng cũng chỉ là một chớp mắt trong chuỗi dài sinh tử, tử sinh bao kiếp luân hồi. Trong chớp mắt ấy, hãy sống như một người con Phật chánh thiện, hiền trí.

1) Mượn ý của Thầy Tuệ Sỹ trong bài "Thuyền Ngược Bến Không" giới thiệu thi tập "Thủy Mộ Quan," của nhà thơ Viên Linh (1938 - 2024): "*Thời chiến tranh, một lớp bạn lên rừng. Thời hòa bình, một lớp bạn xuống biển. Dân tộc chợt quay trở lại với huyền thoại mở nước. Những người con theo Mẹ, đã có lúc khinh ghét anh em mình, bỏ lên rừng. Một thời gian sau, những người con theo Mẹ lên rừng nay quay trở về đô thị. Lại những người anh em khác sợ hãi, vội bỏ trốn theo, tìm về biển...*"

2) Câu đối của Thầy Tuệ Sỹ viết tặng Tu viện Quảng Đức, Úc Đại Lợi (cả chữ Hán lẫn chữ Việt): "**Quảng** mạc thiên hoang cổ lý, nhi phế hưng cạnh tẩu kinh đào, phiến điệp phù nang, quai nạp đẳng la thứ nạn. | **Đức** hành thể khoáng tham phương, ti triều lộ hàm huy điệu cảnh, không hoa thủy nguyệt, huyền hà bích lạc thần châu."

Dịch nghĩa: "Chốn cũ dậm dài man mác, bởi phế hưng xô đẩy sóng cồn, chiếc lá thuyền nan, vá áo chếp kinh đất khách | Đức tu mấy bước mù xa, tở sương sớm nắng hồng đọng bóng, hoa trời trắng nước, ngân hà đẳng đặc quê cha."

"Vá áo chếp kinh" ở đây có thể được hiểu là việc trì giới và hoằng pháp.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NEPAL: Lễ tụng kinh Tam tạng Quốc tế Lâm Tì Ni lần thứ tư

Lễ tụng kinh Tam tạng Quốc tế Lâm Tì Ni lần thứ tư đã chính thức bắt đầu tại Lâm Tì Ni, với chương trình kéo dài 4 ngày nhằm nêu bật ý nghĩa tâm linh của khu vực và truyền bá thông điệp về hòa bình và tình anh em.

Trước khi buổi tụng kinh bắt đầu, một cuộc diễn hành đã được tổ chức bởi Tịnh xá Phật giáo Nguyên thủy Nepal, với những người tham gia diễn hành đi từ Đền Mayadevi đến địa điểm tổ chức.

Hơn 100 tăng ni nước ngoài từ 12 quốc gia, bao gồm Thái Lan, Miến Điện và Tích Lan, đang tham gia sự kiện này. Ngoài ra còn có sự tham gia của hơn 400 nhà sư, đạo sư và cư sĩ người Nepal.

Sự kiện này, do Liên đoàn Tỳ kheo Toàn Nepal tổ chức, sẽ diễn ra trong 4 ngày - từ ngày 5 đến ngày 8-3-2025 - tại Đền Mayadevi linh thiêng ở Lâm Tì Ni.

(The Kathmandu Post - March 5, 2025)



Diễn hành trước khi bắt đầu Lễ tụng kinh Tam tạng Quốc tế Lâm Tì Ni lần thứ tư
Photos: The Kathmandu Post

HÀN QUỐC: Bức tranh Phật giáo treo tại chùa Muryang sẽ trở thành bảo vật quốc gia

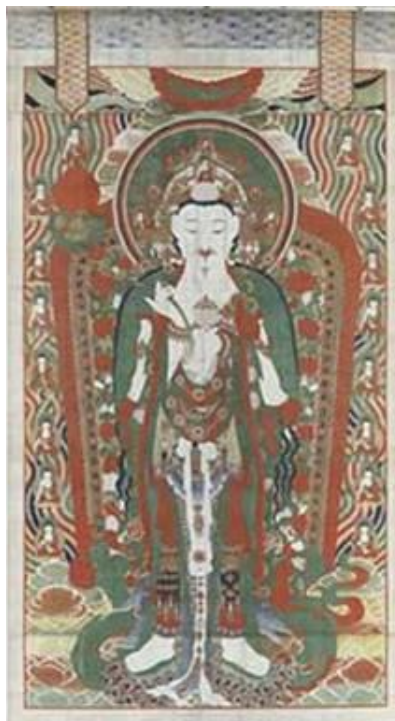
Bức tranh Đức Phật Di Lặc treo tại chùa Muryang ở Buyeo, tỉnh Chungcheong Nam, sẽ trở thành bảo vật quốc gia.

Ngày 6-3-2025, Cục Di sản Hàn Quốc đã công bố rằng bức tranh này đang được phân loại lại thành bảo vật quốc gia, khoảng 28 năm sau khi được chỉ định là bảo vật.

Với chiều dài gần 14 mét và rộng khoảng 7.5 mét, bức tranh được xem là độc đáo không chỉ vì kích thước của nó mà còn vì nó thể hiện biểu tượng Phật giáo đa dạng, không giống như các tranh Phật giáo của các nước khác.

Những bức tranh treo của Phật giáo như thế này đã được sản xuất đều đặn từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 20 và hiện có khoảng 120 bức, trong đó có 7 bức là bảo vật quốc gia và 55 bức là bảo vật.

(KBS - March 6, 2025)



ĐÀI LOAN: Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế mời các ứng viên tham gia Chương trình Bồ tát Trẻ Quốc tế 2025

Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB) thông báo rằng Chương trình Bồ tát Trẻ Quốc tế - một sáng kiến học tập trải nghiệm kéo dài 2 tuần dành cho các nhà lãnh đạo trẻ và nhà hoạt động xã hội - hiện đang mở cho các ứng viên tiềm năng. Hợp tác với Cao đẳng Phật giáo Hongshih Đài Loan, chương trình sắp tới sẽ được tổ chức tại Tao Yuan, Đài Loan theo chủ đề "Vì Sự hồi sinh Tâm linh và Chuyển đổi Xã hội", từ ngày 21-10 đến ngày 3-11-2025.

Ứng viên phải trong độ tuổi từ 20 đến 40, có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt, thể hiện sự quan tâm đến Phật giáo, tâm linh, chuyển đổi bản thân và thay đổi xã hội, và sẵn sàng học hỏi với người khác.

Có trụ sở chính tại Bangkok, Thái Lan, INEB đã thành lập nhiều dự án xã hội và chương

Bức tranh Đức Phật Di Lặc treo tại chùa Muryang ở Buyeo, tỉnh Chungcheong Nam, sẽ trở thành bảo vật quốc gia
Photo: YONHAP News

trình tiếp cận cộng đồng trên khắp khu vực nhằm mục đích vượt qua đau khổ và trao quyền cho các cộng đồng dễ bị tổn thương thông qua việc thực hành Phật pháp và tham gia xã hội - chẳng hạn như các chương trình giáo dục và đào tạo, các dự án phát triển cộng đồng, các nỗ lực ủng hộ tích cực và vận động hành lang, và đối thoại liên tôn giáo.

(Buddhistdoor Global - March 5, 2025)



Những người tham gia Chương trình Bồ tát Trẻ Quốc tế 2024
Photos: INEB

ẤN ĐỘ: Lễ mừng Năm Mới Tây Tạng (Losar) bắt đầu bằng những lễ cầu nguyện tại chùa Tsuglagkhang

Dharamshala, Himachal Pradesh - Người Tây Tạng lưu vong đang ăn mừng lễ Losar, còn được gọi là Tết Tây Tạng. Họ chào đón năm Mộc Xà 2152 và tạm biệt năm Mộc Long 2151.

Sở tôn giáo và văn hóa của chính quyền Tây Tạng lưu vong tổ chức những buổi cầu nguyện đặc biệt vào dịp này tại Tsuglagkhang, ngôi chùa chính của người Tây Tạng, tại thị trấn đồi Dharamshala ở Bắc Ấn Độ vào sáng thứ Sáu, 28-2-2025.

Các thành viên của Quốc hội Tây Tạng lưu vong, các bộ trưởng lưu vong, các nhân viên của chính quyền lưu vong bao gồm nhiều người khác đã tập trung tại ngôi chùa này vào sáng ngày 1-3. Các nhà sư của tu viện Namgyal dẫn đầu những lễ cầu nguyện truyền thống và cúng bái Palden Lhamo, vị thần chính thức của họ.

Người Tây Tạng mừng lễ Losar như một lễ hội trong 3 ngày. Nhưng do trận động đất thảm khốc ở Tây Tạng năm nay, nên họ không ăn mừng một cách phô trương mà chỉ thực hiện những

nhghi lễ cần thiết ở Dharamshala.
(ANI - March 1, 2025)



Lễ mừng Năm Mới Tây Tạng (Losar) tại chùa Tsuglagkhang



Photos: Google

CAM BỐT: Phát hiện phần thân tượng Phật trùng khớp với phần đầu đã khai quật được vào năm 1927

Tại Đền Ta Prohm vào tháng 2 năm nay, các chuyên gia của Cơ quan Quản lý Quốc gia Apsara (ANA) của Cam Bốt đã phát hiện phần thân tượng Phật trong tư thế khác thường - với tay trái đặt trên ngực.

Tác phẩm điêu khắc nói trên được xác định là trùng khớp với tác phẩm điêu khắc phần đầu của Đức Phật được phát hiện tại cùng địa điểm vào năm 1927, trong thời kỳ thuộc địa của Pháp. Phần đầu tượng hiện được bảo quản tại Trung tâm Bảo tồn Angkor.

Trong số 29 mảnh vỡ được tìm thấy, các chuyên gia cho biết tác phẩm điêu khắc này theo phong cách nghệ thuật Bayon, với phần đầu, bàn chân và bàn tay phải bị mất. Tượng cao 1.16 mét và rộng 56 cm.

Theo ANA, các chuyên gia đã so sánh và ghép các mảnh mới phát hiện với các mảnh được tìm thấy trước đó, xác nhận rằng phần thân tượng Phật trùng khớp với các mảnh cánh tay và bàn chân được phát hiện trước đó từ giai đoạn 1 của cuộc nghiên cứu vào tháng 7 năm 2024.

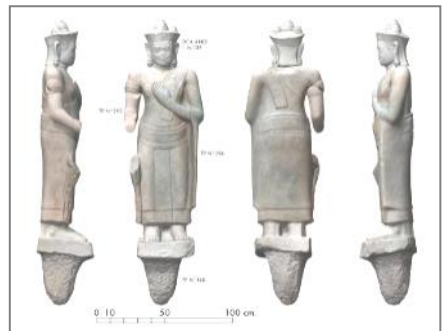
"Như vậy, các bộ phận bị mất của tác phẩm điêu khắc Phật bị

vỡ đã gần như được phục hồi về hình dạng ban đầu. Bộ phận duy nhất còn thiếu chưa tìm thấy là bàn tay phải", ANA cho biết.

(The Phnom Penh Post - March 10, 2025)



Phần thân tượng Phật phát hiện tại Đền Ta Prohm vào tháng 2/ 2025



Đồ họa 3-D phần đầu và thân tượng được ráp nối-Photos: ANA

HÀN QUỐC: Korail (Hỏa xa Hàn Quốc) sẽ vận hành tàu hỏa cho tour tham quan chùa chiền

Vào ngày 22-3-2025 sẽ có một tour tham quan chùa chiền trong ngày bằng tàu hỏa, do Công ty Phát triển Du lịch Korail và Đoàn Vận hóa Phật giáo Hàn Quốc đồng tổ chức.

Tàu hỏa này sẽ khởi hành từ Ga Seoul và dừng tại các ga Yeongdeungpo, Suwon và Cheonan trước khi viếng 10 ngôi chùa, bao gồm chùa Magoksa ở Gongju, Banyasa ở Yeongdong và Naesosa ở Buan. Những người tham gia có thể chọn ngôi chùa mà họ muốn đến viếng.

Tại mỗi ngôi chùa, khách tham quan sẽ tham gia vào nhiều chương trình khác nhau, bao gồm dùng trà, cúng dường bữa ăn Phật giáo và làm tràng hạt Phật giáo.

Tour du lịch này cũng có các chuyến tham quan đến các khu chợ truyền thống địa phương, các địa điểm thu hút khách du lịch ẩn khuất gần các ngôi chùa, và các buổi trình diễn nhạc truyền thống Hàn Quốc đặc biệt.

(koreaherald.com - March 11, 2025)



*Chùa Naesosa ở Buan, tỉnh Bắc Jeolla, một điểm đến trong tour tham quan chùa chiền của Korail
Photo: Cultural Corps of Korean Buddhism*

ẤN ĐỘ: Liên hoan Phim Phật Đạo tại New Delhi khám phá Phật giáo thông qua điện ảnh

Liên hoan Phim Phật Đạo (Bodhipath) - được tổ chức tại New Delhi vào ngày 10-11 tháng 3 - đã kết hợp điện ảnh và tâm linh trong sự hội tụ độc đáo của biểu đạt nghệ thuật và giáo lý Phật giáo.

Liên hoan trình chiếu những bộ phim tóm tắt bản chất của Phật pháp, mang đến cho khán giả sự trải nghiệm phản ánh mối liên quan của triết lý Phật giáo trong cuộc sống đương đại. Thông qua kể chuyện trực quan, liên hoan phim này nhằm mục đích đào sâu hiểu biết về tâm linh đồng thời nhấn mạnh sự liên quan liên tục của giáo lý Phật giáo trong một thế giới luôn thay đổi.

Liên hoan tiếp tục nhấn mạnh sự phát triển của giao tiếp trong việc truyền tải giáo lý Phật giáo. Với sự lựa chọn các bộ phim và các cuộc thảo luận khơi gợi suy nghĩ, Liên hoan Phim Phật Đạo 2025 dự kiến sẽ trở thành một sự kiện quan trọng, tập hợp cộng đồng Phật giáo toàn cầu và những người đam mê điện ảnh bằng cách nêu bật vai trò của phim như một phương tiện truyền tải trí tuệ Phật giáo, nuôi dưỡng chánh niệm và thúc đẩy biểu đạt nghệ thuật trong khuôn khổ đương đại.

(Buddhistdoor Global – March 11, 2025)



*Poster của Liên hoan Phim Phật Đạo tại New Delhi, Ấn Độ
Photo: theprint.in*

TÍCH LAN: Lễ hội Phật đàn Rashmi Vesak 2025 được tổ chức từ ngày 13 tháng 5

Colombo, Tích Lan - Ban Truyền thông của Thủ tướng cho biết: Lễ hội Phật đàn Rashmi Vesak 2025 dự kiến sẽ được tổ chức từ ngày 13-5 trở đi tại khu vực lân cận Chùa Hunupitiya Gangaramaya, dinh thự chính thức của Temple Trees, Perahera Mawatha và khu vực Hồ Beira.

Ngày 12-3, một cuộc thảo luận về "Lễ hội Phật đàn Rashmi Vesak", do Chùa Hunupitiya Gangaramaya và Văn phòng Thủ tướng đồng tổ chức, đã diễn ra tại Văn phòng Thủ tướng dưới sự bảo trợ của Thư ký Thủ tướng Pradeep Saputhanthri.

Lễ hội Phật đàn Rashmi Vesak 2025 sẽ có các cuộc triển lãm đồ trang trí Vesak, lễ trại Vesak và đèn lồng do Ba Quân chủng/Tri-Forces, học sinh, sinh viên đại học, các tổ chức chính phủ và từ nhân tổ chức. Ngoài ra, để chào mừng Lễ Phật đàn Vesak, việc tổ chức các chương trình tôn giáo tại các trường học và cơ quan nhà nước được quan tâm đặc biệt.

(Daily Mirror – March 13, 2025)

Hình ảnh Đại lễ Vesak tại Tích Lan-Photo: Daily News



ẤN ĐỘ: Nhóm thứ năm của chư ni Tây Tạng tốt nghiệp Chương trình Nghiên cứu Mật tông Nâng cao

Dự án Chư Ni Tây Tạng (TNP), một tổ chức từ thiện đã đăng ký tại Hoa Kỳ có trụ sở tại Seattle và tại Quận Kangra của bang Himachal Pradesh, Ấn Độ, đã thông báo rằng một nhóm gồm 9 nữ tu sĩ Phật giáo Tây Tạng đã tốt nghiệp chương trình Nghiên cứu Mật tông kéo dài một năm tại Đại học Mật tông Gyuto ở miền bắc Ấn Độ vào ngày 19-2-2025. Chín ni cô này là nhóm thứ 5 tham gia khóa học nâng cao geshema kể từ khi chương trình mang tính bước ngoặt này bắt đầu vào năm 2017.



Đức Đạt lai Lạt ma ban phước cho 9 nữ tu sĩ Geshema sau khi hoàn thành chương trình một-năm về Nghiên cứu Mật tông.—Photo: TNP

Bằng geshema là bằng cấp học thuật cao nhất trong truyền thống Gelugpa của Phật giáo Kim Cương thừa và chỉ mới được cấp cho các nữ tu sĩ Phật giáo gần đây.

Dự án Chư Ni Tây Tạng cung cấp giáo dục và viện trợ nhân đạo cho các ni cô tị nạn từ Tây Tạng và các vùng thuộc Hi Mã Lạp Sơn của Ấn Độ. Được thành lập dưới sự bảo trợ của Hiệp hội Phụ nữ Tây Tạng và Bộ Tôn giáo và Văn hóa của Chính quyền Trung ương Tây Tạng, Dự án Chư Ni Tây Tạng TNP hỗ trợ hàng trăm nữ tu sĩ từ mọi dòng Phật giáo Tây Tạng và 7 tu viện.

(Buddhistdoor Global – March 10, 2025)

THỜI GIAN...

*Thời gian từ đâu đến
Do quả đất vẫn xoay
Do tinh cầu di chuyển
Từ nhật nguyệt đồng quy
Từ đơn vị sanh tử
Của muôn pháp đổi thay
Định mốc câu chuẩn đích
Là luật tắc an bày
Vì không gian biến động
Khích vạn vật tung bay
Nhiều ly tâm hợp sức
Thành Tam Giới vòng đai
Tựa vô minh làm trục
Luân hồi bánh xe quay
Mãi lăn theo hành nghiệp
Khiến vũ trụ vơi đầy.*

TÁNH THAM

*Tiền rơi ai bỏ sau lưng
Kẻ tham sáng mắt, vội vàng lượm ngay
Tưởng rằng hạnh phúc là đây
Trong khi người khóc mắt đi cuộc đời
Ngờ đâu luật pháp đến nơi
Gắn lên nhãn hiệu con người bắt lương
Thế rồi rước lấy tù nhân
Than thân trách phận họa vương phải đành
Tham lam hạt giống vô tình
Đừng cứ mang nó trong mình lụy thân
Chôn vùi lắm kẻ công khanh
Đọa đầy lắm kẻ tinh anh tốt cùng
Dù cho liêm chính bao dung
Nếu như không diệt khó mong toại nguyện
Ai ơi suy đó làm duyên
Thoát vòng trói buộc, cửa Thiền an tâm.*



THIÊN TỌA

*Rừng thông yên lặng tiếng
Hoàng hôn phủ khắp nơi
Đơn thân ngồi tĩnh tọa
Mặc tình cánh sao rơi*

*Giữa đêm trường hoang vắng
An nhiên miệng mỉm cười
Thời gian nào hay biết
Bình minh đã đến rồi.*

thơ

HT. THÍCH THẮNG HOAN

NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

HT. Thích Trí Chơn

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

ROBERT CHALMERS (1858-1938)

Sinh ngày 18-08-1858 tại Anh quốc, Robert Chalmers:

- Tốt nghiệp Tiến Sĩ Văn Chương (Dr. Litt.) tại Đại học Oxford (miền trung nam nước Anh).

- Hội viên trường Oriel College (thành lập năm 1326 thuộc đại học Oxford).

- Hội viên Bảo Tàng Viện Anh quốc (Trustee of the British Museum).

- Hội viên Hàn Lâm Viện Anh quốc (Fellow of the British Academy).

- Chủ tịch Hội Hoàng Gia Á Châu (President of the Royal Asiatic Society).

Robert Chalmers là con trai độc nhất của ông John và bà Juliet Chalmers. Khi còn nhỏ, ông được gia đình gửi đến học trường City of London. Năm 1877, ông ghi tên nhập học trường Oriel College. Đầu tiên ông chọn học môn Cổ điển (classics); sau ông bỏ ngành cổ điển, chọn Khoa học làm môn chính và môn phụ là Sinh vật học (biology). Có lần ông định đổi sang học ngành bác sĩ Y khoa (medicine).

Năm 1822, ông đỗ đầu trong kỳ thi vào trường Hành Chánh Dân Sự Cao Cấp (Higher Administrative Division of Civil Service) để học ngành Tài chính (Treasury). Ông tiến rất nhanh, xuất sắc về các môn Kế toán và Thống kê. Năm 1903, ông nhận giữ chức vụ Phó Thư Ký (Assistant-Secretary) và sau đó Trưởng Phòng Kế Toán (Accountant-General) ở Bộ Hải Quân. Năm 1907, ông được bổ nhiệm làm chủ tịch suốt 4 năm ở Sở Thuế Vụ Nội Thương (Board of Inland Revenue) tại Anh quốc. Robert Chalmers lập gia đình lần đầu tiên năm 1888 với Maud Mary, con gái ông J.G. Forde Piggott. Bà này qua đời năm 1923 có được với Chalmers ba người con, hai trai một gái. Hai người con trai, một gia nhập quân đội, và người kia làm luật sư. Cả hai đều hy sinh trong trận thế chiến thứ nhất năm 1915. Năm 1935, R. Chalmers tái kết hôn với Iris Florence, con gái của ông John Biles và là quả phụ của giáo sư R. Latta. Nhưng lần thứ hai lập gia đình này, R Chalmers không có người con nào.



ROBERT CHALMERS

Nghiên Cứu Phật Giáo Qua Thánh Ngữ Pali Trong Thời Gian Làm Thống Đốc Xứ Tích Lan

Một trong những lý do khiến R. Chalmers muốn đến Tích Lan (Sri Lanka) - nơi có nhiều chư Tăng, học giả thông suốt tiếng Pali, là vì ông thích nghiên cứu thánh ngữ này khi ông còn theo học tại trường Hành Chánh, như trong một đoạn thư viết dưới đây của ông H. Butterfield, tổng thư ký trường Peterhouse College (thành lập năm 1824 thuộc Đại học Cambridge, Anh quốc) cho biết:

"Tôi còn nhớ R. Chalmers có lần đã bảo với tôi rằng khi ông làm công chức ở ngành Hành Chính, ông cảm thấy ông có khả năng để học hỏi thêm một cổ ngữ, nên ông đã chọn Pali là thứ tiếng mà ông nghĩ rằng ông có thể nghiên cứu".

Hơn nữa, trước khi đến nhận chức Thống Đốc xứ Tích Lan (Governor of Ceylon) từ năm 1913 đến 1916,

R. Chalmers đã theo học Pali nhiều năm với giáo sư Rhys Davids (1843-1922) tại Anh quốc, và ông ta cũng đã bắt đầu phiên dịch các kinh điển Phật Giáo từ Pali ra Anh văn.

Thực vậy, trong thời gian ở Tích Lan, R. Chalmers đã tỏ ra là một nhà ngữ học Pali uyên bác khiến các học giả, chư Tăng Tích Lan bấy giờ rất khâm phục. Có lần ông được mời chủ tọa buổi lễ phát thưởng tại trường đại học Đông Phương (Vidyodaya Pirivena) ở Colombo (thủ đô Tích Lan); chư Tăng Tích Lan tưởng R. Chalmers không thể nói rành tiếng Pali, nên họ đã yêu cầu ông trong buổi lễ phát biểu bằng Anh văn, và sẽ có người dịch ra tiếng Sinhalese (Tích Lan). Nhưng R. Chalmers đã từ chối bảo rằng ông có thể nói chuyện trực tiếp bằng tiếng Pali. Và, trong suốt hơn nửa giờ, trước đông đảo quần chúng, chư Tăng Tích Lan, R. Chalmers đã phát biểu tiếng Pali trôi chảy, rõ ràng từng chữ, với câu kết luận khiến mọi người hiện diện hôm đó vô cùng ngạc nhiên và thán phục: "Tôi cầu mong Thánh ngữ Pali sẽ được mãi mãi phát triển tại đảo Tích Lan" (May this noble Pali Language ever flourish in Lanka).

Tại Tích Lan, R. Chalmers tiếp tục công trình nghiên cứu Phật Giáo qua cổ ngữ Pali. Theo bà Rhys Davids (1858-1942) cho biết, trong thời gian

ở đây, ông ta đã chuẩn bị cho ấn hành (phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh) tập Papanca-Sūdani, chú giải về Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikaya), với sự cộng tác của các học giả, chư Tăng Tích Lan bấy giờ, nhất là Thượng Tọa Ramalāne Dhammārāna. Trong thư đề ngày 25-06-1915 do bí thư của R. Chalmers ký thay ông ta để phúc đáp cho T.T. Dhammārāna có đoạn viết như sau:

“Tôi đã trình bày sự việc với ông thống đốc (R. Chalmers) về lời thỉnh cầu ghi trong thư của Thượng Tọa đề ngày 24 tháng 6 vừa qua, việc Thượng Tọa muốn gặp ông thống đốc để thảo luận về công tác hoàn tất và cho ấn hành cuốn Papanca-Sūdani mà ông R. Chalmers đã mong đợi từ lâu, tôi kính xin trả lời để Thượng Tọa rõ là hiện nay ông Thống Đốc chưa có thì giờ, nhưng ông ta rất mong được gặp, tham khảo ý kiến với Thượng Tọa trong công trình phiên dịch này vào một ngày khác thuận tiện, mà tôi sẽ thông báo cho Thượng Tọa biết sau”.

Những Đóng Góp Của R. Chalmers Cho Nền Phật Học Tây Phương

a) Tham gia Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Phật Giáo Pali và Ban Dịch Thuật toàn bộ Kinh Bốn Sanh (Jataka)

Sau khi về hưu, R. Chalmers được mời làm giáo sư dạy ở trường Peterhouse College, và tại đây ông tiếp tục nghiên cứu cả hai cổ ngữ Sanskrit (Phạn) và Pali. Dưới sự hướng dẫn, khuyến khích của Tiến Sĩ Rhy Davids (1842-1922), R. Chalmers đã tham gia Hội Phiên dịch Kinh Tạng Pali (The Pali Text Society) tại Luân Đôn, và Ban Dịch Thuật gồm nhiều học giả do giáo sư E.B. Cowell (1826-1903) thành lập tại Cambridge (Anh quốc) để dịch toàn bộ Kinh Bốn Sanh (Jatakas) gồm 550 mẫu chuyện tiền thân của đức Phật từ Pali ra Anh văn.

b) Công trình phiên âm, dịch thuật Kinh tạng Pali

Dưới đây là những bộ kinh do R. Chalmers đã phiên âm Pali theo mẫu tự La Tinh (Romanized Pali):

- 1896-1898: Tập II, Majjhima Nikāya (Trung bộ Kinh) thuộc Kinh tạng (Sutta Pitaka).
- 1899-1902: Tập III, Majjhima Nikāya (Trung Bộ Kinh) thuộc Kinh tạng.

R. Chalmers cũng đã dịch từ nguyên bản Pali ra Anh văn các bộ kinh:

- 1895: Tập (Vol.) I, Stories of Buddha's Former Births (Jatakas), gồm 150 mẫu chuyện Tiền thân của đức Phật, trong Tiểu bộ Kinh (Khuddaka Nikāya) thuộc Kinh Tạng.

Tập này được xuất bản trong toàn bộ 6 tập (Vols.) dưới sự chủ biên của học giả E.B. Cowell.

- 1926: Tập I, Further Dialogues of the Buddha (Majjhima Nikāya), Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1927: Tập II, Further Dialogues of the Buddha (Majjhima Nikāya), Trung Bộ Kinh thuộc Kinh Tạng.

- 1932: Woven Cadences (Sutta Nipāta), Kinh Tập hay “Những bài Pháp sư tập” trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikāya) thuộc Kinh Tạng.

Tập này gồm 300 trang do Đại học Harvard tại Boston (Hoa Kỳ) xuất bản cuốn thứ 37 trong bộ “Đông Phương Học” (Harvard Oriental Series).

R. Chalmers qua đời năm 1938 tại Anh quốc, hưởng thọ 80 tuổi. Trước khi mất, ông đã hiến tặng toàn bộ thư viện gồm nhiều kinh sách Pali giá trị của ông cho bà I. B. Horner, một học giả Pali lúc ấy đang làm quản thủ thư viện tại trường Newnham

NGƯỜI GỖ CỬA HƯ VÔ

*Bước nhẹ hồn run mếp cỏ
Mây trôi tan giữa lối thiền
Chuông khua vỡ từng giấc mộng
Cát mềm in dấu vô biên
Bàn tay gầy tro bụi đỏ
Mặt trời ôm bóng Sa-di
Lời kinh rưng trên sông trắng
Hư không mở cửa bên trời
Mắt chạm ngàn thu tĩnh mặc
Môi khô thâm gọi nhân gian
Dòng sông chảy qua kiếp nạn
Nghe đời trôi giữa vô vàn
Ngón tay vẽ vòng hư ảo
Ngón lửa sợi nắng đan tranh
Hạ huyền rưng trong tiếng mõ
Nhẹ nhàng lau trắng qua sông
Ngày buộc thân vào cát bụi
Dắt tâm qua bến tịch liêu
Ngồi nghe chiều rơi xuống cỏ
Tan cùng nhịp thở phiêu diêu
Trăng vỡ thành muôn ánh mộng
Tú đại nghiêng một dòng không
Đêm sâu nở bóng vô ngã
Hồn nghe sỏi đá hiện hòa
Người về gõ cửa hư vô
Chữ rơi trên miền tuyệt lộ
Chèo khuya nhịp nhàng hơi thở
Người đi con nước theo... trôi
Bụi bám trăm năm áo mỏng
Chìa tay bắt bóng thiền quang
Một chén trà nghiêng thế kỷ
Yêu từng giọt nắng li ti
Độc âm nghìn đêm lặng lẽ
Ngày gieo hạt mộng chân như
Ai hát bên kia bờ giác
Bè trôi... tan giữa lối thiền
Tâm vắng như dòng suối cạn
Quen đường ngón trở chỉ trắng
Tuệ giác nhón chân nhẹ nhẹ
Thềm khuya rưng bóng luân hồi...*

 THUY SƠN

College, thuộc đại học Cambridge; và sau này bà được bầu làm chủ tịch “Hội Phiên Dịch Kinh Tạng Pali” (The Pali Text Society) tại Luân Đôn từ năm 1959-1981.

PHẬT THUYẾT KINH CÔNG ĐỨC XUẤT GIA

Thích Tâm Nhân

TƯ TƯỜNG PHẬT HỌC

Dẫn nhập:

Thuở xưa tại xứ Ấn, có một người vương tử quen mình đang tuổi thanh xuân, từ bỏ ngai vàng điện ngọc, quay lưng với quyền uy, danh vọng, thoát tục ly hương, ẩn sâu trong rừng già, sáu năm khổ hạnh... Rồi một hôm, ánh sao mai mờ hắt trước bình minh bừng dậy, dưới cội Bồ-đề, người vương tử ấy đã tìm ra con đường hạnh phúc miên viễn cho chư thiên và thế giới loài người. Có quyết chí xuất gia người vương tử ấy mới làm được như vậy!?

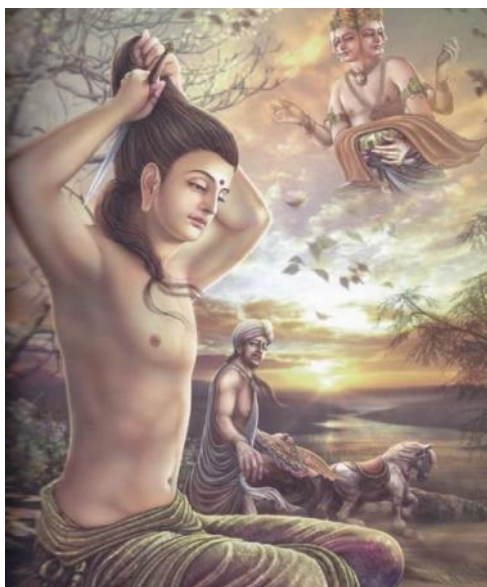
Nhân ngày khánh đản đức Phật Thích-ca Mâu-ni, chúng tôi xin giới thiệu đến quý Phật tử kinh "Công đức xuất gia" (Phật thuyết xuất gia công đức kinh 佛說出家功德經

'Abhiṣkramaṇa-guṇa-sūtra') 1 quyển, không rõ tên người dịch, phụ lục thời Đông Tấn (Tam Tấn), Đại Chánh 16, số hiệu 707, trang 813.

Toát yếu nội dung kinh:

Kinh kể về một vương tử tên là Dũng Quân (tên phiên âm Tỳ-la-tiên-na 'Virasena') thuộc giai cấp quý tộc Lê-xa (Licchavi), cư ngụ tại thành Tỳ-xá-ly (Vaiśālī). Ví như ở cõi trời, chư thiên và thiên nữ vui chơi thì đời sống chàng vương tử này cũng vậy, ngày đêm sống hưởng lạc, vui chơi đam mê sắc dục cùng các mỹ nữ.

Nhân một hôm đến giờ thọ trai, đức Phật vào thành khất thực, Ngài dùng Nhất thiết trí mà nghe được âm thanh vui đùa của vương tử Dũng Quân và các mỹ nữ đang vui chơi trên lầu. Đức Phật biết vương tử Dũng Quân sau bảy ngày nữa thì mạng chung sẽ đoạn địa ngục. Ngài mới dạy A-nan đến nhà Dũng Quân khuyên bảo nên sớm giác ngộ xuất gia để lúc mạng chung tránh sự đoạn lạc. Vàng lời chỉ dạy của Phật, A-nan đến gặp vương tử Dũng Quân khuyên: "Này bạn! Sau bảy ngày nữa bạn sẽ chết. Nếu bạn ở trong ngũ dục không giác ngộ, không xuất gia, thì lúc mạng chung bạn sẽ đoạn địa ngục. Phật là bậc Nhất thiết trí, chánh ngữ chánh thuyết đã nói về bạn như thế. Ví như ngọn lửa thiêu đốt mọi vật, thầy đều không sai. Bạn nên suy nghĩ cho kỹ." Vương tử Dũng Quân nghe nói vậy quá lo sợ, buồn rầu, sâu muộn không vui rồi nói: "Theo lời chỉ dạy



của Tôn già, tôi phải xuất gia nhưng tôi muốn thọ hưởng khoái lạc thêm 6 ngày nữa, đến ngày thứ 7 tôi sẽ già từ người thân, quyết định xuất gia."

Đến ngày thứ 7, vương tử Dũng Quân xin Phật xuất gia. Qua một ngày một đêm Dũng Quân tu trì tịnh giới rồi mạng chung. Sau khi hỏa thiêu hương khói xong, A-nan cùng thân quyến của Dũng Quân đến hỏi Phật, thần thức của vương tử Dũng Quân đi về đâu? Phật dạy: vương tử Dũng Quân trong một ngày một đêm tu trì tịnh giới xả bỏ cõi đời này sinh về trời Tứ thiên vương... vui chơi thọ 500 tuổi, rồi mạng chung sinh về cõi trời Ba mươi ba... tuổi thọ kéo dài 1000 tuổi; số tận

sinh về Diêm thiên... thọ 2 ngàn tuổi... sinh về cung trời Đâu-suất... thọ 4 ngàn tuổi. Sinh lên Tự tại thiên... thọ 8 ngàn tuổi. Hết 8 ngàn tuổi mạng chung sinh về trời Tha hóa tự tại... thọ một vạn sáu ngàn tuổi. Thọ lạc như vậy qua lại 7 lần trong 6 cõi trời dục. Do một ngày một đêm xuất gia nên mãn 20 kiếp, không đoạn địa ngục, nạ quý, súc sinh; thường sinh thiên, nhơn, thọ phước tự nhiên. Trong loài người kiếp cuối cùng sinh vào nhà giàu có sung sướng, tài sản phong phú, chân bảo đầy đủ... song Dũng Quân nhàm chán ở đời, xuất gia cạo bỏ râu tóc, thân khoác pháp phục, siêng tu tịnh tấn, giữ 4 oai nghi, thường hành chánh niệm, quán ngũ ấm, khổ, không, vô ngã, hiểu pháp nhân duyên, thành Bích-chi Phật, hiệu là Tỳ-lưu-đề; lúc ấy Ngài phóng hào quang lớn có nhiều người, chư thiên được thiện căn và giúp các loài chúng sanh trong ba thừa được giải thoát.

A-nan lại thưa hỏi đức Phật, nếu có người độ người xuất gia, người ấy xuất gia gánh vác mọi việc thì được bao nhiêu phước đức? Và nếu có người gây trở ngại người khác xuất gia thì thọ tội báo gì?

Phật dạy, công đức của người xuất gia không thể nói hết, nếu họ sinh thiên, hay trong loài người thường làm quốc vương, thọ hưởng hạnh phúc nhơn, thiên. Nếu ai giúp người xuất gia vào trong pháp Sa-môn thì dù ở trong sinh tử người

ấy vẫn hưởng an lạc, hạnh phúc... Còn nếu gây trở ngại phương hại chuyện người khác xuất gia thì người đó bị cướp mất kho tàng vô tận thiện tài phước báu... thọ vô lượng tội.

Phật lại bảo A-nan:

Nếu có các bậc A-la-hán trong 4 cõi nhiều như lúa cỏ, rừng rậm, rồi có người nào ở trong đó đủ 100 tuổi tận tâm cúng dường những vị A-la-hán này những thứ như: y phục, thức ăn, nước uống, thuốc thang... cho đến sau khi các vị ấy niết-bàn, lại xây dựng tháp miếu, dùng đủ loại chân bảo, hoa hương, châu ngọc... cúng dường, và dùng kệ tụng tán thán, thì công đức này không bằng người xuất gia thọ giới dù chỉ một ngày một đêm tu trì. Công đức xuất gia được 16 phần, công đức trước chỉ một phần.

Khi ấy, cả đại chúng nghe Phật thuyết pháp không ai mà không nhằm chân cảnh đời; họ xuất gia trì giới, có người đắc Tu-đà-hoàn, thậm chí có người đắc quả vị A-la-hán, có người gieo hạt giống Bích-chi Phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Mọi người rất vui mừng đánh lễ phụng hành.

Lời kết:

Về công hạnh xuất gia, đức Phật khen ngợi, tán thán bằng bạc khắp trong Kinh tạng, như kinh Hiền ngu: *"Công đức của sự xuất gia cao hơn Tu-di, sâu hơn biển cả, rộng hơn hư không. Tại sao như vậy? Vì xuất gia quyết định thành Phật"*. Kinh Ưc-già trưởng giả: *"Tại gia thì ô nhiễm, xuất gia thì thanh tịnh; tại gia neo buộc, xuất gia giải thoát..."* Kinh Văn-thù-sư-lợi vẫn: *"Tại gia thì tăng thêm phiền não, xuất gia thì giải thoát. Tại gia là vào trong rừng chông gai gươm giáo, xuất gia là ra khỏi rừng chông gai gươm giáo..."*

Những lời ấy từ kim khẩu Thế Tôn nói ra thì chúng ta không còn gì để luận bàn. Nhưng chúng ta nên hiểu, ở đây đức Phật không phủ nhận đời sống tại gia tu dưỡng vô dục, vô ngã là một việc khó khăn, và quả vị chúng đắc đến quả Bất hoàn mà thôi, không thể đạt được Hiền pháp niết-bàn. Đồng thời đứng trên quan niệm "triết học xuất gia", đức Phật muốn chứng minh cho chúng ta thấy rằng, ái ân, tiền của, quyền lực, danh vọng... khó vĩnh hằng trước định luật vô thường; cho nên Ngài đã dạy A-nan khuyên vương tử Dũng Quân xuất gia.

Vương tử Dũng Quân xuất gia tu hành một ngày một đêm, rồi mạng chung sanh về các cõi trời, tuổi thọ kéo dài, mãn 20 kiếp không đọa địa ngục, naga quỷ... Vì sao vương tử Dũng Quân được phước báu như vậy? Vì vương tử Dũng Quân giữ giới trọn vẹn trong một ngày một đêm. Kinh Tầm địa quán nói: "Sự xuất gia khó nhất là giữ giới. Giữ giới được mới gọi là xuất gia." Luật Thiên kiến cũng nói: "Giới luật là thọ mạng của Phật pháp. Giới luật còn thì Phật pháp còn." Giới là cửa ngõ đi đến giải thoát, là năng lượng duy trì, bảo vệ cộng đồng Tăng-già. Một vị xuất gia giới hạnh thanh cao là hình ảnh, là tín hiệu cho sự sống còn của Giáo đoàn dù bất cứ nơi đâu, hay ở xứ sở nào.



THĂM LẠI NÚI RỪNG XƯA

(Viết tặng Thầy Tuệ Sỹ)

*Anh về thăm lại núi rừng xưa
Ráng nắng mai hồng lá thoáng đưa
Vành nón che nghiêng hương sắc nửa
Sương mờ vương đất gió man man.*

*Tìm luồng đất xưa cà chớm nụ
Cải xanh vàng vọt ánh tà dương
Am rách gió mưa theo gió chường
Thân gầy che chắn nỗi niềm riêng.*

*Tìm phiến đá mòn phơi nẻo vắng
Chạnh lòng Lã Vọng suối buông câu
Buồn dâng con nước xuôi đôi ngả
Ánh mắt chưa tan một mối sầu.*

*Thương đời yêu cả cuộc tang thương
Nắng sớm chiều mưa lại đổi thay
Thì nay xin gửi về thiên cổ
Một tiếng cười vang lạnh gió bay.*

(Vạn Giã)

thơ **PHỔ ĐỒNG**

Song, tâm nguyện của người xuất không phải dừng ở đó mà "Thế giới độc ác đầy cả ngũ trược con thê bước vào trước hết; nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, thì con thê không bao giờ hưởng lấy niết-bàn." Vì thế, kiếp cuối cùng của vương tử Dũng Quân nói lên tâm đại bi của người xuất gia "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh", nên Dũng Quân tu hành thành Phật Bích-chi, hiệu Tỳ-lưu-đề, phóng hào quang cứu độ chúng sanh trong ba thừa.

Luận bàn công đức một vị xuất gia chân chính tức luận bàn công đức một vị Phật tương lai, công đức ấy không thể nghĩ bàn, trí phàm nhân không thể thẩm thấu. Chúng tôi xin mượn lời Thế Tôn diễn đạt lại:

"Người xuất gia là người tôn quý cao nhất, là người vô thượng, người không ai sánh bằng, người không ai ngang vai; người ấy là bậc đại hùng lực giữa thế gian, độc bộ vô lưỡng." (Kinh Diễn đạo tục nghiệp).

KHI MA QUỶ LỘNG HÀNH

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Chuyện người tu hành bị ma quỷ nhiễu hại xưa nay không phải là hiếm. Những bậc Thánh tăng còn bị làm hại huống gì phàm tăng. Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc Thánh A-la-hán, vị Tướng quân Chánh pháp mà còn bị quỷ ma nhiễu hại thì chúng ta đang tập tu nếu có kẻ phá hoại cũng là chuyện thường tình.

"Một thời Phật trú tại Ca-lan-đà, Trúc viên, thành La-duyet, cùng chúng 500 Đại Tỳ-kheo. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang vá y trong một hang vắng trong núi Kỳ-xà-quật, nhập Kim cang tam-muội.

Khi ấy có hai con quỷ, một tên là Già-la, và một tên là Ưu-bà-già-la. Chúng được Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương để luận bàn việc người và trời. Khi hai con quỷ bay ngang qua hư không, chúng từ xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết-già, buộc niệm trước mặt, tâm ý tịch nhiên định. Quỷ Già-la nói với quỷ Ưu-bà-già-la:

- Bấy giờ ta có thể nắm tay đấm lên đầu Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nói với con quỷ Già-la:

- Người chớ có khởi ý nghĩ đánh lên đầu Sa-môn. Vì sao? Sa-môn này có thần đức, có oai lực rất lớn. Vị Tôn giả này tên là Xá-lợi-phất. Trong hàng đệ tử của Thế Tôn, ngài là vị thông minh tài cao không ai hơn, là đệ nhất trí tuệ trong các đệ tử. Nếu không, người sẽ chịu khổ vô lượng lâu dài.

Nhưng quỷ Già-la lặp lại ba lần, nói:

- Ta có thể đánh lên đầu Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

- Người không nghe lời ta, thì người cứ ở lại đây. Ta sẽ bỏ người mà đi.

Con ác quỷ kia nói:

- Người sợ Sa-môn sao?

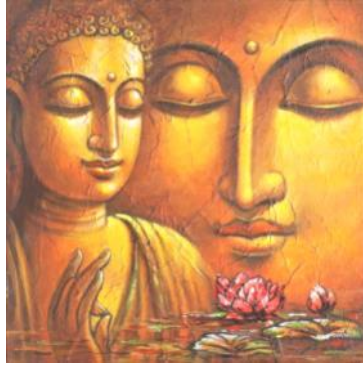
Quỷ Ưu-bà-già-la nói:

- Ta sợ thật. Nếu người lấy tay đánh Sa-môn này, đất này sẽ nứt làm hai. Ngay lúc đó mưa to gió lớn sẽ nổi lên. Đất cũng rung động, chư thiên kinh sợ. Khi đất rung động, Tứ thiên vương cũng kinh sợ. Tứ thiên vương mà kinh sợ, chúng ta không ở yên được đâu.

Khi ấy, con ác quỷ Già-la nói:

- Ta có thể làm nhục Sa-môn này.

Quỷ Ưu-bà-già-la nghe thế liền bỏ đi. Con quỷ ác Già-la bèn lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi-phất. Tức thì, trời đất bị chấn động. Bốn phía mưa to gió lớn kéo đến. Đất liền nứt làm hai.



Con quỷ ác này rơi xuống địa ngục.

Sau đó, Tôn giả Xá-lợi-phất từ tam-muội dậy, sửa lại y phục, và bước xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến Thế Tôn tại vườn Trúc, cúi đầu lay dưới chân, rồi ngồi xuống một bên.

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Thân thể ông nay không có bệnh tật gì chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

- Thân thể con nguyên chẳng bệnh hoạn gì. Duy chỉ có nhức đầu.

Thế Tôn nói:

- Quỷ Già-la lấy tay đánh vào đầu ông. Nếu nó lấy tay đánh vào núi Tu-di, núi ấy cũng bị vỡ làm đôi. Vì sao? Con quỷ ấy có sức mạnh to lớn. Nay nó đã chịu tội báo, toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ".

(Kinh Tăng nhất A-hàm, chương 10 pháp, phẩm Bất thiện, kinh số 6 [trích])

Chuyện đời là vậy, tu hành mà có những làm lỡ, khiếm khuyết, sai phạm bị người khinh chê, phỉ báng là chuyện thường. Nếu có bậc tu cao, phạm hạnh, thậm chí đã chứng Thánh cũng chưa chắc đã yên, vẫn bị người ta chống phá, nhiễu hại.

Nhìn vào sự đánh phá Phật giáo bất chấp thủ đoạn với nhiều mục đích khác nhau đang diễn ra trên mạng xã hội hiện nay thì sẽ thấy rõ hiện tượng quỷ ma lộng hành. Sự thật luôn được tôn trọng, nhân quả phân minh, ai làm sai những việc gì thì bị xử phạt, sám hối, phục thiện. Còn lại là "giâu đổ bìm leo", họ tha hồ gán ghép, suy diễn vô căn cứ nhằm phỉ báng nhiều người tu hành.

Chuyện Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi nhập định bị quỷ Già-la ngang nhiên vô cớ đánh bổ vào đầu khiến chúng ta nghiệm ra nhiều điều. Tôn giả nhờ nhập định Kim cang tam-muội nên cú đánh có sức mạnh vỡ đôi núi Tu-di cũng chỉ bị nhức đầu. Nhờ sự an tĩnh nội tâm tuyệt đối nên ngài không bị ảnh hưởng và cũng chẳng để ý đến. Thế nhưng vì xúc phạm bậc Thánh nên ngay lập tức quỷ Già-la bị đọa xuống địa ngục.

Tôn giả Xá-lợi-phất tuy chẳng oán giận hay đáp trả nhưng quỷ Già-la vì xúc phạm đến bậc Thánh nên mất hết phước đức, tự sa vào cõi khổ. Quả báo xấu này cũng sẽ đến với những ai manh tâm tìm cách bôi nhọ, xúc phạm đến những người tu hành chân chính.

NĂM MƯƠI NĂM NHÌN LẠI – MỘT CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦY THỬ THÁCH (1975-2025)

Nguyễn Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN LỊCH SỬ

Mở Đầu Cho Một Chặng Đường

Sáng đầu tuần thứ hai, cánh cửa thư viện vẫn im lìm, bất động, không giống như những ngày trước đây. Tiếng gõ máy chữ, tiếng lật trang sách, tiếng mở tủ thư viện... cùng hình ảnh anh em học tăng chăm chú học bài nay đều vắng bật. Sự im lặng ấy dường như mang theo một điều gì đó bất thường, len lỏi vào tâm thức mỗi người dưới mái trường Cao Đẳng Chuyên Khoa Hải Đức Nha Trang.

Đầy nhà trai đường, Cư Xá Tăng Sinh Viên, từ đầu đến cuối không còn những hình ảnh thân thuộc mỗi sáng. Những ngày trước, khi hiệu lệnh chấp tác vang lên, anh em học tăng liền cầm chổi quét rác trong khu vực của mình, do Ban Lãnh Chúng phân công. Những chiếc lá vàng khô rơi rụng suốt ngày đêm—lá bồ đề lớn bằng bàn tay, lá khế vàng cong queo dưới nắng hạ, lá me nhỏ li ti phủ đầy mặt đất—tất cả như những chứng nhân lặng lẽ của thời gian, chứng kiến bao thập niên trôi qua từ ngày thành lập Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức Nha Trang.

Giờ đây, thân cây me với lớp vỏ sần sùi, tán lá rộng che mát một góc trời. Quét rác, tưới cây xong là đến giờ ăn sáng, rồi ai nấy ôm kinh sách vào thư viện, lớp học, tuân theo thời khóa biểu quy định. Không ai dám làm gì ngoài chương trình, bởi lẽ lúc nào cũng có Ôn Đồng Minh thăm hỏi. Dù bận rộn với hăng xì đầu, Ôn vẫn luôn hiện diện trong tâm thức anh em học tăng. Giống như Ôn Già Lam, vị cha già tận tụy chăm sóc đàn con qua bao Phật Học Viện: Bảo Quốc Huế, Phổ Đà Đà Nẵng, Hải Đức Nha Trang, Quảng Hương Già Lam Sài Gòn...

Đó là những ân tình hướng thượng, những tình cảm thiêng liêng trong hành trình đào tạo Tăng tài để phụng sự Tam Bảo, phụng hiến cho đạo pháp và nhân sinh. Một kiếp người—ân đền nghĩa trả—nhiều lương duyên, nhiều hữu hạnh.

Cái bất thường ấy cứ kéo dài từng ngày, cho đến khi có tin Ôn Già Lam – Giám Viện Phật Học Viện – về thăm trường. Anh em học tăng vui mừng khôn xiết, nét mặt ai nấy đều rạng rỡ. Bởi lẽ giờ đây, ngoài quý Ôn, họ còn biết nương tựa vào ai? Sống hay chết, vui hay buồn, tu hành hay hoàn tục—tất cả đều ẩn mình dưới bóng những cột tùng già sừng sững trước thời gian. Dù cuộc đời có giông bão, dù mưa to gió lớn đến

đâu, những cột tùng ngàn năm trên núi tuyết vẫn bền bỉ che mưa chở nắng, kiên gan cùng tuế nguyệt, mãi mãi bất hoại.

Ôn về, lời nói được truyền tai nhau, như một sức mạnh nhiệm màu làm sống dậy tinh thần sau những ngày hiu hắt, im lìm... Tình thầy trò, nghĩa ân sự trở nên gần gũi hơn bao giờ hết. Đặc biệt là khi Ôn Thiện Siêu – Viện Trưởng, Ôn Đồng Minh – Phó Viện Trưởng, Ôn Tuệ Sỹ – Giám Học Học Vụ và Ôn Trùng San – Giám Sự Viện cùng ngồi chung bàn tại phòng khách hậu Tổ, dùng cơm trong bầu không khí đậm đà, thân thương. Khi ấy, thật thấm thía câu ca dao Việt Nam:

"Lúa thử vàng, gian nan thử sức."

Chỉ khi trải qua gian nan mới thấy rõ lòng người—ai trung trinh, ai thay đổi, ai một dạ sắt son hay ai nhẹ dạ chạy theo huyễn danh, sắc tướng, những phù hoa tạm bợ của thế gian mộng mị. Điều này càng được khẳng định rõ nét trong



buổi họp chúng, nơi đầy đủ mặt từ Ban Giám Đốc đến anh em học tăng.

Ôn Già Lam cất lời:

"Hôm nay tôi về đây, về thăm viện, thăm quý Thầy, thăm anh em học tăng... Trải qua bao nhiêu thời gian kể từ ngày thành lập Viện Cao Đẳng Hải Đức Nha Trang, tôi vì bận Phật sự nên không thường về được. Trên đã có Thượng Tọa Thiện Siêu - Viện Trưởng trông coi, bên cạnh lại có Thầy Đồng Minh, Thầy Tuệ Sỹ, Thầy Trưởng San Giám Sự, nên tôi cũng yên lòng.

Nhưng hôm nay, tôi muốn nói điều này để quý Thầy và anh em học tăng hiểu rõ. Bây giờ tôi đã là Hòa Thượng, thì dù tôi có ngồi dưới nhà bếp, quý Thầy vẫn gọi tôi là Hòa Thượng; hay có ngồi trên phòng khách, nơi hội họp để uống trà, dùng cơm như hôm nay, quý Thầy cũng gọi tôi là Hòa Thượng - không có gì sai khác cả.

Dù hôm nay ở đây, hay mai kia một nọ dòng đời có thay đổi, thế sự xoay vần, thiên biến vạn hóa, thì tôi vẫn luôn ở bên cạnh quý Thầy, bên cạnh anh em học tăng để cùng nhau làm đạo. Ở trong nhà Như Lai, tôi sẽ không bao giờ xa cách.

Với cảnh đời hôm nay, riêng tôi, tôi chấp nhận chịu nhục để quý Thầy và anh em học tăng được sống, được gìn giữ giềng mối của Đạo, của Phật Pháp trước cuộc đổi thay, thăng trầm, dâu bể này."

*"Một lòng tưởng niệm Phật Đà,
Một đời con nguyện ở nhà Như Lai.
Con nguyện mặc áo Như Lai,
Ngồi tòa pháp tọa Như Lai muôn đời."*

Nghe vậy, Ôn Thiện Siêu - Viện Trưởng - cũng cất lời, lời nói thâm trầm trong tư duy và lịch nghiệm của bậc Tôn túc, một thạch trụ vững vàng trong chốn Thiền môn. Giọng Ôn nhỏ nhẹ, ấm áp, nhưng rõ ràng như lúc Ôn giảng bài trong lớp học. Anh em học tăng ngồi dưới lắng nghe, mặt trong khoảnh khắc ấy, dường như tâm thức mỗi người ngừng trôi, trái tim ngừng đập, mạch máu cũng như lặng thinh, nín thở.

Người viết lại những lời này, người đọc có thể không tin. Nhưng những ai có mặt trong buổi họp chúng hôm ấy mới thấu hiểu được nỗi lòng của quý Ôn, mới cảm nhận hết những suy tư vô giá, không ngần mé của anh em học tăng trong giây phút hiện tiền này.

Ôn Thiện Siêu dạy:

"Ở đời, người ta thường nói: *Tấn vi quan, thối vi sư*. Nhưng suốt đời tui chỉ làm Thầy dạy học, nên tui nghĩ về tự thân mình thế này: *Tấn vi sư*, mà có *thối* thì cũng *vi sư*. Có tiến tới thì làm Thầy, mà có thối lui thì cũng làm Thầy, chứ biết làm gì bây giờ! Vì mình ăn cơm Phật, nên suốt



CHÁNH PHÁP SỐ 161, THÁNG 04.2025

đời chỉ làm việc Phật."

Đứng trước những thăng trầm, bĩ cực của thế gian, anh em học tăng giờ đây mới thực sự nghe được tiếng hồng sư tử trong chốn Thiền môn mà kính phục, mà quy ngưỡng, để nhận ra chính mình là Thích tử Như Lai. Những bậc Thầy trên dòng chảy của lịch sử Phật giáo Việt Nam, muôn đời làm rạng ngời Phật Việt.

Ôn lặng lẽ đưa mắt nhìn khắp anh em học tăng, rồi dừng lại, cúi xuống trong dáng dấp Từ Bi muôn đời của bậc chân tu.

Có tiếng động nhỏ bên cạnh Ôn Già Lam. Anh em học tăng ngược đầu nhìn lên, thấy Ôn Tuệ Sỹ khẽ kéo vạt áo nhật bình bạc màu muôn thuở cho ngay ngắn, rồi chấp tay thưa:

"Kính bạch quý Ôn, từ nãy giờ con lắng lòng nghe quý Ôn dạy mà thăm nghĩ: từ thế hệ của quý Ôn nhìn xuống, vẫn còn có

chúng con luôn sát cánh để cùng quý Ôn làm việc. Nhưng từ thế hệ của chúng con nhìn xuống, cho đến bây giờ vẫn chưa thấy ai, hoặc có mà còn đang ậm núp đầu đóm, chưa tìm ra. Vì vậy, mong quý Ôn cứ yên tâm. Bên cạnh quý Ôn đã có chúng con. Dù cho trời long, đất lở, chúng con vẫn luôn hiện diện nơi đây, không bao giờ rời bỏ quê hương và dân tộc, không bao giờ để đạo pháp bị nhiều nương, lung lạc bởi thế lực cường quyền, bởi sức mạnh tà ngụy của ma quỷ."

Anh em học tăng sững sốt, chỉ biết nhìn nhau, không ai dám thốt lên một lời nào trước sự uy dũng, khẳng khái của Ôn Tuệ Sỹ. Giờ đây, khi hồi tưởng lại, những lời thơ của Ôn trong *Giấc Mơ Trường Sơn* lại càng thấm thía hơn bao giờ hết:

*"Mười lăm năm một bước đường
Đau lòng lữ thứ đoạn trường cha ơi!"*

Hay:

*"Một lần định như sạo ngàn đã định
Một lần đi là vĩnh viễn con tàu."*

Vĩnh viễn con tàu thật rồi, Thầy ơi! Những tiếng cuốc lác nơi núi rừng Vạn Giã, những lời Thầy dặn dò anh em hãy gắng sức dịch Đại Tạng Kinh, những thanh âm dương cầm giờ cũng đã tắt lịm. Còn đâu một thoáng phù du...

Cánh cửa Viện Cao Đẳng Hải Đức Nha Trang từ từ khép lại, khép lại như bao cánh cửa Phật học viện trên khắp mọi miền đất nước. Nhìn vào điện Phật, chỉ thấy tượng Đức Bổn Sư an nhiên ngự tọa trên đài sen - bất động, như nhiên, với đại hùng lực, đại từ bi, đại trí tuệ...

Phật thấu triệt con đường duyên sinh duyên diệt, nên Phật vẫn lặng yên. Ngài an trú trong đại thể vô sinh bất diệt, trong tự tánh Không của sơn hà đại địa, của hết thảy chúng hữu tình cùng vô tình. Và nơi Từ Bi Tâm ấy, tất cả đồng thành Phật đạo.

Định Hình Cho Một Đời Sống Mới

Sau khi viện đóng cửa, không còn tiếp tục học được nữa, anh em học tăng mỗi người một ngả. Người thì quay về chốn xưa, nơi Thầy Tổ, nơi thuở đầu đời cắt mái tóc xanh, khoác lên mình chiếc áo nâu sòng, làm điều. Từ miền Trung - vùng đất cày lên sỏi đá, nơi chịu đựng nắng lửa, mưa dầm - cho đến miền Tây, miền Nam - nơi cánh đồng cỏ bay thẳng cánh, sông rạch nước mênh mông - tất cả đều trở về với lý tưởng của người xuất gia: sáng chuông, tối mõ, chuyên tâm tu học.

Số anh em còn ở lại viện thì xuống xưởng xi dầu lạo động, nơi mà bấy lâu nay Ôn Đồng Minh đã chủ trì, gây dựng kinh tế tự túc để nuôi anh em qua bao Phật học viện từ Trung chí Nam. Đây từng là chỗ nương tựa vững chắc nhất, nhưng rồi cũng dần phai nhạt, bị bào mòn theo thời gian, âm thầm hoại diệt như quy luật vô thường. Thật đúng như lời Phật dạy: "Hễ có hình tướng, có danh xưng, thì tất yếu sẽ theo dòng biến dịch của thời gian mà đi đến hoại diệt." Thành, trụ, hoại, không - đó là quy luật bất biến của muôn sự muôn vật.

Giờ đây, bốn giờ sáng, trăng nước mênh mông, một dải cát vàng trải dài bên bờ Thái Bình Dương. Sóng nước lặn tằm, nhấp nhô như đang đùa giỡn, như đang quyến rũ:

"Hãy thả chân xuống nước đi, hãy bơi ra xa bờ! Hãy xa bờ mới có thể vượt bờ! Đừng dính mắc vào bờ nữa, hãy nhanh lên, thời gian không còn nhiều!"

Tiếng nói ấy vang vọng bên tai, lúc gần, lúc xa, như thúc giục, như đẩy đưa. Một sức mạnh vô hình kéo tới, khiến đôi chân phải rời đi, đôi tay quạt nước giữa trời trắng sáng. Sóng nhẹ đập dờn, muôn ngàn ánh trắng lấp lánh trên mặt biển. Xa dần bờ, để rồi đón nhận một con tàu. Lên tàu, nằm xuống, thờ nhẹ. Nhìn lên, bầu trời không có sao, vì ánh trăng đã che khuất tất cả.

Đêm lụi dần, ngày dần hiện ra. Mở mắt, chỉ thấy mờ mờ bóng núi đồi, nhà cửa ẩn hiện như sương, như khói. Trong đầu chợt vang lên câu pháp ngữ:

"Hồi đầu thị nạn" - Quay lại là bờ!

Sông mê thì muôn trùng sóng gió, cuốn chìm bao kẻ thị phi. Nhưng ai đã ngoi đầu lên được, ai đã quay đầu lại, thì đó chính là bờ. Pháp vẫn luôn hiện hữu, ngay bây giờ, ngay tại đây, không xa xôi một tấc, không mất đi trong từng sát na.

Xa bờ, rồi lại gần bờ. Rời bờ, để rồi đến bờ. Thật sự đã đến bờ, để thấy lại sự sống. Những ngày tháng trôi qua, sự sống thật mong manh,



Ht. THÍCH THIÊN MINH
(1922—1978)

không chắc thật. Giữa biển trời vô tận, chẳng biết đâu là bến bờ, như chiếc lá tre trôi dạt giữa đại dương, ai dám chắc mình sẽ có được bình an, hạnh phúc nơi viễn xứ?

Giờ đây, sự sống đã rõ ràng hơn. Hai bữa cơm đều đặn, vào phòng phát cơm tiếp nhận đồ ăn. Rau muống xào, bắp chuối luộc, chút xì dầu, hai vá cơm - chế độ sinh hoạt hằng ngày đơn sơ nhưng đầy đủ.

Xin gửi một lời tri ân - tri ân người đã yêu thương tôi, đã cho tôi một cuộc sống vô cùng quý giá. Chính nhờ đó mà tôi có thể dâng hiến, có thể phụng sự - hôm nay, ngày mai, hay mãi mãi về sau. Xin tất cả chúng ta hãy biết trân quý sự sống này, hãy cùng nhau xây dựng một cuộc đời tốt đẹp hơn. Bởi lẽ, nếu không may đã chết đi như bao người khác, thì hôm nay đâu còn cơ hội để phụng sự, để định hình một tương lai.

Giá trị của một đời sống mới

chính là sức khỏe và tư duy, là sự tiến thân và nhận diện. Chỉ có như vậy, ta mới đạt được các hạnh lành, thiện sự, công đức lợi mình, lợi người.

Và cứ thế, cuộc sống dần được định hình. Bao nhiêu người ra đi để xây dựng một đời sống mới, tiếp cận với nền văn minh tiến bộ, với kinh độ ánh sáng vật chất. Còn những người ở lại thì vẫn vậy, sống trong túp lều tranh, nơi vườn khoai mì, khóm chuối. Vẫn chiếc võng lưới cũ kỹ, rách nát, dùng dựa dưới mái lá đơn sơ, đọc kinh, học ngoại ngữ. Mỗi ngày học được dăm ba chữ để giao tiếp, vào xóm xin đủ đủ, dũa khô, bắp chuối làm lương thực qua ngày. Như câu thơ cổ:

*"Người quân tử ăn chẳng cầu no,
Đêm nằm canh an giấc kho kho.
Đời thái bình cửa thường bỏ ngõ."*

Túp lều tranh, vách lá thì có gì để đóng cửa, nhưng thật sự là thái bình, vì không ai trộm cắp, không ai toan tính điều xấu xa.

Nơi làng xóm có một ngôi chùa nhỏ. Ngày 30, mùng 1, ngày rằm, Phật tử về chùa đồng đức, thắp hương, thành kính cầu nguyện: "Xin cho con sớm được định hình một đời sống mới."

Và rồi, tất cả ai cũng được ra đi, để lại bao kỷ niệm sau lưng. Chân trời mới dần hiện ra, một đời sống mới được dựng xây từ đôi bàn tay trắng. Không gì khác ngoài sự miệt mài cố gắng, ngoài tinh thần tự lực tiến thân. Ban đầu, mọi thứ đều lạ lẫm: ngôn ngữ ngăn cách, chữ nghĩa chưa quen, ánh sáng đô thị chói lòa, dòng xe bất tận gây choáng ngợp, lòng người vẫn còn rụt rè khi tiếp xúc với dân bản xứ.

Rồi dần dần, tất cả cũng quen. Một nền văn hóa tự lập - không nương tựa cha mẹ, không

dựa vào gia tài tổ tiên, mà chính bản thân phải gắng học, phải vươn lên. Ở đây, người ta học từ khi còn trẻ cho đến lúc già, không phân biệt tuổi tác, ai muốn học cũng đều được chấp nhận. Một xã hội mà không ai mù chữ. Một xã hội có điều kiện tiến thân, nơi mà bất kỳ ai chịu khó rèn luyện cũng có thể thành tựu.

Trong làn sóng người ấy, cộng đồng tự viện cũng vươn lên nhờ vào sự hộ pháp của Phật tử. Đây chính là tinh thần hộ pháp ngàn đời của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Ở đâu có người Việt, ở đó có tự viện. Một căn nhà đơn sơ cũng có thể trở thành ngôi chùa, một nhóm năm mười Phật tử cũng có thể trở thành một đạo tràng. Và rồi, từ phố thị đến thôn quê, từ nơi đông đúc đến vùng xa vắng, vẫn luôn thấp thoáng bóng dáng áo nâu, vẫn luôn nghe mùi hương trầm quyện trên bàn Phật.

Giá trị sống là Từ Bi, sự nghiệp bền vững là Trí Tuệ – đó chính là cột trụ để định hình một đời sống hôm nay.

Nhớ Về Dòng Lịch Sử Của Lịch Đại Tổ Sư

An cư mới lạc nghiệp, nay khi đã tương đối ổn định, chúng ta phải nghĩ về cội nguồn Tổ Đức. Hãy tưởng nhớ đến công đức của các bậc tiền nhân – những người đã hy sinh để chúng ta có được ngày hôm nay. Là con cháu hậu duệ, không thể lãng quên hương khói tổ tiên, cũng như không thể bỏ quên khâm thờ của làng nước.

*"Đời người có Tổ có Tông,
Như cây có cội, như sông có nguồn."*

Vậy Tổ Tông của chúng ta là ai? Câu hỏi này đã có sẵn câu trả lời. Tất cả cộng đồng Tăng Ni Tự Viện ở hải ngoại đều là hậu duệ của Thiền phái Lâm Tế, Thiền Thai, Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán, Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh (Quảng Nam), Tổ Minh Hải Pháp Bảo, cùng một số Thiền phái khác như Quốc Ân Nguyên Thiều Hoán Bích, Long Động Thiền Sư Chân Nguyên Tuệ Đăng... Dù thuộc hệ phái nào, tất cả đều chung dòng chảy Phật Giáo Việt Nam từ thuở sơ khai đến nay.

Dòng lịch sử được tiếp nối không gián đoạn nhờ vào sự kế thừa của các thế hệ – Tổ Ấn Trùng Quang. Hàng đệ tử tiếp nối sự nghiệp của Thầy Tổ để duy trì và phát triển Phật pháp. Nếu không phát triển, Phật pháp không thể lan tỏa rộng xa, không thể đi sâu vào đời sống. Cũng như một dòng sông cạn nguồn nước dôi dào, một cây đại thọ phải có rễ sâu mới có thể đứng vững trước bão giông.

Nhìn về dòng lịch sử chư vị Tổ Sư, Phật Giáo Hải Ngoại cần có cái nhìn thực tế: bảo tồn và



HT. THÍCH HUYỀN QUANG
(1920—2008)

phát huy thế hệ trẻ.

Hỗ trợ và phát triển Gia Đình Phật Tử (GDPT)

Tạo điều kiện để hướng dẫn sinh hoạt đúng theo tôn chỉ.

Giảng dạy Phật pháp, tiếng Việt trong các mái chùa.

Tổ chức tu học để thế hệ trẻ gắn bó với chùa, xem chùa như mái nhà chung.

Quý Thầy Cô phải là người khởi xướng, nuôi dưỡng tổ chức GDPT vì đây chính là nguồn tài nguyên quý giá của hàng Phật tử tại gia.

Thâu nhận và đào tạo thế hệ trẻ xuất gia

Mỗi vị Thầy cần có ít nhất một đệ tử, nếu nhiều hơn thì càng tốt.

Nếu không có người kế thừa, khi Thầy viên tịch, ai sẽ duy trì tự viện?

Đây là vấn đề cấp thiết của thời đại.

Khoảng 200 năm trước, Phật Giáo Trung Hoa và Nhật Bản từng phát triển rực rỡ tại Hawaii, xây dựng nhiều ngôi chùa trang nghiêm. Nhưng theo thời gian, vì thiếu người xuất gia, các tự viện dần trở thành viện bảo tàng hay điểm du lịch. Hiện nay, Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại cũng đang đối mặt với bài toán tương tự: Làm sao duy trì và phát triển?

Giải pháp cấp thiết:

Các chùa cần mở lớp dạy tiếng Việt cho thiếu nhi Phật tử.

Trong các lớp này, có thể khởi duyên để các em phát tâm xuất gia.

GDPT cũng là môi trường gieo duyên cho thế hệ kế thừa.

Xưa kia, trong các chùa miền quê Việt Nam, hình ảnh quen thuộc là hai mái đầu – một già, một trẻ – bên ngọn đèn dầu hột vẹt, cùng nhau học Phật pháp. Thầy đọc trước, trò đọc theo sau, từng bước lĩnh hội giáo pháp. Chính những phương thức giản dị ấy đã giúp Phật pháp tiếp nối bền vững qua bao thế hệ.

Ngày nay, nếu không có sự kế thừa, liệu rằng mai này chùa có còn người hương khói? Liệu Phật pháp có còn chỗ đứng nơi đất khách quê người? Đây là trách nhiệm chung của tất cả chúng ta – những người đang gánh trên vai sự tiếp nối mạng mạch của Phật Giáo Việt Nam.

Ở hải ngoại không thiếu những ngôi tự viện lớn, có tầm cỡ, với đủ phương tiện vật chất, nhưng lại thiếu đi đội ngũ trẻ, thế hệ kế thừa cho tương lai. Một thời cha ông đã qua, nhưng không ai đứng ra đóng cửa chùa hay duy trì công phu bái sám. Cần phải đặt vấn đề này để cùng nhau tìm ra giải pháp thích hợp, vừa thực tế để hộ đạo, hoằng đạo, vừa tránh trở thành những rào cản tiêu cực cho bất kỳ ai.

Thế hệ đi trước của những thập niên 70-80 giờ đây không còn mấy ai. Họ là những người đã

lót đường, tạo cầu nối cho thế hệ sau tiếp tục đi qua và tiến tới. Vậy thì, thế hệ đi sau cũng phải tiếp tục lót đường, tạo điều kiện cho thế hệ kế tiếp vươn lên, gìn giữ, bảo trì và phát huy Phật pháp tại phương Tây. Hãy gieo những hạt mầm tuổi trẻ, hãy dạy các em thiếu nhi, thiếu niên, vì thế hệ này nói tiếng Anh giỏi, chỉ cần trao niềm tin Tam Bảo và giúp các em hiểu đôi chút về Phật pháp, thì tương lai của họ sẽ xán lạn.

Do đó, những người có trách nhiệm hôm nay không nên chần chừ mà phải bắt tay ngay vào công việc, nếu không muốn quá muộn. Công việc hoằng pháp cần được thực hiện với nhiều khía cạnh, mang theo hành trang tâm linh để dẫn thân theo nhu cầu của cộng đồng. Hãy tổ chức các đạo tràng tu học cho Phật tử địa phương, mở trường dạy tiếng Việt cho thiếu nhi, tạo nên một làn sóng học Phật pháp từ thế hệ già đến thế hệ trẻ.

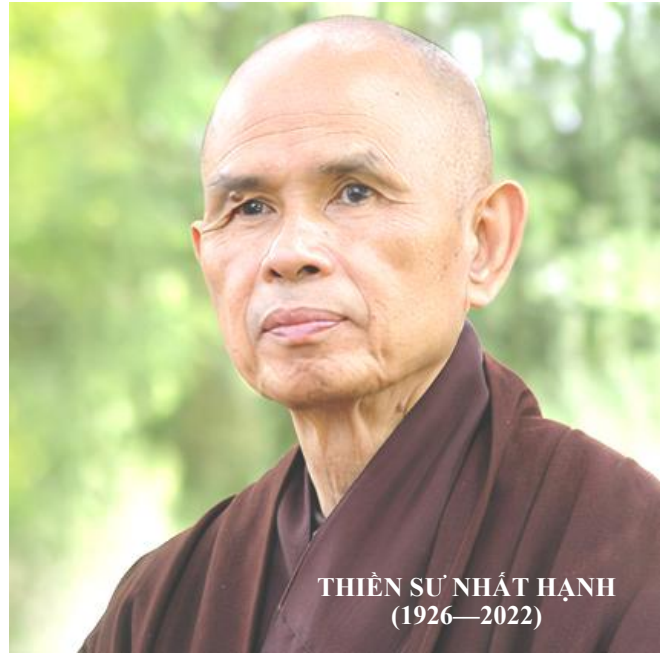
Kinh nghiệm từ sự nghiệp hoằng pháp của các vị Tổ sư cho thấy rằng, Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã mở trường Đại học Đông Phương, tập trung vào đối tượng hoằng pháp là người dân bản xứ, với nhiều học trò, đệ tử người Mỹ, trong các lĩnh vực Phật pháp, văn hóa, giáo dục... Tuy nhiên, khi Hòa Thượng viên tịch quá sớm, những công trình, đầu tư về kiến trúc và khả năng dẫn lui tàn vì thiếu vắng một thế hệ kế thừa đủ tầm cỡ để duy trì sự nghiệp.

Trong khi đó, Sư Ông Làng Mai đã đầu tư cho cả một thế hệ, xây dựng và trao truyền cho thế hệ sau những kinh nghiệm, những bước đi vững vàng, và những nghệ thuật sống tươi mới. Nhờ vậy, Tăng Đoàn Làng Mai đã có một sức sống lan tỏa mạnh mẽ, tạo nên một nếp sống tâm linh linh hoạt, đầy năng lượng.

Từ những quan sát này, chúng ta cần nhận thức rõ rằng một tổ chức, một giáo hội, và những người dẫn đầu phải có tâm huyết, hy sinh, và tầm nhìn rộng lớn. Họ phải có khả năng lãnh đạo, tổ chức sáng tạo để truyền thừa Phật pháp qua nhiều thế hệ. Nếu không, mọi công sức cũng chỉ tồn tại trong chốc lát rồi sẽ vụt tắt. Đây không phải là lời nói tiêu cực, mà là sự nhận thức về những thử thách lớn đang chờ đón trên con đường đi, và sự cần thiết phải ý thức về trách nhiệm của bản thân đối với Phật pháp trong hiện tại, thay vì chỉ đứng ngoài cuộc.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử từ trong nước ra hải ngoại đã tạo nên một sức sống lớn, giúp lan tỏa dòng Thiền Phật giáo Việt Nam ra khắp thế giới, làm rạng danh Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ 21. Tuy nhiên, chúng ta cũng phải chú ý đến việc nuôi dưỡng thế hệ trẻ, không được lãng quên họ. Việc xây dựng những Thiền viện lớn, có đầy đủ phương tiện tu tập và truyền bá là rất tốt, nhưng suy nghĩ và quan tâm đến thế hệ trẻ mới là điều tối cần thiết.

Nhìn về quá khứ, sự nghiệp hành trạng của các vị Lịch Đại Tổ Sư thời cận đại là nguồn kim chỉ nam quý báu cho mọi hành động hoằng pháp, tu học và phụng sự. Sáu đời Tăng Thống đã nêu cao đức tính Đại Hùng, Vô Úy, đầy lòng Từ Bi và Trí Tuệ trong công cuộc xiển dương Phật



THIỀN SƯ NHẤT HẠNH
(1926—2022)

pháp. Một ngọn lửa Từ Bi bùng cháy, một trái tim bất diệt của Bồ Tát Quảng Đức, và các vị Thánh tử đạo đã vì Pháp mà thiêu thân, để bảo vệ Phật Pháp được trường tồn.

Đó là một ý thức Thiện Minh Đại Hùng, bất bạo động, nêu cao tinh thần tự chủ, độc lập, không nô lệ, không khiếm nhược trước cường quyền, bạo chúa. Đó cũng là một ý thức Trí Thủ, như thông điệp tình thương của Mẹ, trao cho đàn con một sức sống mãnh liệt và vô tận. Không cần sự khen chê, tốt xấu, nên hư... Tồi thượng, bất khả tư nghì.

Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi, Đại Trí Tuệ của các vị Lịch Đại Tổ Sư Phật Giáo Việt Nam đã viết lên dòng lịch sử bằng máu của chính mình, thắp lên ngọn đuốc thiêng soi sáng bằng chính thân xác của họ. Vô úy quá! Hùng tráng quá! Đầy chất liệu Từ Bi, tình thương nuôi dưỡng Phật Giáo Việt Nam suốt 2000 năm qua.

Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại phải học được bài học ngàn đời này, đó mới chính là cách nhìn đúng đắn về dòng chảy sự nghiệp và hành trạng của các Lịch Đại Tổ Sư. Hiện tại, các chư Tăng Ni đều là thành viên của các Giáo Hội Hải Ngoại, nhất tâm dành lễ quý ngài, thương tưởng và gìn giữ ngọc của truyền thống, kỷ cương của mỗi Giáo Hội mình, để không lạc hướng và mất đi những giá trị cốt lõi sau 50 năm nhìn lại chặng đường đầy cam go thử thách này.

Nền Văn Học Phật Giáo Tuôn Chảy Từ Định Cao

Trước mắt là Đại Tạng Kinh Việt Nam, Thanh Văn Tạng vừa mới được ấn hành bởi Hội Đồng Hoằng Pháp, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, qua công trình phiên dịch của các vị Tăng Ni. Nhìn từng quyển kinh, màu sắc, hình bìa còn mới tinh, nét mực chưa nhòa, nhưng người chủ xưởng, Ôn Chủ Tịch Ủy Ban Phiên Dịch Đại Tạng, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, giờ đã về với Tây

phương, để lại bao công việc ngổn ngang, chông chát phía sau. Ước gì Ông còn ở lại với đời thêm khoảng 10 năm nữa, để công trình phiên dịch Đại Tạng này bớt đi nỗi lo âu.

Nhưng không ai ngờ, không ai có thể học được chữ "ngờ", dù chữ ngờ ấy đã được dạy trong Phật Pháp, trên tiến trình duyên sanh, duyên diệt. Phiên dịch Đại Tạng Kinh giữa quốc nội và hải ngoại chính là nền văn học xương sống, là cây cầu nối hai miền, giúp sự tiếp cận và thừa truyền phát triển từ đỉnh cao giác ngộ trong lời kinh Phật suốt mấy nghìn năm qua. Phật Giáo Hải Ngoại cần phải nguyện tiếp tay cùng với ban dịch sư quốc nội để nỗ lực hoàn thành Phật sự trọng đại này. Làm được như vậy chính là đền đáp ân đức của chư Phật, của chư vị Tổ đức trong công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh năm 1973 của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, tổ chức tại Đại Học Vạn Hạnh.

Phật Giáo Hải Ngoại may mắn có được phương tiện tự do, không bị chi phối bởi ai, nhưng cần phải ý thức và phát nguyện, không chần chừ. Bởi nếu để sự chậm trễ đánh mất đi bao nhiêu thời gian quý báu, thì đó chính là điều tụt hậu mà chúng ta cần phải nhận thức rõ ràng.

Nền văn học Phật Giáo hải ngoại suốt năm mươi năm qua đã cho ra đời hàng loạt nhà xuất bản, kinh sách, ấn tống, các website, và truyền thông trang nhà Phật Giáo, tuôn chảy không ngừng. Đây là một kho tàng văn học Phật Giáo khổng lồ, luôn có mặt khắp mọi nơi, không ngừng nghỉ. Chính những tác phẩm này tạo nên một thế giới văn học giác ngộ, đáp ứng nhu cầu tu học cho nhiều tầng lớp người hôm nay và ngày mai.

Nền văn học Phật Giáo này đã được phiên dịch ra nhiều ngôn ngữ, nhằm phục vụ cho việc nghiên cứu và tu học của các thành phần tri thức, học giả, bác học. Các nhà tri thức Tây Phương đã đặt chân lên nền tảng văn học Phật Giáo này, tiếp cận sâu sắc hơn nền văn hóa giác ngộ của Phật Pháp. Họ đã trở thành những Phật tử chân chính, truyền bá giáo lý đạo Phật vào xã hội Tây Phương ngày nay.

Dù Phật Giáo hải ngoại có cái nhìn tổng quan như thế nào, nhưng chúng ta phải biết quay về nhìn lại chính mình, để tận dụng từng tấc thời gian. Nếu không, Phật Giáo sẽ bị lãng quên trong một thế giới bao la vô tận. Nền văn học Phật Giáo hải ngoại được hình thành từ cái nhìn và hiểu biết của con người, dù là chủ quan hay khách quan. Tuy nhiên, nền văn học này phải gắn liền và nương tựa vào nền văn học đỉnh cao của hơn 2600 năm trước, phát nguồn từ lưu vực Sông Hằng và đỉnh cao Hy Mã Lạp Sơn. Chính nền văn học này đã tạo dựng hình ảnh: *"Này các tỳ kheo, các thầy hãy lên đường, lên đường để mang hương vị giáo ngộ, giải thoát đến cho khắp mọi nơi. Từ thành thị đến thôn quê, từ nhà giàu đến nhà nghèo, từ người tri thức đến kẻ thất học, bình dân... hãy thuyết giảng giáo pháp, tình thương và hiểu biết, để mọi người có thể nghe và chuyển hóa lòng mình. Từ nội tâm sân hận chuyển thành nội tâm an vui, tịch tịnh. Từ*

nội tâm tranh chấp, đổ kỵ chuyển thành nội tâm kham nhẫn, hỷ xả. Hãy đặt tâm xuống, như đặt một gánh nặng trăm cân từ đôi vai gầy yếu đuối. Vậy, các thầy hãy lên đường, đừng chần chừ, vì thời gian chẳng đợi ai. Vì sự bình an và hạnh phúc chung của con người và chúng sanh."

Phật Giáo hải ngoại đã và đang lên đường, từ khi có mặt nơi hải ngoại theo làn sóng người di cư. Điều này chứng minh rằng nền văn học Chơn Đế luôn đồng hành với nền văn học Tục Đế, bất kể thời gian và không gian, hai đế vẫn dung thông.

Tóm lại, sau cuộc hành trình 50 năm, giờ nhìn lại, những gì của cha ông một thời đã dang rộng đôi tay nuôi dưỡng một thế hệ thì thời gian đã dần lùi về quá khứ, chỉ còn lại âm hưởng vắng vắng, phản phất qua lá, qua hoa, qua những lối mòn rêu phong nhạt nhòa, giai điệu vô thường, thiên lưu thiên biến, nay đầu gềnh, mai cuối bãi, trời thu thù tạc không ngừng. Nếu bất chợt gặp lại những hình ảnh xưa qua mạng truyền thông, những kỷ niệm một thời như cặp sách đến trường, thì chúng giờ chỉ còn là đồ nát, điều tàn, nơi những dấu vết đã hiện hữu dưới đôi bàn chân dẫm mòn, lối đi lối về, nơi ngô vắng chiều truong.

Còn khoảng 50 năm nữa ở hải ngoại, cũng chẳng khác gì như con sóng lớn, sóng ròng của đầu tháng và cuối tháng. Nhưng vì đời người có nhân duyên trong Phật Pháp, nên dù là sóng lớn hay sóng ròng, nhờ nhân duyên ấy mà tất cả chúng ta được nuôi lớn và trưởng thành từ thuở phôi bào đến hôm nay. Thành tựu rồi sẽ tan vỡ, hiện hữu rồi biến mất, nhưng những gì tồn tại thì vẫn tiếp tục tồn tại cho đến nay, như một chứng minh trên dòng chảy của Phật Giáo hải ngoại. Đây là một thử thách lớn, chứ chẳng phải chuyện bình thường, để có thể góp mặt cùng chư vị Tổ Đức của nhà Thiên trên quê hương.

Năm mươi năm nhìn lại để nhận ra quy luật tiến hóa và tụt hậu của loài người trên mặt đất này. Cái gì tiến hóa được thì cứ thể tiến tới, biến hóa thành thiên hình vạn trạng, bất chấp mọi thứ và chẳng kể ai. Còn những gì đã tụt hậu thì dù có níu kéo, đẩy đưa, cuối cùng vẫn chỉ là phía sau. Đây là một triết lý sống văn minh, hỗn độn của một kiếp người phù phiếm và mộng tưởng.

Chùa Long Sơn, San Diego, CA

Ngày 22 tháng 02 năm 2025

Thích Nguyên Siêu



ĐÚNG VÀ SAI

Mùa thiên đình và an cư
Nơi tu viện của thiền sư năm này
Bao nhiêu đệ tử về đây
Cùng nhau tu học với thầy, đua tranh,
Chẳng may trong đám học hành
Có người tính xấu nảy sanh lòng tà
Cho nên trộm cắp xảy ra
Anh chàng bị bắt khó mà chối quanh.
Mọi người trình báo ngọn ngành
Rồi cùng đề nghị đuổi anh chàng này:
"Kẻ gian phải trục xuất ngay!"
Nhưng thiền sư chẳng ra tay nặng nề
Làm lơ chẳng đuổi chàng về
Mọi người thâm lặng trách chê ông thầy.
Vài tuần mới thoảng qua đây
Anh chàng lại bị bắt ngay nữa rồi
Lại đi trộm cắp của người
Lần này thầy cũng buông xuôi mặc tình,
Các môn sinh rất bất bình
Xúm nhau đề nghị thầy mình thẳng tay
Đuổi tên phạm tội đi ngay
Kéo mang tiếng xấu chốn đây tu hành
Nếu mà thỉnh nguyện bất thành
Thầy không giải quyết ngọn ngành cho xuôi
Mọi người sẽ bỏ đi thôi
Thiết chi ở lại bên người bất lương.

*

Thiền sư đọc khiếu nại xong
Thầy bèn triệu tập vòng trong vòng ngoài
Nói cùng đệ tử đôi lời
Thơm lừng hương đạo, rạng ngời từ tâm:
"Các con sáng suốt vô ngần
Khôn ngoan nhận thức, chẳng cần nhờ ai
Biết hay dở, biết đúng sai
Dù đi nơi khác tu thời dễ thay!
Chỉ riêng có đệ tử này
Đáng thương vì vẫn còn đây u mê
Đúng sai, hay dở đôi bề
Dễ gì phân biệt, không hề nhận ra
Nếu mà thầy đuổi anh ta
Thời ai dạy dỗ, thật là buồn thay!
Cho nên thầy giữ anh này
Tìm cơ giáo hóa điều hay, điều lành
Dù các con có bất bình
Bỏ đi nơi khác thầy đành lòng thôi!"

*

Thiền sư vừa dạy dứt lời
Trên khuôn mặt kẻ một thời tham lam
Đằm đìa lệ chảy hai hàng
Như tuôn rửa sạch máu gian thuở nào!



thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng theo Right And
Wrong trong tập truyện văn xuôi
101 ZEN STORIES
của Nyogen Senzaki và Paul Reps)

“TỨ NHƯ Ý TÚC” TRONG 37 PHẨM TRỢ ĐẠO

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. KHÁI NIỆM VỀ “TỨ NHƯ Ý TÚC”

Tứ Như Ý Túc, là pháp hành thứ ba, đứng sau Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Cần. Sau Tứ Như Ý Túc là Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo, thuộc 7 hành phẩm trong 37 phẩm trợ đạo do Đức Đạo Sư giảng dạy. Hai phẩm đầu Tứ Niệm Xứ và Tứ Chánh Cần nghiêng hẳn về phần phát triển trí tuệ hơn là định. Để cân bằng hai mặt định và tuệ, Tứ Như Ý Túc là pháp tu tập để tâm hành giả không bị tán loạn.

Tứ: Là bốn, **Như ý:** Là vừa ý, hài lòng, thỏa mãn, toại nguyện, không cần thêm cái gì nữa. **Túc:** Là đầy đủ, tròn đầy, viên mãn. Đức Phật dạy có bốn điều cần phải học tập và thực hành để được Như Ý Túc, đó là Dục Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc và Quán Như Ý Túc.

Tứ Như Ý Túc là bốn nền tảng căn bản vững chắc, là nơi nương tựa phát sinh ra các thứ công đức thiền định cho hành giả, và kết quả của chúng thành tựu như ý muốn của người tu tập, nên còn được gọi là Tứ Thần Túc. Thần đây là thần kỳ, linh diệu, người ta hay gọi là thần thông. Thần thông là khả năng đạt được những điều vi diệu, khó khăn, ngoài tầm tay, mà hành giả mong muốn đạt được. Ví dụ như muốn định có định, muốn tuệ có tuệ, muốn giải thoát có giải thoát...

Qua sự thành tựu của Bồ tát Siddhattha cũng như các vị Thánh đệ tử của Đức Phật. Ban đầu họ cũng chỉ là những con người thường, nhờ ý chí (chanda) tu tập, mà từ con người phàm phu trở thành những bậc Thánh có khả năng thành tựu thắng trí, hóa hiện thần thông như: Túc mạng thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Biến hóa thần thông ... cho thấy khả năng của con người thật là vô hạn, nếu biết cách áp dụng các phương tiện tu tập theo lời Phật dạy.

II. THÀNH PHẦN VÀ NỘI DUNG CỦA “TỨ NHƯ Ý TÚC”

1) Dục như ý túc: Dục tiếng Phạn là Chanda, có nghĩa là sự mong muốn, ý chí tha thiết, mãnh liệt, cho dù có trở ngại xuất hiện cũng không ngăn chặn được ước muốn đó. Nếu như ước muốn trở nên yếu ớt, lui sụt khi gặp chướng ngại, thì đó không phải là “Dục như ý túc”.

“Dục như ý túc” là ước muốn nung đốt bằng nhiệt huyết, bằng nguyện vọng tha thiết làm một việc gì, hay thủ đắc một việc gì, chẳng hạn như một người mong muốn xuất gia trở thành một vị Tỷ-

kheo. Hay một người tu mong muốn chứng đạt các tầng thiền, hay chứng đạt được Niết-bàn. Tất cả những mong muốn chân thành hướng thiện một cách quyết liệt đó, đều nằm trong lãnh vực của “tâm sở ý chí”, là chanda, là “dục như ý túc”.

Dục này khác với loại dục tham lam, đầy khát vọng, mong muốn được thỏa mãn ngũ dục của bản ngã đó là: tài, sắc, danh, thực, thùỵ... là lòng khao khát mãnh liệt không bao giờ đủ, đối với những thứ thuộc về vật chất như tiền bạc, danh vọng, quyền lực và những thú vui nhục dục. Tham dục này bao gồm ba thứ độc tố tham, sân, si, đưa đến phiền não, khổ đau luân hồi sanh tử. Đức Phật dạy muốn đạt giác ngộ trên con đường tu tập, hành giả phải từ bỏ thứ tham dục này.

“Dục như ý túc” là dục hướng thượng, là ý chí muốn thoát khỏi luân hồi sinh tử, muốn thành tựu Chánh đẳng

chánh giác, giống như Bồ tát Siddhattha khi ngồi dưới cội Bồ đề đã phát ra lời thệ nguyện “*thà thị nát xương tan, nếu không thành tựu chánh giác thì không rời khỏi cội Bồ đề này*”. Ước nguyện dũng mãnh này mới chính là “Dục như ý túc”. Cho nên trong tất cả mọi lãnh vực, Dục là điều kiện đưa tới sự thành công, vì với người có ý chí dũng mãnh, tất cả mọi sự việc đều có thể thực hiện được.

Ở đây Dục câu hữu với Định. Hành giả ước muốn đạt được Định thì bằng mọi giá phải tu tập cho đến khi nào đạt ý nguyện mới thôi, chứ không phóng túng bỏ ngang nửa chừng. Quyết tâm thực hành tu tập cho đến khi thành tựu pháp tu, thì Dục này mới được gọi là “Dục Như Ý Túc”.

2) Cần như ý túc: Là nỗ lực, siêng năng, cần cù, còn gọi là “ *tinh tấn như ý túc*”. Một người cần cù nỗ lực là người giữ vững ý chí, quyết theo đuổi đến cùng ước muốn ban đầu cho tới khi đạt được mục tiêu của mình mới thôi, thì đó mới là “*cần như ý túc*”. Ví dụ như hành giả phát tâm muốn tu thiền thì cố gắng hành trì theo đúng chánh pháp cho đến khi định phát sanh. Thiền định phát sanh nhờ vào sức tinh tấn chuyên cần nỗ lực tu tập. Khi đã có ước muốn dù hượng thiện, tốt đẹp như thế nào đi nữa, mà không nỗ lực tu tập, nghĩa là thiếu sự tinh tấn dũng mãnh thì ước muốn đó mãi mãi cũng chỉ là ước muốn suông mà thôi!

Chúng ta nhớ rằng, tinh tấn cần cù, không phải chỉ là sự hăng hái, siêng năng bông bột nhất thời trong chốc lát, như sự bốc cháy của ngọn lửa bén rơm rồi nhanh chóng tắt lịm. Tinh tấn là nghị



lực tu tập mạnh mẽ, thường hằng, không bao giờ gián đoạn cho đến khi thành tựu ước nguyện thì mới gọi là "Cần như ý túc" hay "Tinh tấn như ý túc".

3) Tâm như ý túc: Tâm như ý túc là sự chuyên chú gắn bó với pháp tu không để tâm tán loạn bởi năm triền cái: tham, sân, hôn trầm, trạo cử và nghi ngờ. Tâm chỉ mãi nguyên thanh thân khi nào thấm nhuần những vấn đề liên quan đến thành tựu pháp tu.

Ở đây Tâm câu hữu với định. Hành giả muốn đạt nhất tâm tức đạt định thì phải chú tâm chánh niệm, cho đến khi nào đạt ý nguyện mới hài lòng, chứ không phải lúc tập, lúc không, như ấm nước chưa sôi đã vội tắt bếp, khi nước nguội rồi lại vặn lửa nấu tiếp. Cứ thế làm mãi, nước sẽ không bao giờ sôi. Cũng vậy người tu thiền, nếu không tinh tấn chuyên cần thì tâm sẽ không bao giờ đạt định.

4) Quán như ý túc: Thiền định phát sanh nhờ sức mạnh của sự quán sát, tư duy chân lý Phật dạy. Nương vào sức mạnh tư duy quán sát nên phát sanh định lực. Quán nghĩa là dùng trí tuệ sáng suốt quán sát pháp mình đang tu. Trí ấy do tâm chuyên nhất mà phát sanh, trí ấy là trí thanh tịnh khách quan. Vì trí thanh tịnh cho nên nó có thể thông đạt hiểu rõ như thật về chân lý của vũ trụ và có năng lực phá tan tận gốc vô minh. Triệt tiêu được vô minh thì không còn tạo nghiệp nữa và ngay khi đó trí tuệ hiện phát.

Sâu sắc hơn, quán hay tuệ như ý túc, là một loại trí suy ngẫm về sự thống khổ cùng với phương pháp thoát khỏi khổ, không còn cảm thấy vui thích với khoái lạc của trần gian. Người ấy chỉ hài lòng với pháp giải thoát thâm sâu vi diệu. Nếu như ước nguyện của hành giả càng to lớn cao cả bao nhiêu, thì trí này khi thành tựu sẽ càng thâm sâu vi diệu bấy nhiêu!

III. KẾT LUẬN

Dục, Cần, Tâm, Quán được gọi là Tứ Như Ý Túc hay Tứ Thần túc, vì đây là bốn phương tiện giúp hành giả đắc được các tầng thiền Định, như ý muốn.

Trước hết, do tự tâm tha thiết mong muốn thành tựu pháp tu, đó là "Dục như ý túc". Để đạt được ý chí đó, hành giả phải kiên trì nỗ lực tu tập cho đến khi thành tựu viên mãn thì đó là "Tinh cần như ý túc". Nhờ tu tập thiền Chi, dẹp tan mọi dao động, mọi tán loạn, nên phiền não trong tâm biến mất, đạt được Nhất tâm (chuyên nhất), tức "Tâm định". Như vậy, hành giả đạt được "Tâm như ý túc". Khi tâm được yên lặng, hành giả chuyển sang quán pháp. Quán pháp là quán sát nhận diện các pháp xuất hiện trong hay ngoài tâm. Nhờ sức mạnh của quán mà đạt được định và phát sinh trí tuệ. Trí tuệ này có năng lực phá tan tận gốc rễ vô minh. Người tu hành đạt được mức này thì tự thân vị ấy có đầy đủ định-huệ đồng thời để tự độ mình và độ chúng sanh, chứ không chờ đến khi chứng được lục thông mới được tự do tự tại.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Ngày 23/2/2025 An Cư Kiết Xuân tại Thiền Viện Chân Như, TX)

TÂM CẢNH TƯƠNG GIAO

(Bát vĩ đồng âm)

*Trời cao nguyệt hiện chiếu quang minh
Sơn thủy xanh trong thắm đạo tình
Vẳng tiếng chuông mâu khơi đức tịnh
Xuyên dòng nước biếc ánh gương xinh
Trang nghiêm Phật tượng câu từ vịnh
Tĩnh tại Tăng nhân tứ ý trình
Vô thi vô chung viên mãn tịnh
Hồi quy diệu đạo nào phiền khinh.*

ĐỌC CHÂN KINH

(Bát vĩ đồng âm)

*Trải mây mười xuân chẳng thấy mình
Hồi tâm hướng Phật đọc chân kinh
Sắc- Không đâu khác cùng chung tính
Danh-Hữu tuy sai lại vẹn tình
Mở cửa vô sanh vui ảo bịnh
Chiêm niêm bất diệt tỏ huyền minh
Thong dong khắp chốn lòng an tĩnh
Năm tháng tiêu dao cảnh thái bình.*

LƯƠNG Y TỪ MẪU

(Bát vĩ đồng âm, Thủ vĩ ngâm)

*Lương y từ mẫu thế gia vinh
Cứu giúp người đau trọn nghĩa tình
Chẳng ngại gian lao tâm mãi tĩnh
Không màn khó nhọc ý luôn minh
Cho toa thuốc đúng mau tiêu bịnh
Đoán mạch phương hay chóng hiển linh
Áo trắng niềm tin viên mãn chính
Lương y từ mẫu thế gia vinh.*

Tu Viện An Lạc, California

thơ TRÚC NGUYỄN
THÍCH CHÚC HIỀN

ĐỨC PHẬT NÓI VỀ CHIẾN TRANH VÀ THẮNG TRẬN

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Chúng ta đang ở trong một cõi lúc nào cũng đầy những cuộc chiến tranh. Có khi vì thánh chiến giữa các tôn giáo để mở rộng tôn giáo, để cưỡng ép bên thua trận phải quy thuận theo tôn giáo của mình. Có khi vì bành trướng lãnh thổ, khi nước lớn muốn chiếm nước nhỏ để mở rộng biên giới, để sáp nhập thêm lãnh thổ. Có khi là một cuộc chiến cốt nhục tương tàn, như trường hợp “Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāśī” bất kể rằng vua Ajātasattu là cháu trai của vua Pasenadi. Đức Phật đã nói gì trước những câu hỏi về chiến tranh?

Nhiều tôn giáo khác trong khi thúc giục những cuộc thánh chiến đã nói rằng, các chiến binh tham dự thánh chiến sẽ được phần thưởng là lên cõi trời và hưởng phước. Mặt khác, nhiều quốc gia cường thịnh đã khởi động chiến tranh để bành trướng lãnh thổ, xem các nước láng giềng nhỏ hơn như là thấp kém. Đức Phật gọi những quan điểm như thế là tà kiến, và Kinh SN 42.3 nói rằng bất kỳ ai ra trận mà **“có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau: ‘Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!’...”** (1) thì khi tử trận sẽ xuống địa ngục hay sinh vào cõi súc sanh. Như vậy, nếu bạn phải ra trận, thì hãy gìn giữ, nuôi dưỡng tâm từ bi.

Mặt khác, Đức Phật nói trong Kinh SN 3.14–15 rằng trong chiến tranh vẫn có người thiện và

người ác, **“vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha là ác hữu, là ác bạn hữu, là ác giao du. Và này các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn hữu...”** (2) và người thiện có khi thua trận và có khi thắng trận. Trong kinh kể rằng, lúc đầu, vua Pasenadi (tiếng Việt thường phiên âm là vua Ba Tư Nặc) thua trận, phải lui binh về kinh đô, nhưng trong trận cuối, vua Pasenadi chiến thắng, bắt sống vua Ajātasattu (thường phiên âm là vua A Xà Thế), và rồi tử bi tha mạng cho vua chiến bại. Đức Phật đã làm bài kệ để khen ngợi thiện pháp đó. Cả hai Kinh sau đều do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch.

Kinh SN 42.3 Yodhājivo (Kẻ chiến đấu)

Rồi chiến đấu sư Yodhājivo đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đành lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, chiến đấu sư bạch Thế Tôn:

— Con được nghe, bạch Thế Tôn, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: “Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarajitā”. Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

— Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này.

Lần thứ hai ...

Lần thứ ba, chiến đấu sư bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, con được nghe các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: “Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarajitā”. Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

— Thật sự, Ta đã không chấp nhận và nói rằng: “Thôi vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này”. Tuy vậy, Ta sẽ trả lời.

Này Chiến đấu sư, đối với chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn, tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau: “Mong rằng các loài hữu tình



Tranh cổ trên tường Chùa Thái Lan vẽ từ thế kỷ 19, ghi hình ảnh chiến tranh

ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!”, hay: “Mong họ chớ có tồn tại!” Do vị ấy hằng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào địa ngục tên là Sarajitā. Nếu người ấy có tà kiến như sau: “Vị chiến đấu viên nào giữa chiến trường hằng say, tinh tấn; do hằng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarajitā”. Như vậy là tà kiến. Ai rơi vào tà kiến này, này Chiến đấu sư, Ta nói rằng, người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sanh.

Khi được nói vậy, vị chiến đấu sư phát khóc, rơi nước mắt.

— Chính vì vậy, này Chiến đấu sư, Ta không chấp nhận và nói: “Thời vừa rồi, này Chiến đấu sư. Hãy dừng ở đây. Chớ có hỏi Ta về điều này”.

— Bạch Thế Tôn, con khóc không phải vì Thế Tôn đã nói như vậy. Nhưng, bạch Thế Tôn, vì con đã bị các Đạo sư, các Tổ sư, các chiến đấu viên thuở trước đã lâu ngày lừa dối con, dối trá con, dắt dẫn con lầm lạc, nói rằng: “Ai là người chiến đấu viên giữa các chiến trường hằng say, tinh tấn; do hằng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarajitā”.

Thật vì điều thay, bạch Thế Tôn! ... Từ nay cho đến mệnh chung con trọn đời quy ngưỡng!

Kinh SN 3.14–15. Hai Lời Nói Về Chiến Tranh

Trú ở Sāvātthi.

Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi.

Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: “Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với ta và tiến đánh Kāsi.”

Rồi vua Pasenadi nước Kosala sau khi triệu tập bốn loại binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha.

Rồi vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, tấn công vua Pasenadi nước Kosala. Trong cuộc chiến trận, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha chiến thắng vua Pasenadi nước Kosala. Bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala lui về tại kinh đô Sāvātthi.

Rồi một số Tỷ-kheo, vào buổi sáng đắp y, cầm bát, đi vào Sāvātthi để khất thực. Đi khất thực ở Sāvātthi xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khất thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

— Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với vua Pasenadi nước

Kosala, tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: “Vua Ajātasattu con bà Videhi nước Magadha gây chiến với ta, tiến đánh Kāsi”. Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha. Bạch Thế Tôn, rồi vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến trận ấy, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha chiến thắng vua Pasenadi nước Kosala. Bạch Thế Tôn, bị chiến bại, vua Pasenadi nước Kosala rút lui về kinh đô của mình là Sāvātthi.

— Này các Tỷ-kheo, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha là ác hữu, là ác bạn hữu, là ác giao du. Và này các Tỷ-kheo, vua Pasenadi nước Kosala là thiện hữu, là thiện bạn hữu, là thiện giao du. Và này Tỷ-kheo, hôm nay, trong đêm này, vua Pasenadi nước Kosala trải một đêm đau khổ của người bại trận.

*Thắng trận sanh thù oán,
Bại trận nếm khổ đau,
Ai bỏ thắng, bỏ bại,
Tịch tịnh, hưởng an lạc.*

Rồi vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi.

Vua Pasenadi nước Kosala được nghe: “Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến ta và tiến đánh Kāsi.”

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha.

Rồi vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: “Tuy vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, đầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ binh của vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống”.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh và chỉ tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi một số lớn vị Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, mang theo y bát và đi vào Sāvātthi để khất thực. Khất thực ở Sāvātthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, họ đi đến Thế Tôn sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

— Ở đây, bạch Thế Tôn, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với vua Pasenadi nước Kosala và tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, vua Pasenadi nước Kosala được nghe: “Vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sau khi

triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với ta và tiến đánh Kāsi". Rồi bạch Thế Tôn, vua Pasendi nước Kosala, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống vua Ajātasattu, con bà Videhi, nước Magadha. Rồi bạch Thế Tôn, vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và vua Pasenadi nước Kosala xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, vua Pasenadi nước Kosala chiến thắng vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và bắt sống vua ấy. Rồi vua Pasenadi nước Kosala suy nghĩ như sau: "Tuy vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha làm hại ta, dầu ta không làm hại ai; nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha và chỉ tha cho vua ấy mạng sống." Rồi vua Pasenadi nước Kosala, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, và tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

*Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại, lại hại người.
Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.
Sát người, bị người sát,
Thắng người, bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Nào người, người nào lại,
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại, lại hại người.*

Nguyên Giác

-- California, viết trong ngày
cuối tháng 4/2024

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 42.3: <https://suttacentral.net/sn42.3/vi/minhchau>

(2) Kinh SN 3.14-15: <https://suttacentral.net/sn3.14/vi/minhchau>



THÁNG TƯ LÊN ĐÒI

thấp hương trầm đi lên đồi chiều tháng tư - tĩnh lặng
nặng ngử trên vai em bé sinh ra trên đất khách - trầm tư
những vòng phong linh kêu trong tim - mộc mạc
ân cần cỏ non xanh biếc
chạy tìm lông bông quên cả tháng ngày

mặt trời nở đóa hoa tâm thức
ngôn từ huyền bí nghe sao thật lạ
tôn vinh một thánh thể huyền ảo pháp thân
đất người bao la nuôi da thịt mặn mà
bồi hồi ngơ ngác chẳng biết xuân hay hạ

ngắt chiếc lá đầu tiên chân đồi nắng đại
mỗi ô cửa, ngôi nhà là kỷ niệm in sâu
mỗi năm trở lại nhắc ta già một tuổi
tay run, lưng mỏi, nhịp thời gian dong ruổi trôi dài
đứng cùng em dưới vòm cây ngọt trái
nghe lá non ca hát thuở ban đầu trần ai
nước reo suối mát, chim cười mai sớm
sát na êm đềm như sợi rom theo gió bay

tháng tư, mùa xuân lặng lẽ
đón ta lên đồi tắm ánh nắng vừa lên
dấu hỏi hằn ghi trên vàng trán da nhăn
tài hoa cát tiếng than, tinh anh trôi đạt
giác mơ da vàng nửa đời người chưa đạt
đời còn lại khi nào sẽ đơm bông kết trái
hay trần thế rồi cũng là không sắc sắc không

bầu trời trong tim phẳng lặng
thiên thần và bồ tát mặc áo màu xanh
hát ca bằng giọng nói của tấm lòng
tháng tư trên đồi, mùa xuân đậu lên phiến lá
ta sẽ bay thật cao và thật xa...

thy an

nhớ lại tháng tư

The Story of Theri Mahapajapati Gotami (Aunt & Step-Mother of Buddha)

Dhammapada, Verse 391

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (391) of this book, with reference to Theri Mahapajapati Gotami.

Mahapajapati Gotami was the stepmother of Gotama Buddha. On the death of Queen, seven days after the birth of Prince Siddhattha, Mahapajapati Gotami became the chief queen of King Suddhodana. At that time, her own son Nanda was only five days old. She let her own son be fed by a wet-nurse, and herself fed Prince Siddhattha, the future Buddha. Thus, Mahapajapati Gotami was a great benefactor to Prince Siddhattha.

When Prince Siddhattha returned to Kapilavatthu after the attainment of Buddhahood, Mahapajapati Gotami went to see the Buddha and requested that women should also be allowed to enter the Buddhist Order as bhikkhunis; but the Buddha refused permission. Later, King Suddhodana died after attaining arahatship. Then, while the Buddha was sojourning at the Mahavana forest near Vesali, Mahapajapati, accompanied by five hundred ladies, came on foot from Kapilavatthu to Vasali. They had already shaven their heads and had put on the dyed robes. There, for a second time, Mahapajapati requested the Buddha to accept women in the Buddhist Order. The Venerable Ananda also interceded on her behalf. So, the Buddha complied, with the proviso that Mahapajapati abides by eight special conditions (garudhammas). Mahapajapati undertook to observe the garudhammas as required, and the Buddha admitted her into the Order. Thus, Mahapajapati was the first to be admitted to the Order of the Bhikkhunis. The other women were admitted to the Order after her by the bhikkhus as instructed by the Buddha.

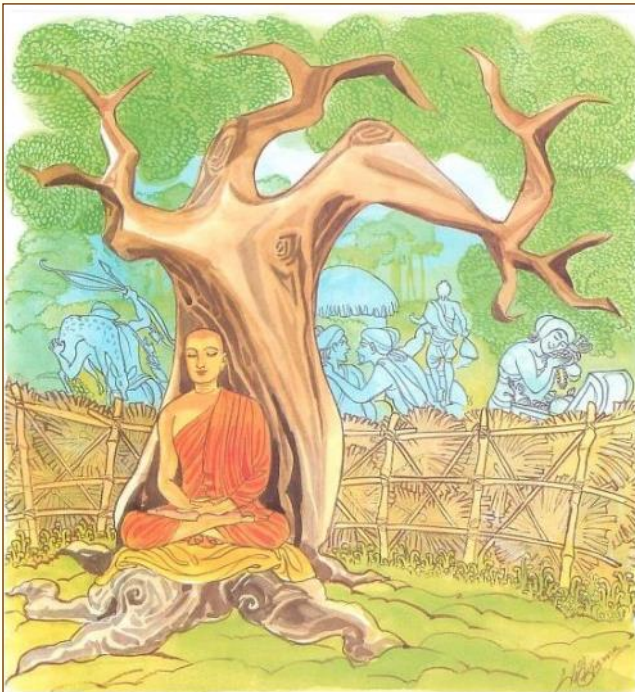
In course of time, it came to the minds of some bhikkhunis that Mahapajapati Gotami had not been properly admitted as a bhikkhuni because she did not have a preceptor; therefore, Mahapajapati Gotami was not a true bhikkhuni. With this thought in their mind, they stopped doing fasting (uposatha) ceremonies and vassa (pavarana) (rainy season) ceremonies with her. They went to the Buddha and posed the problem of Mahapajapati Gotami not having been properly admitted to the Order of bhikkhunis as she had no preceptor. To them the Buddha replied, "Why do you say so? I myself gave the eight garudhammas to Mahapajapati and she had learnt and practised the garudhammas as required by me. I myself am her preceptor and it is quite wrong for you to say that she has no preceptor. You should harbour no doubt whatsoever about an arahat." Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 391: Him I call a brahmana who does no evil in deed or word or thought, who is restrained in these three respects.

Translated by

DAW MYA TIN, M.A.,

Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.



With no evil done through thought, word or deed, one guarded therein, a true brahmin he is.

391. *Yassa kāyēna vācāya
manasā natthi dukkatāni
sarvutām tīhi thānēhi
tamahaṃ brāmi brāhmaṇaṃ. (26:9)*

In whom is no wrong-doing
by body, speech or mind,
in these three ways restrained,
that one I call a Brahmin True.



TRÍ TUỆ GIẢI THOÁT

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam viên thương mến,

Thưa ấy, tôn giả Đại Ca Diếp đang ẩn cư nơi động Cây Tiêu để dành trọn thời gian đi vào thiền định. Tôn giả quán tưởng về ánh hào quang và cố gắng phát triển thiên nhãn để chiếu soi khắp pháp giới và xem chúng sanh nào tỉnh giấc, chúng sanh nào phóng dật, chúng sanh nào sắp chết, chúng sanh nào sắp tái sinh...

Bấy giờ đức Phật đang trong cơn nhập định tại chùa Kỳ Viên, bằng thiên nhãn, ngài thấy được đường lối tu tập của tôn giả Ca Diếp; ngài muốn báo cho tôn giả biết rằng tôn giả đã phí công vô ích khi làm công việc quán chiếu như trên. Ngài liền phóng hào quang và hóa hiện ngay trước mặt tôn giả Đại Ca Diếp.

Đức Phật bảo:

"Này Ca Diếp, số chúng sanh chết đi và tái sanh thật là vô lượng, ông chẳng thể nào đếm cho xuể. Ông chẳng nên lo lắng về điều ấy, vì đó là phạm vi trách nhiệm của chư Phật."

Rồi ngài đọc bài kệ sau:

"Nhờ trừ hết buông lung, người trí không còn lo sợ gì

Bậc Thánh hiền bước lên lầu trí tuệ, nhìn

thấy người ngu còn nhiều lo sợ, như được lên núi cao, cúi nhìn muôn vật trên mặt đất." (Kinh Pháp Cú, kệ # 28)

Thưa Anh Chị Em,

Đến như ngài Ca Diếp mà cũng có khi chọn sai đề tài thiền quán để làm mất thì giờ, bị Đức Phật quở, huống gì chúng ta; vì vậy chúng ta nên cẩn trọng, khi chọn đề tài thiền quán, phải trình qua với sư phụ hướng dẫn, để khỏi bị sai lầm.

Ngày nay, chúng ta thường gọi những người đại trí thức, nhiều bằng cấp cao, v.v... là những người đã đạt đến đỉnh cao trí tuệ... nhưng thực ra trong Phật học, bậc Trí là những người chứng đắc được quả vị Thánh, đạt được trí tuệ giải thoát (tuệ giác), chứ không phải chỉ là những kiến thức và sự thông minh thông thường của thế gian.

Thương mến kính chúc Anh Chị Em một mùa Lễ Xuất gia thanh tịnh và tràn hương từ bi.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





Những kỳ quan thu nhỏ và Cuộc điều hành thâm lặng

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Văn hóa Nhật Bản nói cho đến tận cùng luôn là lấy cái tối thiểu để biểu đạt cái tối đa. Đó là một nền văn hóa thu nhỏ tất cả từ ngôn ngữ đến nghệ thuật. Do đó, thơ ca và văn chương Nhật Bản luôn khơi gợi nên một sự bí ẩn và quyến rũ khó tả thành lời. Những tác phẩm tinh tế và nén chặt dư ba nhưng luôn âm ỉ cháy một ngọn lửa sinh mệnh bất diệt qua ngôn ngữ truyền đời. Không cần phải ngẩng lên, nhìn xa một chân trời thoáng hiện bát ngát bao la mà cúi xuống nhìn thật gần, nhìn thật sâu vào những điều nhỏ bé và giản dị chúng ta cũng có thể cảm thấy sự huyền nhiệm của bí ẩn muôn đời hiện hữu, thấy mình trong vô hạn vòng luân chuyển tái sinh. Thơ haiku Nhật Bản với những kỳ quan thu nhỏ và hình ảnh nén chặt kỳ lạ thay lại gợi nên một cuộc điều hành im lặng mà trang trọng của hiện hữu tròn đầy.

Chúng ta hãy xem một bài haiku nổi tiếng của Buson sau đây:

*Đóa hoa bìm bìm
Đong đầy sương sớm
Xanh màu nước vực sâu*

「朝がほや一輪深き淵のいろ」
与謝 蕪村
(Yosa Buson)

Trong nguyên tác, bài thơ không nói gì đến sương sớm. Chỉ là màu nước vực sâu trên một cánh hoa bìm bìm. Chúng ta sẽ hiểu bài thơ như thế nào đây? Nếu đã từng nhìn xuống khe nước dưới vực sâu muôn trùng, chúng ta sẽ thấy nước có màu xanh ngọc rất đẹp. Nhưng cảnh hùng vĩ như vậy chúng ta vẫn có thể nhìn thấy được qua một bài haiku nhỏ bé. Những giọt sương sớm đong đầy đóa hoa bìm bìm như thể gương mặt buổi sớm mai (trong tiếng Nhật hoa bìm bìm được gọi là "triều nhan" 朝顔). Nhìn vào lớp sương đong đầy trong đáy hạp nhỏ bé, Buson đã thấy được cả một quang cảnh phiêu bông của màu nước nơi đáy vực sâu. Trong cái nhìn thoáng qua bông hoa, ai biết mình đã bỏ qua một kiệt tác của đất trời?

Truyện cực ngắn có thể gọi là những bài haiku văn xuôi cũng có thể thu nhỏ được trọn

vẹn một nỗi khắc khoải nhân sinh. Với truyện rất ngắn "Trưa xuân yên tĩnh" (1), Dazai Osamu đã cho ta thấy sự chú quan và khác biệt trong việc cảm nhận thế giới của mỗi con người cá nhân.

TRƯA XUÂN YÊN TĨNH

Vào ngày mười một tháng tư.

Tôi trọ tại một chỗ tạm xa thành phố Kofu, dù làm việc nhưng vẫn muốn nhanh chóng trở lại Tokyo, mãi mà cứ bị trói buộc, cứ thế kéo dài đến gần nửa năm. Sáng hôm nay đẹp trời, tôi dẫn vợ và em gái đến đền Thần đạo Takeda ngắm hoa anh đào. Tôi cũng rủ cả mẹ cùng đi nhưng vì đau bụng nên bà ở lại trông nhà. Đền Thần đạo Takeda vốn là nơi thờ phụng lãnh chúa Takeda Shingen (2), mỗi năm vào ngày mười hai tháng tư có một lễ hội rất lớn, đúng khi ấy hoa đào nở đầy trong khuôn viên Thần điện. Ngày mười hai tháng tư là ngày sinh hay ngày mất của lãnh chúa Takeda thì vợ và em gái đã giải thích cho tôi tường tận. Nhưng tôi thì lấy làm kỳ quái. Ngày sinh trùng hợp với ngày hoa anh đào mãn khai thì thật kỳ quái. Chuyện thật khó mà tin. Thậm chí đến mức tôi ngờ rằng không biết chuyện này có phải do vị chủ đền Thần đạo bị đặt ra hay không nữa.

Hoa anh đào nở trĩu nặng như sắp sửa rụng rơi.

"Đừng rụng, đừng rơi nhé"

"Không được, rụng mất rồi"

"Nhâm rồi, cứ đang rụng đang rơi đấy thôi"

Mọi người cười vang.

Đây là ngày trước buổi lễ hội nên không khí tất bật khẩn trương trong sự sạch sẽ. Khuôn viên được lau dọn tinh tươm, không vương một mảnh bụi trần.

"Như buổi tiệc chiêu đãi trong ngày triển lãm nhi. Hôm nay đến đây thật hay"

"Mỗi lần em nhìn thấy hoa anh đào em cứ nghĩ đến cái đám trứng ếch ấy", vợ tôi buông lời thô kệch.

"Không được đâu, vậy thì khổ quá".

"Đạ đúng là phiền phức. Mặc dù em đã cố gắng hết sức không muốn nghĩ đến đây. Nhưng tại có lần em nhìn thấy đám trứng ếch thế là không sao rời cảnh ấy ra khỏi tâm trí được nữa".

"Anh thì cứ nghĩ đến núi muối ấy", lời này không thể nói là phong lưu nho nhã lắm.

"Cái ý nghĩ này hay hơn đám trứng ếch", cô

em gái nêu ý kiến. "Em thì cứ nghĩ đến tờ giấy trắng tinh. Bởi vì hoa anh đào không có một chút mùi hương nào cả".

Vậy hoa anh đào có hương hay không hương, tôi đứng lại ngẫm nghĩ. Trong khoảng yên lặng đó, tôi nghe thấy tiếng con mòng bay trước khi ngửi được mùi hương hoa.

Có lẽ là tiếng đập cánh của chú ong.

Đó là buổi trưa yên tĩnh ngày mười một tháng tư.

Kiệt tác nhỏ bé này có thể nói thu nhỏ lại cả một thế giới nhận thức và thấu triết chân lý của con người. Làm sao ta có thể biết được điều ta thấy và nghĩ là đúng thực như bản chất của thế giới? Nói như Soren Kierkegaard "Chân lý là chủ quan tính". Không ai có thể nhìn hoa đào như nó là mà luôn mang theo thiên kiến. Có thể là trứng ếch, núi muối hay tờ giấy trắng tinh. Cuối cùng hoa đào có hương hay không hương? Âm thanh vọng đến là tiếng con mòng hay chú ong? Ngay cả tác giả cũng không thể nói chắc chắn được. Thế giới được tạo nên từ những góc nhìn, những thế giới khác nhau, có những thế giới nổi kết có những thế giới song song, cũng có cả hư không quyền rũ. Và chúng ta trong chừng mực đều phải đồng thuận với nhau về những điều có ý nghĩa với cuộc sống của con người. Hay cả những tin điều và truyền thống cũng đều là con người dựng lên và tin tưởng như ngày sinh của lãnh chúa Takeda trùng với ngày hoa anh đào mãi khai vậy? Không có gì là chắc chắn hoàn toàn trong thế giới này. Nhưng chúng ta vẫn sống, tìm kiếm chân lý giữa muôn trùng ngộ nhận. "Vạn pháp duy tâm biến hiện". Một tác phẩm hay là tác phẩm khơi gợi cho chúng ta nhiều suy tư, trăn trở.

Hay một bài haiku nổi tiếng của Kobayashi Isaa:

うつくしや、障子の穴の、天の川

*Thật đẹp làm sao
Nhìn dải Ngân Hà
Qua lỗ thủng cánh cửa giấy*

Nhà thơ nằm bệnh liệt giường và chỉ còn đủ sức dùng ngón tay chọc thủng cánh cửa giấy để từ đó nhìn lên bầu trời bát ngát đầy sao, có dải Ngân Hà lấp lánh. Giọng điệu cảm thán "thật đẹp làm sao" (うつくしや utsukushiya) khiến cho chúng ta liên tưởng đến lời nhận xét của tác giả Lee O Young: "Tìm hiểu về nguồn gốc của từ đẹp (utsukushii 美しい) trong tiếng Nhật, người ta thấy rằng người Nhật quan niệm những đồ vật nhỏ, tinh xảo là đẹp và tất cả những từ "đẹp" xuất hiện trong quyển Cổ sự ký đều có nghĩa như vậy" (3). Quả nhiên là như thế. Trong văn hóa Nhật Bản, những gì đặc sắc nhất luôn nhỏ bé tinh tế. Nghệ thuật cây cảnh bonsai là hình thức thu nhỏ thiên nhiên vào trong nhà, hoa đạo thu nhỏ không gian vũ trụ mệnh mông, nghệ thuật khô sơn thủy thu nhỏ cả đại đương vào trong vườn cát, truyện ngắn trong lòng bàn tay của Kawabata có sức nén chặt của một tiểu thuyết,



Bức thư pháp bài thơ haiku của Issa

tư thế của kịch Noh là mỹ học thu nhỏ của vận động... Ngay cả ngôn ngữ Nhật cũng thể hiện ý thức thu nhỏ đặc trưng khi trợ từ "no" の (của, thuộc về) liên tục được sử dụng trong thơ ca khiến bài thơ dần thu nhỏ lại khung cảnh thiên nhiên như kiểu hộp lồng, lắp xếp vào nhau. Và qua bài thơ trên sở dĩ dải Ngân Hà đẹp có lẽ bởi vì nó được nhìn qua lỗ thủng của cánh cửa giấy. Một khoảnh khắc rất đời thường đã được thơ ca làm cho bất tử. Và như thế sự vinh viễn phải chăng đã được thu nhỏ bởi một khoảnh khắc tưởng chừng phù du?

Và trong mỗi khoảnh khắc chúng ta đang sống là chúng ta đang tham gia vào cuộc điều hành bất tận của sinh và tử của lăm lăm u mê đến giác ngộ giải thoát. Như bài thơ "Đất" (Tsuchi) hay là có thể hiểu là cát bụi của Miyoshi Tatsuji (1900-1964) sau đây:

土
蟻が
蝶の羽をひいて行く
ああ
ヨットのやうだ

Đất

*Đám kiến
Kéo lê đôi cánh bướm
Ah, ah
Thật giống chiếc thuyền buồm*

Một đám rước, một cuộc diễu hành về sinh tử đập đổi tuyệt đẹp được nhìn thấy ở đây. Trong

sinh mệnh con bướm đã tan lìa có một vẻ đẹp nuôi dưỡng sự sống cho đàn kiến. Trên mặt đất bao la, cát bụi trở về cát bụi nhưng sự hiện hữu luôn thật sống động và nhiệm màu. Con thuyền sự sống vẫn trôi. Cái chết là nền tảng cho sự sống. Đàn kiến nâng tầm cái chết của con bướm thành một cuộc diễu hành trang trọng dù trong lặng lẽ và nhỏ bé. Tư tưởng này đã liên kết với cái nhìn toàn vẹn của William Black "thấy vũ trụ trong một hạt cát, và bầu trời trong đóa hoa rừng, hãy giữ vô cùng trong tay bạn và thiên thu trong một khắc đồng hồ" (To see a world in a grain of sand, and a heaven in a wild flower, hold infinity in the palm of your hand, and eternity in an hour).

秋の暮 大漁の骨を 海が引く
Trong buổi chiều thu
Bao nhiêu là xương cá
Dạt vào bờ rồi cuốn trôi xa

Riêng trong bài thơ nhỏ của Saito Sanki này, chúng ta có thể thấy được dòng chảy của biển cả không thiên vị ai, không vui dập ai. Nhịp sống muôn đời vẫn thế. Những loài cá sống dưới biển sâu vì lý do nào đó chết còn đám xương tàn bị sóng đánh dạt vào bờ trong buổi chiều thu rồi những con sóng đó lại tiếp tục kéo đám xương đó trở về đáy biển. Trong nhịp điệu sóng vỗ vào ra, những sinh mệnh tuần hoàn sinh tử trở về cùng một lòng đại dương sự sống vĩnh hằng. Sóng muôn ngàn ngọn nổi tiếp nhau nhưng bản chất vẫn là nước. Sinh mệnh muôn hình vạn trạng nhưng đều chứa trong mình sự hiện hữu nhiệm màu. Và phải chăng chết là một phần tất yếu của sự sống, cho sự thay đổi cần thiết để cuộc đời mãi mãi thanh tân?

Chiếc đèn cù
Vòng xoay sinh tử
Cũng một sắc màu phù du
 生も死も同じ色やわ走馬灯
 (光雲)

Bài thơ này của Kouun (光雲) có thể diễn đạt trọn vẹn vòng xoay sự sống. Hình tượng chiếc đèn kéo quân (Soumato走馬灯) quay như luân hồi sinh tử con người liên tục tiếp nối không dứt. Cuối cùng cuộc đời này chỉ là một vòng xoay mà thôi. Anh hùng mỹ nhân, võ vàn những trận chiến, những giấc mộng rồi cũng trở thành cát bụi muôn năm. Lịch sử là sự lặp lại những cuộc đời với những sắc màu riêng biệt.

Những bài thơ và truyện ngắn cô đọng thu nhỏ thiên nhiên, thu nhỏ nỗi cô đơn, thu nhỏ vũ trụ, thu nhỏ cả cuộc đời. Quả thật từ chiếc vỏ ốc có thể nghe ra tiếng vọng của cả một đại dương, từ cuộc sống ngắn ngủi chúng ta có thể nhận ra được sự vĩnh hằng. Đó là tinh thần của văn học Nhật Bản vẫn chảy bất tuyệt từ quá khứ đến hiện tại, xuyên qua nhiều lớp ngôn ngữ của nhiều nền văn hóa



CÁT BỤI VÔ THƯỜNG

Chiều tàn cánh lá vàng phai
Hoàng hôn rử bóng đêm dài trảm luân
Vô thường một kiếp thế nhân
Tâm ai đã ngộ mê làm khổ đau?

Quán đời được mấy bên lâu
Thoát bờ ảo mộng... bẻ dâu đọa đày
Sân si, oán hận kiếp này
Bụi trần rử sạch tháng ngày nhẹ qua

An nhiên giữa cõi ta bà
Từ bi, hỷ xả chan hòa yêu thương
Tâm an lành với mõ chuông
Ngộ ra đời chốn vô thường... mà tu

Không gây oan trái hận thù
Câu kinh niệm Phật chân như nhẹ nhàng
Kiếp người ở trọ trần gian
Thác quy thanh thoát bẻ quang nhiệm màu.

thơ NHẬT QUANG

khác nhau vẫn không ngừng sống động và tươi mới. Hiểu được tinh thần của thơ haiku và sự đặc sắc của văn hóa Nhật Bản, chúng ta sẽ dẫn tinh tế hơn trong cách cảm nhận cuộc sống, sẽ biết trân trọng hơn từng khoảnh khắc nhỏ bé mà kỳ tuyệt của thiên nhiên và trên tất cả là sự thấu triệt rằng sự hiện hữu của mình dù thật là nhỏ bé nhưng không bao giờ là tầm thường mà nối kết với toàn thể một chu trình sinh diệt trong tấn tuồng vĩ đại của nhiệm màu hiện hữu.

Hoàng Long

- 1) Dịch từ nguyên tác "春昼" trên trang mạng kho sách ngoài trời Aozora.
- 2) Takeda Shingen (武田信玄 - Vũ Điền Tín Huyền) (1521 -1573), vị tướng quân và lãnh chúa nổi tiếng thời Chiến Quốc Nhật Bản.
- 3) Lee O Young, Người Nhật Bản với chí hướng thu nhỏ, Hồ Hoàng Hoa và Lê Thị Bình dịch, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1998, trang 33.

NĂM MƯƠI NĂM PHÁT TRIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI CALIFORNIA

Thích Từ Lực và Tâm Huy Huỳnh Kim Quang

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN LỊCH SỬ

I/ Dẫn Nhập

Năm 2025 đánh dấu 50 năm (1975-2025) người Việt tị nạn Cộng Sản đã từ bỏ quê hương Việt Nam để tìm đến vùng đất tự do của Hoa Kỳ. Trong số khoảng từ 125,000 đến 130,000 người Việt tị nạn đầu tiên đến Mỹ ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có nhiều tu sĩ Phật Giáo.(1)

Một trong những tiểu bang của Mỹ mà người Việt tị nạn đầu tiên đặt chân đến là California, hay nói chính xác là Căn Cứ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ Pendleton (Marine Corps Base Camp Pendleton), nằm trong địa hạt Quận San Diego ở miền Nam California. Chính những người Việt tị nạn đầu tiên ở đây là những nhân tố hình thành cộng đồng người Việt tị nạn tại California sau này.

Tính tới năm 2023, có 2.4 triệu người Mỹ gốc Việt sống tại Hoa Kỳ, theo Văn Phòng Thống Kê Dân Số Hoa Kỳ (2) cho biết. Trong số này, gần 60% người Việt tị nạn sinh ở Việt Nam và 40% sinh tại Mỹ. Khoảng 38% tổng số người Việt tị nạn ở Mỹ sống tại California. Tiếp theo là Texas, với 14%. Nơi tập trung người Việt tị nạn đông nhất là tại Quận Cam, Quận Santa Clara (Bắc California) và Quận Los Angeles trong tiểu bang California. Như vậy, tổng số người Việt sinh sống tại California là khoảng 912,000 (38% của 2.4 triệu người).

Theo Trung Tâm Nghiên Cứu Pew (3) thì số người Việt tị nạn xác nhận là Phật tử chiếm 37% tổng số người Việt tị nạn tại Mỹ. Như thế, số Phật tử trong cộng đồng người Việt tị nạn ở Mỹ là khoảng 888,000 và số Phật tử trong cộng đồng người Việt tại tiểu bang California là khoảng 337,440 người. Tuy nhiên, những con số vừa nêu ra ở trên không phải là hoàn toàn chính xác. Lý do là vì các thống kê ở trên được thực hiện vào năm 2023, nên các số lượng đó đã không còn đúng hoàn toàn với thời điểm hiện nay là gần giữa năm 2025. Mặc dù vậy những con số đó cũng cho chúng ta một cái nhìn khái quát về tổng dân số người Việt và người Việt theo Đạo Phật ở Mỹ cũng như ở California.

Theo thời gian, từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay, số lượng Tăng, Ni đến định cư ở Mỹ ngày càng đông, theo diên vượt biển và vượt biên tị nạn Cộng Sản (từ 1975 đến 1989), theo Chương Trình Ra Đi Trật Tự (Orderly Departure Program - ODP) và Chiến Dịch Nhân Đạo (The Humanitarian Operation - HO) (từ 1980 đến 1997), hay theo diện hỗ trợ sinh hoạt tôn giáo được các chùa, các tổ chức Phật Giáo ở Mỹ bảo lãnh kể từ đầu những năm đầu thiên niên kỷ thứ 3. Các vị Tăng, Ni này định cư ở Mỹ dù thuộc diện nào thì đều mang theo mình sứ mệnh hoằng dương Chánh Pháp của Đức Phật, duy trì và phát huy truyền thống văn hóa của Dân Tộc và Phật Giáo Việt Nam tại xứ người. Đây là động lực chính hình thành các cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ở Mỹ trải dài nửa thế kỷ qua.

Nếu so với nền văn hiến hơn 4,000 năm của giống nòi Lạc Việt thì nửa thế kỷ chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn. Nhưng nếu so với gần hai trăm năm mươi năm lập quốc của Hoa Kỳ thì nửa thế kỷ đã chiếm 1/5 khoảng thời gian đó. Hay nói cách khác, nửa thế kỷ có mặt của cộng đồng Phật Giáo Việt Nam ở Mỹ nói chung và ở California nói riêng là khoảng thời gian dài đủ để chúng ta có thể nhìn lại những thành quả đã đạt được và từ đó dự phóng con đường tương lai.

II/ Kiến Lập Chùa và Các Tổ Chức

Muốn hoằng dương Chánh Pháp tại xứ người thì một trong những điều kiện cần thiết trước nhất là phải có cơ sở, hay chùa. Chùa theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam được gọi là ngôi



Chư Tôn Đức cử hành Lễ Tắm Phật tại Đại Lễ Phật Đản chung Phật Lịch 2567 Cộng Đồng Phật Giáo Bắc California, Hoa Kỳ vào năm 2024. (Photo: Văn Tường www.chuaviettoancau.com)



Hình lưu niệm tại Đại Lễ Phật Đản chung Phật Lịch 2567 do GHPGVNTN HK và Cộng Đồng Phật Giáo Nam California tổ chức tại Garden Grove Park, Nam California, Hoa Kỳ vào năm 2024. (Photo: www.vietbao.com)

Tam Bảo (Phật, Pháp và Tăng), tức là nơi để thờ Phật, để lưu hành Giáo Pháp của Phật, và để chư Tăng, Ni cư trú để diễn giảng và hướng dẫn Phật tử tu học Phật Pháp.

Khi vượt biển, vượt biên đi tìm tự do và được định cư tại Mỹ, chư Tăng, Ni cũng giống như mọi người Việt tị nạn khác không mang theo được gì ngoài hai bàn tay trắng. Vì thế, việc khởi sự xây dựng một ngôi chùa trong giai đoạn đầu mới định cư là điều vô cùng khó khăn. Sự khó khăn xây dựng ngôi chùa gồm nhiều mặt: trước hết là tài chánh và thứ đến là pháp lý hay giấy phép của chính quyền địa phương cho phép thành lập một cơ sở sinh hoạt tôn giáo. Đây chính là lý do tại sao hầu hết chư Tăng, Ni đều khởi đầu việc lập chùa bằng cách thuê mướn hay mua một căn nhà làm nơi cư trú rồi sau đó lần hồi mới tiến tới việc vận động tài chánh và xin giấy phép được lập chùa. Tuy nhiên, cả hai việc đó đều không phải diễn ra theo ước nguyện của quý Thầy, Cô mà thường xuyên bị trở ngại. Chướng duyên lớn nhất là có được giấy phép xây chùa hay biến cơ sở đã mua thành nơi sinh hoạt tôn giáo chính thức, mà thường được gọi là 'cải gia vi tự'.

Chỉ đơn cử một vài điều như vậy để thấy rằng chư Tăng, Ni đến Mỹ trong giai đoạn đầu với tư cách là người tị nạn đã phải hy sinh rất nhiều, từ tâm lực, trí lực, sức lực đến tài lực để có thể tạo dựng một ngôi chùa tương đối vừa đủ để thực hiện chí nguyện hoằng dương Chánh Pháp ở Mỹ.

Theo Gary Laderman và Luis D. León (4), và Charles S. Prebish (5) thì tính tới năm 2003 ở Mỹ đã có khoảng 165 ngôi chùa Việt. Nhưng một tài liệu khác từ The Association of Religion Data Archives (ARDA),(6) thì ở Mỹ tính tới năm 2000 đã có khoảng 270 ngôi chùa Việt. Theo Thầy Thích Quang Minh trong luận án Tiến sĩ "Vietnamese Buddhist In America" trình tại Đại Học Florida State University năm 2007, tính tới năm 2005 có khoảng 279 trung tâm Phật giáo

Việt Nam tại Hoa Kỳ.(7) Theo danh sách chùa Việt Nam tại Mỹ được liệt kê trong Lịch Âm Dương Đối Chiếu do tổ đình Minh Đăng Quang tại thành phố Westminster, miền Nam California phát hành vào năm 2012 thì có khoảng 337 ngôi chùa Việt trên khắp nước Mỹ. Dĩ nhiên, cho đến nay, năm 2025, thì con số này ắt phải khác đi nhiều, vì trong mười mấy năm qua số lượng chùa được xây dựng ở Mỹ đã gia tăng đáng kể, mặc dù chúng tôi không có số liệu thống kê nào để đưa ra một con số chính xác.

Tại miền Bắc California, thăm dò sơ khởi cho thấy có khoảng 77 ngôi chùa tính tới năm 2025. Số lượng chùa ở miền Nam California chắc chắn phải nhiều hơn miền Bắc, vì dân số người Việt và Phật tử Việt sống tập trung ở đây đông hơn bất cứ nơi nào tại Mỹ. Theo tài liệu được đăng trên trang mạng Hoa Vô Ưu (www.hoavouu.com) của Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ thì tính tới năm 2010 ở Nam California có khoảng 80 ngôi chùa. Số liệu này phù hợp với số chùa Việt Nam tại miền Nam California được đăng trên trang mạng www.yelp.com mà trong đó tính tới năm 2025 có khoảng 80 ngôi chùa. Tuy nhiên, trên thực tế mà chúng tôi biết thì có ít nhất 20 ngôi chùa không thấy liệt kê trong số liệu của hai trang mạng trên. Như vậy, chúng ta có thể phỏng đoán tại miền Nam California có ít nhất 100 ngôi chùa. Nếu tính chung số chùa ở Nam và Bắc California thì chúng ta có thể dự đoán con số ít nhất 180 ngôi chùa Việt trên toàn tiểu bang California.

Trước khi người Việt tị nạn đến định cư ở Mỹ, một vị tu sĩ Phật Giáo người Việt Nam đã có mặt ở đây để dạy tại Đại Học University of California in Los Angeles (UCLA) và hoằng dương Phật Pháp là Cố Hòa Thượng Thích Thiên Ân (1925-1980). Ngài là vị Tăng sĩ Việt Nam đầu tiên lập chùa và xây dựng cơ sở Phật Giáo tại Hoa Kỳ. HT Thích Thiên Ân đã lập Chùa Việt Nam



Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ hát đạo ca cúng dường trong Đại Lễ Phật Đản chung Phật Lịch 2563 do GHPGVNTN HK và Cộng Đồng PHVN Nam California tổ chức tại Miles Square Park, Thành Phố Fountain Valley, Nam California, Hoa Kỳ vào năm 2019. (Photo: www.vietbao.com)

tại Los Angeles vào năm 1976. Ngài cũng đã lập Trung Tâm Thiền Phật Giáo Quốc Tế [Trung Tâm Thiền Phật Giáo Quốc Tế] (International Buddhist Meditation Center [IBMC]) vào năm 1970. Tháng 10 năm 1973, Hòa thượng Thích Thiên Ân mở Đại Học Đông Phương (University of Oriental Studies) để dạy triết học Đông Phương và Phật Học cho các sinh viên Mỹ, theo Giáo Sư Trần Quang Thuận trong "Phật Giáo Mỹ." Theo Ni Sư Thích Nữ Như Ngọc cho biết rằng HT Thích Thiên Ân cũng đã lập Chùa A Di Đà vào năm 1976 tại thành phố Los Angeles và ngài cũng là vị trú trì của ngôi chùa Ni đầu tiên tại Mỹ này cho đến khi viên tịch vào năm 1980. HT Thích Mãn Giác đã kế vị trú trì Chùa A Di Đà cho đến năm 1992 thì cho dời chùa về thành phố Westminster và giao cho Ni Sư Thích Nữ Như Ngọc làm trú trì.

Trong số những người Việt tị nạn đầu tiên đến Mỹ ngay sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có các vị Tăng Ni Phật Giáo Việt Nam, gồm Hòa Thượng Thích Thanh Cát, HT. Thích Thanh Đạm, Hòa Thượng Bồ Đề, Hòa Thượng Tường Vân, Ni sư Thích Nữ Như Chánh.

Tại miền Bắc California, trong năm 1976, HT Thích Thanh Cát đã lập Chùa Giác Minh tại thành phố Palo Alto. Đây có lẽ là ngôi chùa Phật Giáo Việt Nam đầu tiên được tạo dựng tại miền Bắc California. Vào năm 1978, HT Thích Thiện Trì lập Chùa Kim Quang tại thành phố Sacramento. Những ngôi chùa được xây dựng vào đầu thập niên 1980s, gồm Chùa Đức Viên của Sư Bà Đàm Lưu tại thành phố San Jose được lập vào năm 1980, Pháp Duyên Tịnh Xá của HT Thích Giác Lượng tại thành phố San Jose được lập vào năm 1982, Chùa Diệu Quang của Sư Bà Thích Nữ Diệu Từ tại thành phố Sacramento được lập vào năm 1982, và Tu Viện Kim Sơn của HT Thích Tịnh Từ tại thành phố Watsonville được lập vào năm 1983.

Tại miền Nam California, ngôi chùa Việt Nam đầu tiên được tạo dựng ngay giữa trung tâm cộng đồng người Việt tị nạn tại thành phố Santa Ana là Chùa Trúc Lâm Yên Tử vào đầu năm 1978. Theo HT Thích Minh Nguyễn (8), Chùa này cho đến nay đã trải qua 4 đời trú trì: HT Thích Lương Sơn, HT Thích Tường Vân, HT Thích Trí Viên, và HT Thích Minh Nguyễn (từ năm 1986 đến nay 2025). Kế đến là Tổ Đình Tịnh Xá Minh Đăng Quang do HT Thích Giác Nhiên thành lập vào năm 1978 tại thành phố Westminster. Năm ở cực Nam của tiểu bang California là thành phố San Diego có Chùa Vạn Hạnh được HT Thích Trí Chơn thành lập vào năm 1978. Những ngôi chùa được thành lập vào năm 1982 gồm: Chùa Huệ Quang của HT Thích Minh Mãn tại thành phố Santa Ana, Tu Viện Hoa Nghiêm của HT Thích Pháp Tánh tại thành phố Santa Ana, Chùa Dược Sư của Sư Bà Thích Nữ Như Hòa tại thành phố Garden Grove.

Ngoài ra, vào năm 2000, Thiền Sư Nhất Hạnh cùng Tăng thân Làng Mai thành lập Tu Viện Lộc Uyển (Deer Park Monastery) ở Thành Phố Escondido Nam California, nơi mà Thiền Sư Nhất Hạnh cùng Tăng thân Làng Mai ước mơ mầm cho sự



Khóa Tu Thiếu Nhi tại Chùa Đức Viên, San Jose, Bắc California, Hoa Kỳ. (Photo: Võ Văn Tường www.chuaviettoancau.com)

thực tập chánh niệm trên đất Mỹ, tiếp nối dòng chảy của tuệ giác và từ bi trong đời sống hiện đại. Theo Wikipedia, "Tu Viện Lộc Uyển là một tu viện Phật giáo rộng 400 mẫu Anh (1,6 km²) tọa lạc tại Escondido, California. Tu viện được thành lập vào tháng 7 năm 2000 bởi Thiền Sư Thích Nhất Hạnh, cùng với chư Tăng, Ni và các cư sĩ thuộc Truyền thống Làng Mai. Tu viện hoạt động dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Dòng Tu Tiếp Hiện, trong truyền thống Thiền tông Việt Nam." (9)

Trên đây chúng tôi chỉ nêu ra một số chùa được thành lập trong những năm đầu định cư của cộng đồng PGVN tại hai miền Nam và Bắc California. Trong những năm sau này còn có rất nhiều chùa được thành lập mà chúng tôi không thể nêu ra hết trong bài viết ngắn này.

Ngoài việc xây dựng cơ sở và kiến tạo các ngôi chùa để làm nơi tu học và hành đạo, chư tôn đức Tăng, Ni thuộc thể hệ thứ nhất định cư tại Mỹ đã thành lập các tổ chức giáo hội để cùng nhau phối hợp trong công tác Phật sự hoằng dương Chánh Pháp, duy trì và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc và Phật Giáo Việt Nam tại xứ người.

Về tổ chức, thì Hội Ái Hữu Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ do HT Thích Thiên Ân thành lập vào năm 1976 tại thành phố Los Angeles là sớm nhất. Tổ chức này sau đó đã đổi thành Hội Liên Hữu Phật giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ (Vietnamese Buddhist Fellowship in the United States). Vào tháng 12 năm 1978, Tổng Hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ (Vietnamese United Buddhist Church) ra đời mà HT Thích Thiên Ân là Chủ tịch Hội Đồng Lãnh Đạo, HT. Thích Mãn Giác làm chủ tịch Hội Đồng Điều Hành, và GS Trần Quang Thuận làm Tổng Thư Ký, theo GS Trần Quang Thuận trong "Phật Giáo Mỹ." Giáo Hội Phật Giáo Tăng Già Khất Sĩ Thế Giới (International Sangha Bhikshu Buddhist Association) được thành lập vào năm 1978 do Hòa Thượng Thích Giác Nhiên làm Pháp Chủ. Trong thập niên 1980s, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (Unified Buddhist Church of Vietnam) được thành lập, với sự lãnh đạo của quý HT Thích Đức Niệm, HT Thích Trí



Chơn, v.v... Năm 1983 để điều hợp Phật sự tại hải ngoại, Hội Đồng Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại (Leadership Council of the Unified Vietnamese Buddhist Church Overseas) ra đời, với chức vị Hòa Thượng là những vị Giáo Phẩm cao cấp của GHPGVNTN trong nước đi tị nạn như HT Thích Tâm Châu, HT Thích Tắc Phước, HT Thích Mãn Giác, HT Thích Thiện Định, HT Thích Hộ Giác, HT Thích Huyền Vi, v.v... Năm 1984, HT Thích Tâm Châu thành lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới (Vietnamese World Buddhist Order). Giáo Hội Phật Giáo Liên Tông Tại Hoa Kỳ (Inter-Sect Buddhist Church in the United States) ra đời vào năm 1991 với sự lãnh đạo của HT Thích Thanh Cát, HT Thích Chơn Thành, v.v...

Tháng 9 năm 1991, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư Ký Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN từ trong nước đã gửi Tâm Thư kêu gọi chư tôn đức Tăng, Ni tại hải ngoại hãy vì tiền đồ của GHPGVNTN trong và ngoài nước mà gác bỏ mọi dị biệt để cùng nhau ngồi lại trong tinh thần tương thuận, tương kính, tương giáo, tương sám như Luật dạy thành lập GHPGVNTN Hải Ngoại. Đáp lời kêu gọi của Tâm Thư của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, chư tôn đức Tăng, Ni tại Hoa Kỳ đã vận động và



tổ chức Đại Hội Thành Lập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 1992 tại thành phố San Jose, miền Bắc California. GHPGVNTN/Hoa Kỳ do HT Thích Hộ Giác lãnh đạo Hội Đồng Điều Hành, HT Thích Đức Niêm lãnh đạo Hội Đồng Đại Diện mà sau này đổi thành Hội Đồng Giáo Phẩm, HT Thích Thiện Trì lãnh đạo Hội Đồng Giám Luật, và HT Thích Phước Thuận lãnh đạo Hội Đồng Giám Sát.

Đến năm 2008 thì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (Vietnamese American United Buddhist Congregation) ra đời do HT Thích Trí Chơn lãnh đạo Hội Đồng Điều Hành và HT Thích Thăng Hoan lãnh đạo Hội Đồng Giám Phẩm. Tăng Đoàn GHPGVNTN Hải Ngoại (The Overseas Vietnamese Unified Buddhist Sangha) được ra đời vào năm 2014 do HT Thích Viên Lý làm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, v.v...

Ngoài ra còn có các Hội Phật Giáo tại các địa phương, các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hoa Kỳ, các tổ chức Cư Sĩ Phật Tử, các đạo tràng từng Chùa trên toàn tiểu bang California. Chẳng hạn, Tổng Hội Cư Sĩ Phật Giáo Việt Nam Tại Hoa Kỳ (The General Association Of Vietnamese Buddhist Laypersons) do cư sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê thành lập vào đầu thập niên 1990s, Hội Cư Sĩ Orange County do cư sĩ Nguyễn



Nhiều Phật Tử Mỹ sinh hoạt tại Thiền Viện Phổ Thiên, Hayward, Bắc California, Hoa Kỳ. (Photo: <https://www.compassiontemple.org>)



Một lớp học Việt Ngữ tại Chùa Đức Viên, San Jose, Bắc California, Hoa Kỳ. (Photo: Võ Văn Tường www.chuaviettoancau.com)

Lượng thành lập, Hội Phật Học Đuốc Tuệ do cư sĩ Mật Nghiêm Đặng Nguyên Phả thành lập vào năm 2003, v.v...

III/ Tu Học và Hoảng Pháp

Tu học và hoảng pháp là tâm nguyện chí cốt của mọi người con Phật, xuất gia và tại gia. Nếu không học và tu theo giới luật và giáo pháp mà Đức Phật đã dạy thì không phải là người Phật tử thật sự. Đã tự thân chứng nghiệm được sự mầu nhiệm của Phật Pháp trong việc chữa lành bệnh khổ cho thân tâm mình mà không đem điều được ấy lưu bố trong nhân gian để cứu khổ cho muôn loài thì cũng không xứng danh là đệ tử của đấng Lương Túc Tôn.

Tu có thể thực hành ngay trong đời sống tại gia của người cư sĩ. Tất nhiên, để trở thành một người Phật tử tại gia đúng nghĩa thì điều thiết yếu là phải quy y Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) và thọ lãnh năm giới (ngũ giới: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu). Ngoài việc quy y Tam Bảo và thọ trì năm giới, người Phật tử tại gia còn phải học giáo pháp mà Đức Phật đã dạy hiện được kết tập và phiên dịch trong Tam Tạng Giáo Điển Phật Giáo (Kinh, Luật và Luận). Quy y Tam Bảo để phát khởi chánh tín. Giữ gìn năm giới để kiểm thúc ba nghiệp (thân, khẩu, ý) không suy nghĩ, nói và làm điều bất thiện. Học Phật Pháp để phát huy trí tuệ hầu có thể xóa tan bóng tối vô minh trong tâm thức và giác ngộ nguồn cội của các pháp.

Tu cũng có thể thực hiện trong đời sống xuất gia của một tu sĩ. Đời sống xuất gia sẽ giúp cho người tu không vướng bận những việc gia đình thế gian và có thể tập trung toàn lực vào việc tu tập để đạt được giải thoát ngay trong đời này. Xuất gia không phải chỉ khoác lên mình y phục của nhà tu là đủ. Xuất gia đòi hỏi phải trải qua quá trình học tập và hướng dẫn bởi một vị thầy có đủ giới hạnh và trí tuệ. Từ vị thầy này mà người xuất gia ban đầu có thể được phép thọ trì giới luật để chính thức trở thành người xuất gia trong phẩm vị sa-di (lãnh thọ 10 giới) và sau



Khoá Tu Phật Pháp cho trẻ em do Tu Viện Huyền Không tại Thành Phố San Jose, Miền Bắc California, Hoa Kỳ tổ chức vào năm 2018. (Photo: Võ Văn Tường www.chuaviettoancau.com)

đó là tỳ-kheo (lãnh thọ 250 giới với người nam và 348 giới với người nữ theo truyền thống Bắc truyền). Người chưa thọ trì Tỳ-kheo giới thì cho dù mặc y phục của tu sĩ vẫn chưa phải là thành viên của Tăng già theo truyền thống mà Đức Phật đã thiết lập. Ngoài thọ trì giới luật, người xuất gia còn phải học Kinh, Luật và Luận sâu rộng để tự mình ứng dụng vào việc tu tập hàng ngày và có thể giảng dạy và hướng dẫn cho người khác cùng tu học Phật Pháp.

Trong cộng đồng người Việt tị nạn tại Hoa Kỳ nói chung và tại tiểu bang California nói riêng, số người phát tâm xuất gia vẫn còn rất ít ỏi, đặc biệt đối với giới trẻ được sinh ra và trưởng thành ở Mỹ mà có túc duyên xuất gia thì lại càng hiếm hơn. Những vị Tăng, Ni có đệ tử thuộc giới trẻ xuất gia ở Mỹ thì không nhiều. Trước năm 2000 tình trạng ít người trẻ xuất gia để kế thừa sự nghiệp "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự" của chư tôn đức Tăng, Ni thuộc thế hệ tị nạn thứ nhất là mối lo tâm huyết. Nhưng từ năm 2000 trở về sau này, phong trào bảo lãnh Tăng, Ni trẻ từ Việt Nam sang Mỹ định cư ngày càng phổ biến thì mối lo không có người kế thừa đã dần giảm nhẹ.

Dù là ít, nhưng một khi chư Tăng, Ni đã nhận đệ tử xuất gia thì việc hướng dẫn tu học và cho họ thọ lãnh giới luật, hay tổ chức các giới đàn truyền trao giới luật, là điều ắt phải có.

- Theo Giáo Sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát kể lại trong chuyến thăm Chùa Việt Nam tại Los Angeles vào năm 2013 rằng vào năm 1974 Hòa Thượng Thích Thiên Ân đã mở Giới Đàn truyền giới cho những vị đệ tử xuất gia và tại gia là người Mỹ của ngài. Trong Giới Đàn này có 6 giới tử thọ Cụ Túc Giới và 2 giới tử thọ Sa-di Giới, mà vị dẫn thỉnh là Thầy Trí Siêu Lê Mạnh Thát. Đây là Giới Đàn truyền giới đầu tiên tại California mà cũng là tại Mỹ do một vị Hòa Thượng người Việt Nam (HT Thích Thiên Ân) truyền giới theo truyền thống Tăng Già Việt Nam.

- Tháng 8 năm 1976, nhân phái đoàn chư Ni của Phật Quang Sơn ở Đài Loan đến Los Angeles để tìm chỗ lập chùa, HT Thích Thiên Ân đã thỉnh



Sinh hoạt thiếu nhi tại Tu Viện Pháp Vương, Escondido, San Diego, Nam California, Hoa Kỳ. (Photo: www.hoavouu.com)

họ truyền giới Tỳ-kheo-ni cho nữ tu Karuna Dharma (Thích Nữ Ân Từ). Vì vậy, Tỳ-kheo-ni Karuna Dharma là vị nữ tu người Mỹ được thọ Cụ Túc Giới theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam đầu tiên tại Hoa Kỳ.(10)

-Theo tài liệu "Đại Giới Đàn Thiện Hòa (Hoa Kỳ)" của Kiêm Đạt,(11) từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 9 năm 1983, Đại Giới Đàn Thiện Hòa được tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California, Hoa Kỳ. Đây là Đại Giới Đàn quy mô được tổ chức lần đầu tiên kể từ khi người Việt tị nạn đến Mỹ năm 1975. Trong Đại Giới Đàn này có 3 vị thọ Cụ Túc Giới, 11 vị thọ Sa-di Giới, 1 vị thọ Thức-xoa-ma-na Giới, và 27 vị thọ Bồ Tát Giới. Thành phần Thập Sư gồm: HT Thích Huyền Vi (Đàn Đầu Hòa Thượng), HT Thích Thiện Định (Yết-ma A-xà-lê), TT Thích Đức Niệm (Giáo Thọ A-xà-lê), TT Thích Thiện Thanh (Đệ Nhất Tôn Chứng), TT Thích Thắng Hoan (Đệ Nhị Tôn Chứng), TT Thích Minh Tâm (Đệ Tam Tôn Chứng), TT Thích Trí Chơn (Đệ Tứ Tôn Chứng), TT Thích Nguyên Đạt (Đệ Ngũ Tôn Chứng), TT Thích Thiện Trì (Đệ Lục Tôn Chứng), và TT Thích Bảo Lạc (Đệ Thất Tôn Chứng). Chứng Minh Đại Giới Đàn là HT Thích Mãn Giác.

- Năm 1985, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tổ chức Giới Đàn Đại Nguyên tại Chùa Kim Quang, Sacramento, California. Trong Giới Đàn này có 6 giới tử thọ Cụ Túc Giới và 2 giới tử thọ Sa-di Giới.

- Trung Tâm Thiền Phật Giáo Quốc Tế (International Buddhist Meditation Center) do HT Thích Thiện Ân sáng lập 1970 đã tổ chức 2 giới đàn. Lần thứ nhất vào năm 1994, do Tỳ-kheo-ni Karuna Dharma, Trú Trì Trung Tâm Thiền Phật Giáo Quốc Tế tại Los Angeles tổ chức. Truyền giới Tỳ-kheo do HT Havanpola Ratanasara làm Đàn Đầu Hòa Thượng và truyền giới Tỳ-kheo-ni do Sư Bà Thích Nữ Ân Từ làm Đàn Đầu Hòa Thượng Ni, với nhiều vị Tăng, Ni người Á Châu được thỉnh vào hàng thập sư. Lần thứ hai vào năm 2004 do Sư Bà Thích Nữ Ân Từ tổ chức và cung thỉnh HT Thích Mãn Giác làm Đàn Đầu Hòa Thượng truyền Tỳ-kheo Giới và Sư Bà Thích Nữ Ân Từ làm Đàn Đầu Hòa Thượng Ni. Trong hàng thập sư gồm chư Tăng, Ni trong 3 truyền thống Phật Giáo: Nguyên Thủy, Đại Thừa và Kim Cang Thừa. Trong đó có chư Ni Việt Nam như Sư Bà Thích Nữ Diệu Từ, Ni Sư Thích Nữ Như Ngọc, Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên.(12)

Khi Đức Phật còn tại thế Ngài đã dạy chư Tăng, Ni thường xuyên tụ họp trong thanh tịnh và hòa hợp để đọc tụng Giới Luật đã thọ lãnh và đồng thời cũng là dịp để tự phát lồ sám hối hoặc để nghe các vị tỳ-kheo chỉ cho những lỗi lầm mà mình đã phạm. Những thời tụng Giới này được gọi là Bồ-tát (uposatha). Truyền thống này đã được chư Tăng, Ni duy trì từ thời Phật cho đến nay.

Chư Tăng, Ni tại miền Bắc California đã thực hiện lễ bồ-tát hàng tháng từ hơn 30 năm nay và vẫn còn tiếp tục. Chư Tăng, Ni tại miền Nam California mà cụ thể là vùng San Diego cũng đã tổ chức lễ bồ-tát hàng tháng từ nhiều năm nay.

Cũng trong mục đích duy trì truyền thống cao đẹp An Cư Kiết Hạ có từ thời Phật đến nay, chư Tăng, Ni ở miền Bắc California trong nhiều năm qua đã tổ chức Chương Trình An Cư Tập Trung trong 3 tháng hạ theo truyền thống quy tụ trên 120 Tăng, Ni và luân phiên qua các chùa trong vùng. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNHK) cũng đã tổ chức các khóa An Cư tập trung 10 ngày tại hai miền Nam Bắc California trong nhiều năm qua quy tụ trên dưới 200 Tăng, Ni.

Trong tinh thần hướng dẫn Phật tử tu học, hầu hết các chùa đều tổ chức các khóa tu Bát Quan Trại hàng tháng hay các khóa tu học vào các dịp lễ đặc biệt hàng năm. Ngoài ra còn có các thời khóa tụng và giảng Kinh hàng tuần tại các chùa để giúp Phật tử thâm nhập lời dạy của Đức Phật và làm tư lương cho hành trình tu tập.

Từ năm 2011 đến nay, GHPGVNTNHK đã tổ chức các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm tại California và các tiểu bang khác với số người tham dự có khi lên tới năm, bảy trăm Tăng, Ni và Phật tử. Khóa Tu Học này kéo dài trong 4 ngày với các chương trình thính Pháp, ngồi thiền, tụng Kinh, kinh hành, niệm Phật dành cho người lớn và trẻ em.

Ngoài các chương trình tu học dành cho Tăng, Ni và Phật tử nói trên, Cộng Đồng Phật Giáo Bắc California còn tổ chức các Đại Lễ Phật Đản chung, mà khởi đầu là Đại Lễ Phật Đản năm 1991 tại Independence High School ở thành phố San Jose. Tại Miền Nam California, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại Tại Hoa Kỳ từ năm 1993 và sau này từ năm 2009 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã tổ chức Đại Lễ Phật Đản chung hàng năm để tôn xưng ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ra đời trong đại nguyện cứu khổ chúng sinh và cũng để giới thiệu nền văn hóa Phật Giáo Việt Nam đến cộng đồng người Mỹ. Các buổi Lễ Phật Đản này thường quy tụ hàng ngàn người tham dự.

Một trong những điều kiện cần thiết để mở rộng công cuộc hoằng dương Chánh Pháp là xây dựng đội ngũ giảng sư đoàn gồm chư tôn đức Tăng, Ni có khả năng diễn giảng Phật Pháp và hướng dẫn quần chúng Phật tử tu học. Đây chính là lý do dẫn đến việc thành lập Giảng Sư Đoàn



Một khóa tu thiền tại Tu viện Kim Sơn, California



Chùa Phật Tổ, thành phố Long Beach, California

Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại trong cuộc họp vào tối ngày 2 tháng 9 năm 1983 nhân dịp chư Tăng, Ni từ các châu lục về dự Đại Giới Đàn Thiên Hòa. Cuộc họp được diễn ra tại Chùa Phật Tổ, thành phố Long Beach, miền Nam California, Hoa Kỳ, theo Kiêm Đạt (1983).

Cuộc họp nói trên đã thành lập Ban Điều Hành của Giảng Sư Đoàn Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại gồm: TT Thích Đức Niệm và TT Thích Thiện Thanh (Hoa Kỳ), TT Thích Minh Tâm (Âu Châu), TT Thích Bảo Lạc (Úc Châu), TT Thích Tịnh Hạnh (Á Châu), và TT Thích Thiện Nghị (Canada). Trụ sở tạm đặt tại Chùa Phật Tổ, Long Beach, California.

Nằm trong đường hướng hoằng pháp, tại Tu Viện Kim Sơn, sau khi Thiên sư Nhất Hạnh đến Mỹ để giảng dạy thiền quán cho Phật tử Việt nam bắt đầu từ năm 1986, mỗi năm đều có 2 khóa tu tập, cho Tăng Ni và cho Phật tử, mỗi khóa 5 ngày. Tinh thần rất cao, kết quả cũng rất lớn, từ đó, phong trào tu tập Chánh Niệm cho tứ chúng, đặc biệt là giới trẻ, khởi sắc qua gần 40 năm. Tu Viện Lộc Uyển được thành lập năm 2000, sau những kết quả này. Ngoài ra, chư Tăng, Ni tại miền Bắc California đã tổ chức Khóa Tu Học và Đào Tạo Nhân Sự Hoằng Pháp từ ngày 30 tháng 9 đến ngày 2 tháng 10 năm 1994 tại Tu Viện Kim Sơn, với sự tham dự của 53 Phật tử.

Để mở rộng công tác hoằng pháp tại hải ngoại trong thời đại văn minh tiến bộ vượt bậc của truyền thông xã hội mà đặc biệt là nhằm mục đích truyền bá giáo lý của Đức Phật đến giới trẻ, HT Thích Tuệ Sỹ đã khuyến tấn chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ xúc tiến việc thành lập Hội Đồng Hoằng Pháp. Kết quả là Hội Đồng Hoằng Pháp của GHPGVNTN đã ra đời vào tháng 5 năm 2021 và được Viện Tăng Thống GHPGVNTN tán trợ. Thành phần nhân sự điều hành Hội Đồng Hoằng Pháp gồm: HT Thích Tuệ Sỹ làm Cố Vấn Chỉ Đạo, HT Thích Như Điển làm Chánh Thư Ký, HT Thích Nguyên Siêu và HT Thích Bồn Đạt làm Phó Thư Ký, với các Ban Phiên Dịch Trước Tác, Ban Truyền Bá Giáo Lý, Ban Báo Chí và Xuất Bản, và Ban Bảo Trợ. HT Thích Thái Siêu là Trưởng Ban Truyền Bá Giáo Lý của HĐHP kiêm

Trưởng Ban Truyền Bá Giáo Lý tại Hoa Kỳ. Sau khi HT Thích Thái Siêu viên tịch vào tháng 3 năm 2022 thì HĐHP đã thỉnh cử HT Thích Nguyên Siêu làm Trưởng Ban Truyền Bá Giáo Lý tại Hoa Kỳ.

Từ ngày thành lập đến nay Hội Đồng Hoằng Pháp (Dharma Propagating Council) đã tổ chức 2 kỳ Đại Hội trên Zoom để công bố các Phật sự đã hoàn thành và đề ra các Phật sự sắp tới. Điều đáng chú ý nhất là trong hơn 3 năm qua, Hội Đồng Hoằng Pháp đã tổ chức hàng chục buổi thuyết giảng Phật Pháp trên internet cũng như các khóa tu học tại các chùa trên toàn cầu. Hội Đồng Hoằng Pháp cũng đã xuất bản hàng chục tác phẩm về Phật học, đặc biệt là bộ Thanh Văn Tạng đã ấn hành 2 đợt gồm 34 cuốn Kinh, Luật và Luận trong công trình phiên dịch Đại Tạng Kinh Việt Nam của Ủy Ban Phiên Dịch Trung Ương (Central Translation Committee) do Viện Tăng Thống (Sangharaja Institute) GHPGVNTN chủ trương.

(còn tiếp một kỳ)

- (1) Theo https://en.wikipedia.org/wiki/Vietnamese_Americans
- (2) Jeanne Batalova, "Vietnamese Immigrants in the United States," ngày 10 tháng 10 năm 2023, www.migrationpolicy.org: "Người Việt Nam ly hương sống tại Hoa Kỳ có tổng cộng gần 2.4 triệu người gồm những người sinh tại Việt Nam hay có tổ tiên hay chủng tộc là người Việt Nam, theo thống kê năm 2021 của American Community Survey (ACS)."
- (3) Besheer Mohamed and Michael Rotolo, "Religion Among Asian Americans," Ngày 11 tháng 10 năm 2023, Pew Research Center.
- (4) Gary Laderman và Luis D. León, "Religion and American cultures," 2003.
- (5) Charles S. Prebish, "Buddhism—the American Experience," 2003.
- (6) "Vietnamese Buddhists Come to United States - Timeline Event," The Association of Religion Data Archives (ARDA), <https://sandbox.thearda.com>.
- (7) Trần Quang Thuận, "Phật Giáo Mỹ," Tập I, Trung Tâm Học Liệu Phật Giáo, California, Hoa Kỳ, 2000.
- (8) Bình Sa, "Chùa Trúc Lâm Yên Tử, Ngôi Chùa Đầu Tiên Của Người Việt Tỵ Nạn Tại Quận Cam," www.vietbao.com.
- (9) Xem Deer Park Monastery https://en.wikipedia.org/wiki/Deer_Park_Monastery.
- (10) Xem "The I.B.M.C. Grand Ordination was held on December 11, 2004 in the Korea town section of Los Angeles California," www.urbandharma.org.
- (11) Kiêm Đạt, "Đại Giới Đàn Thiên Hòa (Hoa Kỳ)," 1983, www.quangduc.com.
- (12) Xem chú thích 9.

Con giông

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(Những ý tưởng trong một bài viết hơn 30 năm trước bỗng hiện về trong giấc mơ đêm qua, cùng với hình ảnh người bạn từng chung bước trên chặng đường tranh đấu cho nhân quyền, khi thuyền nhân trong các trại tỵ nạn đang bị cưỡng bức trả về Việt Nam. Người bạn đó là cố nhạc sĩ Việt Dzũng.

Sao giấc mơ lại tới trong thời điểm cuối tháng Tư?

Với tôi, không phải là tình cờ, vì chính bài viết này lại là một, trong những bài mà Việt Dzũng đã chia sẻ rằng "Xúc động lắm! Những rung cảm này thật quá! Thăm lặng mà lại rõ nét quá! Chị cho Dzũng gom những bài viết khác của chị lại, in thành sách nhé!"

Và đó cũng là cơ duyên cuốn sách đầu tiên, tựa đề Gió Sông Hồng ra đời, do nhà xuất bản Thế Giới ấn hành, Việt Dzũng trình bày bìa, Typography: Vũ Hoàng Anh & Việt Dzũng, phát hành lần thứ nhất tại Hoa Kỳ, tháng 5 năm 1992.

Đó là thời điểm tôi chưa đủ duyên được xuất gia nên dùng tên tác giả là bút hiệu từ thời còn là sinh viên. Nay, ở một thế giới xa thăm nào, Việt Dzũng vừa nhắc tôi đọc lại, phải chăng để cảm nhận thực chất của mỗi bản chất là những gì không thay đổi. Có chăng chỉ là ở hoàn cảnh khác, môi trường khác, có thể ta sẽ có cái nhìn khác, hành xử khác, nhưng cũng chỉ là để chạm được gần hơn, tới bản chất đích thực của mình.

Xin tri ân bao liệt vị đã cất bước theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi, đã đáp đền theo cách riêng ở mỗi vị thế, mỗi cơ duyên.

Phút giây tưởng niệm

Một nén tâm hương

Tỏa khắp muôn phương

Nguyễn xin chứng giám.

TN Huệ Trân

(Linh Linh Ngọc -

Tuyển tập Gió Sông Hồng)

Buổi sáng, ra khỏi nhà với ly cà phê nóng trên tay, với tôi, đã là một hạnh phúc ngọt ngào; bởi, với nhịp sống hối hả nơi đây, thì giờ nhiều khi quý hơn tiền bạc, nhất là chút thì giờ hiếm hoi vội vã vào lúc sáng sớm.

Nhưng tôi vẫn thường cố dành cho mình một vài phút để mơ mộng trong cái khoảnh khắc tinh khôi và tươi mát của một ngày mới bắt đầu.

Trong khi chờ xe nóng máy, tôi uống ngụm cà phê đầu ngày, nghe chim chóc hện hò trên

những tàng cây xanh, nhìn người già ở đầu ngõ quét những lát chổi lơ đãng trên bậc thềm gạch đỏ, mỉm cười với đám trẻ da màu, vai đeo cặp, nhay chân sáo trên lề đường viền tấp cò xanh, lác đác những cánh hoa tím rụng vì trận gió đêm qua...

Lại một ngày bắt đầu.

Và chiếc xe thường lăn những vòng bánh đầu tiên trong ngày, với điệp khúc rời rạc đó.

Những cảm giác bản khoăn như tiếc nuối, như khát khao, như đợi chờ những ước vọng không tượng hình rõ rệt nhưng lại thôi thúc triền miên, thường quấn quanh trong tôi suốt con đường đến sở buổi sáng.

Có lúc, tôi bắt gặp mình hết hoảng khi điệp khúc "Lại một ngày bắt đầu" vang lên trong trí, vì nhìn lại, tôi đã không có ngày hôm qua!

Tôi hoàn toàn không thấy mình ở ngày hôm qua! Cái-tôi làm việc, cái-tôi ăn ngủ như chẳng liên hệ gì tới cái-tôi hiện tại hôm nay. Cái-tôi hôm qua như chỉ là bọt nước, bóng mây, chẳng có gì để nhớ cũng chẳng có gì để quên. Vậy mà, tôi đã để trôi qua bao nhiêu buổi sáng, bao nhiêu buổi chiều, bao nhiêu tháng ngày vô vị rỗng không. Hình như từng ngày tôi chỉ thực sự thấy được tôi thấp thoáng những giây phút từ nhà tới sở và từ sở về nhà.

Tôi có thói quen chỉ đi và về trên một con đường nhất định, con đường tôi thuộc lòng đến nhắm mắt cũng tới.

Không phải chú tâm tới phương hướng, tôi sẽ được thành thơi chìm đắm trong những mơ mộng đứt quãng, được thả hồn mình về những góc phố thân yêu, những hàng quán quen thuộc với bằng hữu xôn xao mời gọi.

Những tape nhạc có trong xe thường cho tôi cảm giác ấm áp của những ngày vui xưa, những ngày vui đã xa, tưởng như không còn tới, nhưng cũng gần, tưởng như chẳng thể rời. Một giọng hát chất ngất men say của Phạm Đình Chương thôi, đủ đọng lại trong trí tưởng nghèo nàn của tôi cả một thời tuổi trẻ thơ mộng...

Tôi cũng đã từng thấy cả trời quê xưa trong lòng xe hẹp qua âm thanh dậm ba câu hát bình thường, thấy Hà Nội mưa bay tình tứ, khói nhang trầm rạo rức quê thê đầu năm, thấy cây đa đầu làng, khóm tre quê nội, nhạt nhòa một chiều nào trên bờ đê sông Hồng, bóng ông nội đứng lặng trong chiều tím, nhìn đàn con cháu dặt díu nhau đi tìm tự do.

Ông ở lại với quê, với đất, với ruộng lúa nương dâu, như khóm tre già sừng sững kiên tâm bám rễ, nẩy mầm...

Bao giờ cũng thế, khi mở băng nhạc có bài

“Làng Tôi” là hình bóng ông nội lại ấm rục trong lòng, và rồi đốm lửa âm mong manh đó tan dần trong lạnh lẽo nơi những cái gọi là trại-tù-cải-tạo, ở đó, cha tôi còm cõi với đói lạnh, gông cùm!

Qua lá thư người em gái gửi sang, tôi thấy rõ như đang ngồi trước màn ảnh lớn. Tôi thấy cha trong ngày đầu tiên được gọi nhận quà tiếp tế của gia đình. Trời mưa, gió giạt, cầu khi trơn như mỡ, giày dép bám đất sinh lại càng trơn, sợi giây kẽm để vịn tay đu đưa liên hồi, kẻ bắt ra xa, người cò lại gần, mắt thẳng băng tạo ra mắt thẳng băng liên tục.

Mới nhích được một phần tư cầu, cha nhìn xuống dòng suối, nước chảy xiết dưới chân mà hoa cả mắt. Rồi cũng phải nhìn lên, trấn tĩnh lại, cố nhích dần cho người khác lết tới. Sợi giây kẽm quá ác hết lồi cha ra, lại đẩy cha vào. Gió giạt liên hồi. Đồi giầy toàn đất bùn trên thân cây gỗ chỉ còn là sinh trộn nước mưa, như không gì khả dĩ giúp cha bước thêm được nữa!

Cha bèn đứng yên tại chỗ. Nhìn ra, mới được nửa con suối, liếc sang bên bạn đồng tù, mặt ai cũng trắng bệch thì biết chắc mình cũng tái mét!

Thật là nghìn cân treo sợi tóc, lui không được, tiến cũng chẳng xong...

Nhưng chắc hẳn cha đã nghĩ đến mẹ, nghĩ đến chúng tôi. Trong khoảnh khắc, hạnh phúc mấy chục năm hiện về giúp cha can đảm. Cha nhất định không để dòng suối cướp mất gói quà vì nó là biểu hiện của ân tình gia đình, gói ghém bao nhiêu là xót xa thương nhớ.

Sức mạnh và lòng tự tin hẳn đã đến với cha. Một tay ghì gói quà trên vai, một tay nắm chặt sợi giây kẽm mỏng manh vẫn không ngừng đu đưa. Dưới mưa ấy, gió ấy, cha xoay ngang chân mà nhích đi, thẳng nhìn lên, không màng đến dòng suối cuộn cuộn dưới chân. Hẳn cha cũng thầm khấn Trời Phật, còn để có hôm nay, không lẽ lại vượt mất tình thương của một người tưởng chừng tuyệt vọng!

Cứ thế, cha nhích tới. Khúc cầu còn lại không đáng kể.

Đặt chân lên bên kia bờ suối, ôm chặt gói quà trên ngực, cha đi bằng băng dưới trời mưa

gió, lòng hân hoan như để mau được gặp người thân mà tinh thần đã gói ghém trong những món quà đạm bạc.

Trên con đường của điệp khúc “*Lại một ngày bắt đầu*”, một buổi sáng, tôi đã không thể đi nốt phần đường còn lại để đến sở làm. Tôi đã không thể thả hồn theo những mơ mộng thường có, không nghe được gì, âm thanh những dòng nhạc thân quen, bởi tôi vừa chợt thấy bên kia đường, một chiếc xe Jeep quân đội, bám đầy bụi đất.

Tôi đã hấp tấp quay đầu xe vòng qua, bắt chập lúc đó đèn lưu thông đang xanh hay đỏ, bắt chập những còi xe bắt mẫn từ bên phải, bên trái. Trong khoảnh khắc của giây phút đó, giây phút mà mắt tôi bất chợt bắt gặp hình ảnh cha già thân yêu thì mọi thần kinh hệ trong tôi như cùng động lại, run rẩy chụp lấy cái hình ảnh có thực bên kia đường, hòa nhập với hình ảnh sâu thẳm trong tiềm thức tôi mà rung lên muôn vàn thôn thức.

Như trong hôn mê, tôi nhấn ga, đuổi theo chiếc xe Jeep với ý nghĩ điên rồ là phải nhìn tận mắt người cầm lái xe cộ phải là cha hay không, dù rằng cùng lúc, tôi vẫn biết đó là ý nghĩ triệu triệu lần điên rồ vì cha đang ở cách xa nửa trái địa cầu, đang trải bao nhọc nhằn túi nhục qua các trại tù man rợ ngay trên quê hương, ngay trên phần đất mà Người đã dâng hiến hết đời mình để phụng sự.

Hơn một phần tư thế kỷ, tôi đã nhìn thấy cha qua bộ quân phục màu rêu cùng với chiếc xe Jeep quen thuộc. Hai hình ảnh đó khăng khít, gắn liền với nhau, nằm sâu trong tiềm thức tôi như một phần thân thể mà tôi chỉ nhận thức được mỗi liên hệ sâu sa, khi bắt gặp.

Buổi sáng hôm đó, tôi đã không đuổi kịp được chiếc xe Jeep, xem người cầm lái có phải là cha hay không!

Một xe tuần lưu cảnh sát đã chặn tôi lại.

Tôi ngừng xe sát lề đường, mắt dõi hút phía trước, nơi tôi đã mất dấu chiếc xe Jeep quân đội bám đầy bụi đất.

Tôi im lặng ký giấy phạt vì chạy quá tốc độ và cũng im lặng nghe lời khiển trách của bà sếp, vì đi làm trễ.

Nếu bà ta biết vì sao tôi tới sở trễ thì tôi e rằng vốn ngoại ngữ của tôi không đủ để giải thích cho bà hiểu.

Mà giải thích làm chi khi tôi tự biết sẽ chẳng thay đổi gì, khi trên con đường mỗi ngày, tôi vẫn có được cho riêng mình những phút giây, để chỉ một thoáng nhớ, một giọng hát, một lời ru cũng đủ dẫn tôi về với những cơn mưa sớm, tắm gội cho những cơn đau trong tôi bằng bao thương nhớ, bao tri ân và ngậm ngùi ...

Nặng Tháng Tư đưa tôi ra biển.

Ngồi trên ghềnh đá, tôi đợi một cơn giông.

TN Huệ Trân

(Linh Linh Ngọc – tuyển tập Gió Sông Hồng)

Từ cú lục bát “SINH TỬ— TỬ SINH”

CHÁNH GIÁC

Sen hồng thơm gót Đản Sanh
Sau lưng Nhập Diệt Niết Bàn vô dư
Trần gian huyền mộng tối mù
Kinh Vàng dẫn lối hành tu quay về.

ĐÔI BỜ

Giữa dòng sinh tử châu sa
Ám sôi duyên khởi, tách trà duyên sinh
Tâm như độc mộc chông chành
Đôi bờ bồi lở tâm thanh gọi đò.

NGỊCH CẢNH

Xe tang ngang cổng hoa hồng
Tiệc tùng cười hỏi phượng rông ngản ngơ
Cờ buồn sinh tử phát phơ
Đèn lồng treo sáng đón chờ hài nhi.

CHÀO

Đừng khinh ai giữa cuộc đời
Tận cùng cơ khổ lộc chồi trái Tâm
Hoa vàng tươi với lá xanh
Giữa dòng Sinh Tử thiện lành chào nhau.

DỪNG

Lá khô trước mắt thâm thì
Luân hồi sinh tử vẫn xoay vô thường
Cây bàng rơi lá đón xuân
Ngồi bên phố vắng tôi dừng trắng đen.

BIẾN DẠNG

Lá tươi, hoa thắm reo đùa
Thời gian non nớt cũng vừa nảy xanh
Tháng ngày buôn chuyện tử sinh
Cần khôn biến dạng, sắc hình tàn phai.

CÁCH

Tóc dài không được dài thêm
Hôm nay rơi rụng xuống thêm mỏng manh
Trả cho tứ đại rập rình
Cách nhau sợi tóc tử sinh luân hồi.

KHUẤT

Hôm qua thư thái vườn chùa
Trà dư tửu hậu nói đùa tử sinh
Sáng nay vườn chợt vắng tanh
Người đi khuất bóng, tôi đành ngồi không.

KHÔNG TIẾC

Bên bờ sinh tử cheo leo
Hốt nhiên khanh khách trong veo tiếng cười
Xua đi cái chết cướp người
Sống không tiếc nuôi một đời thanh cao.

BÁN TỬ BÁN SINH

Tử trong vực xoáy cuộc đời
Tám lòng cao cả đăm chồi nảy duyên
Thiên đàng, địa ngục dưới trên
Khi ta nằm chết tám bên gió ngìng.

TÁN TÓC

Cây bàng rụng lá vàng khô
Mâm xanh đấm nẩy đầu chờ nắng mưa
Mới hay sinh tử bốn mùa
Vô thường tán tóc chạy đua nghiệp dầy.

SIÊU ĐỘ

Gió lùa vó ngựa nhịp nhanh
Lá rơi song cửa, phong linh rộn thêm
Thiêng liêng trầm toả cửa thiên
Thời kinh độ tử thấp đèn vãng sinh.



thơ

VĨNH HỮU TÂM KHÔNG

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

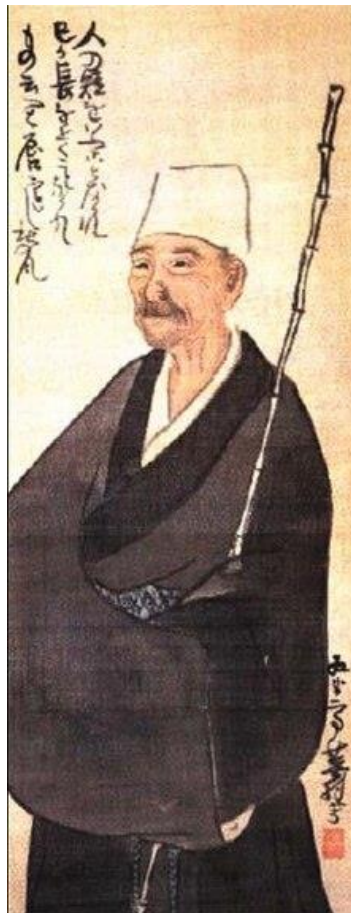


THI SĨ THIÊN GIẢ

Tùng Vĩ Ba Tiêu vốn tên thật là Tùng Vĩ Kim Tác, sanh vào thời Shogun Tokugawa, thuở nhỏ đã có năng khiếu nghệ thuật thơ ca, lại được Kitamura kèm cặp nên 18 tuổi xuất bản tập thơ đầu tiên rất nổi tiếng.

Ông có người học trò đem tặng cho cây chuối, từ đó mới lấy bút hiệu Ba Tiêu. Ông đã nghiên cứu và sử dụng thể thơ Haikai có tính châm biếm và trào lộng vào thời ấy, kết hợp với thơ Renga, một thể thơ cổ trang nhã để cho ra thể thơ 17 âm tiết mà thiên hạ gọi là Haiku.

Haiku được coi như quốc thi của xứ Phù Tang, ảnh hưởng lan rộng ra nhiều quốc gia khác trên thế giới. Tùng Vĩ Ba Tiêu không chỉ là một thi sĩ lừng danh mà còn là một thiên giả xuất sắc. Thiên sư Phật Đỉnh đã chỉ dạy và hướng dẫn ông, nhờ vào kinh nghiệm thiên tập mà sau này ông đã viết nên những bài thơ làm kinh động nhận tâm. Danh tiếng lẫy lừng nhưng ông luôn hoài nghi về bản thể, tánh linh... và luôn suy nghiệm đào sâu vào tận cùng nghệ thuật lẫn thiên tông. Tùng Vĩ Ba Tiêu còn là một lữ nhân du tử đi lang thang khắp mọi miền của xứ sở. Trên con đường vô định miên viễn ấy ông đã viết nên những tác phẩm: "Nhật ký phơi thân nơi đông nội", "Ghi chép trên chiếc túi hành hương", "Lời mồn lên miền Oku"... Với bài thơ "Con ếch" khiến giới văn chương kinh ngạc về cái khoảnh khắc đốn ngộ. Sau khi kết thúc hành trình trên 2500 dặm, ông quay



MATSUO BASHŌ

(Tùng Vĩ Ba Tiêu 1644—1694)

trở về đóng cửa sống trong thiên định cô tịch tuyệt đối.

Nghệ thuật của Tùng Vĩ Ba Tiêu nắm bắt được cái chớp lóe lên của sự vật và sự việc trước khi nó tan biến, đạt được cái vĩnh hằng trong sự biến động. Trước khi chết ông để lại bài thơ: "Đau yếu giữa hành trình/chỉ còn mộng tối phiêu lãng/Trên những cánh đồng hoang"

TÙNG VĨ NGAO NGHỀ SỰNG TUYỆT THIÊN GIẢ
CÔ TỊCH LẶNG LẼ BA TRĂM HỌC TRÒ TIẾN BIỆT
BA TIÊU PHÁT PHỐI GIÓ MÙA THI SỸ NỔI
TIẾNG LẦY LỮNG HAI NGÀN ĐỆ TỬ LÀM THƠ

HỒNG NGÁN SAO?

Có hai người bạn, một là tu sĩ còn người kia là Phật tử rất tín tâm với đạo, gia đạo cũng bình an, tiền đồ đạo lộ tuy không khá nhưng cũng đủ sống, quan lộ không có cửa nhưng sinh lộ bình yên. Ngày kia anh tổ chức tiệc mừng 30 năm trọn đạo phu thê. Bạn bè dưới đất lẫn trên mạng chúc mừng rôm rả, toàn những lời đẹp đẽ, nào là: Trọn đạo phu thê, đẹp đôi, cặp đôi hoàn hảo, vợ chồng gương mẫu, trăm năm hạnh phúc...

Người bạn tu sĩ xem FaceBook và gửi tin nhắn:

- Ở tù lâu vậy chưa ngán sợ sao mà còn mừng?

Anh ta bảo:

- Ngục tù tam giới và ngục tù sanh tử còn ghê hơn nhưng chẳng thấy ai muốn xuất huống chi là ngục tù tình ái.

- Anh khá lắm, mồm mép lanh lợi, tuy chưa ra khỏi ngục tù lớn nhưng chí ít không bị giam trong ngục hôn nhân nên vẫn còn chút tự do.

Chuyện hai người chưa dứt, bỗng nhiên có một kẻ xưng là nhà bói toán tài ba, nhào vô:

- Tôi sẽ xem cho bạn một quẻ, xem vì mền mộ chú không phải vì tiền bạc.

Anh Phật tử cười:

- Cảm ơn anh, nhưng tôi cũng biết xem bói kia mà. Để tôi nói anh xem thử đúng hay sai.

Nói xong anh ta tự xem bàn tay của mình rồi phán:

- Tâm đạo rõ ràng, cứ thế mà hành. Trí đạo mờ nhạt cạn kiệt nên không thể thẳng. Sinh đạo ngắn, nhưng cũng đủ lãnh khổ của đường đời. Duy tử đạo thì ngày sau sẽ rõ.

Dân cõi mạng xem qua và thả emoji cười tới tấp.

KÈ NGU LÊN LỚP

Xứ kia có tay cán bộ lớn cạp như hạm, vậy mà y hay lên lớp dạy đạo đức, ngoài ra y ham nói dài bất tận. Khổ nỗi cái đầu đồng đặc của y chẳng có gì để nói ngoài mớ lý thuyết giáo điều hồ lớn và những câu khẩu hiệu đạo to búa lớn.

Một hôm y tập hợp dân chúng quanh vùng và buộc cả thầy trò nhà chùa nọ cũng phải đến nghe:

- Chẳng có nhân quả gì sất! thiên đàng – địa ngục là chuyện mê tín. Chỉ có chủ nghĩa đại đồng mới là thiên đường thôi! Tôi không tin có thần thánh ma quỷ... Chẳng nào tôi thấy thì tôi mới tin.

Người đệ tử nổi nóng toan cãi, sư phụ ghim anh ta lại. Sau buổi ấy thầy mới kể cho anh học trò nghe:

- Có người từ nhỏ sống trong rừng sâu chưa từng ra phố thị. Anh ta không biết máy bay là gì, dĩ nhiên chẳng biết cấu tạo và nguyên lý hoạt động. Thế rồi khi về thành nghe nói máy bay, anh ta cãi: "Cục sắt to bằng nắm tay còn không bay được thì làm gì có cái máy bay bằng sắt to đùng có thể bay được! vô lý! Tôi không tin!"

Từ đó về sau mấy anh đệ tử và dân làng không còn có ý tranh cãi với hãn ta nữa.

ĐƯỜNG LÊN SAO HÒA

Cuối tuần, vợ chồng Tám tính lên tỉnh dạo phố ăn chơi. Tám ngàn ngữ. Vợ Tám thấy vậy hỏi:

- Làm gì then thùng như gái nhà lành vậy? đi hay không đi thì bảo.

- Dĩ nhiên là cũng muốn đi nhưng ra đường giờ sợ quá, kẹt xe thấy mà phát ớn.

- Ở hén, em quên cái vụ này, xứ gì mà kẹt xe từ Thứ Hai cho đến Chủ Nhật, mồng một cho chí ba mươi, kẹt tháng Giêng đến tháng Chạp

- Em nói hơi quá, cũng còn ngày 30 và 31 tháng Hai là hồng kẹt.

Vợ Tám cười nắc nẻ:

- Anh thông minh dễ sợ luôn á! Anh này, mấy ông bà nghị quanh năm cãi như mổ bò, cãi đủ chuyện, vậy mà chuyện kẹt xe hồng thấy bọn họ đem ra bàn.

- Ở mà em cũng hay thiệt đó, chuyện đường xá hồng giải quyết được mà tìm đường lên sao Hòa để làm gì?

- Biết chết liền anh ơi!

BÁO THỦ

Nhà sanh được mấy người con, kẻ thì làm bác sĩ, người cũng kỹ sư. Riêng có chú Út lông nhông chẳng được tích sự gì, tháng ngày ngớ ngẩn với mớ chữ ả ố và tự sướng với cái danh hảo huyền là nhà báo. Thăng bạn thân khịa:

- Nó vốn là báo tử có tiếng từ nhỏ, báo đời ăn chơi quậy phá khiến ba má nó bắt mệt. Cả họ nhà nó xem nó là tay báo thủ, có người còn chửi là nuôi báo cô. Nó chưa từng làm gì để báo ơn cha mẹ, không hề báo đáp tình nghĩa anh em,

chỉ duy có báo hỷ khi nó lấy vợ.

Một thằng bạn khác đỡ đòn:

- Mày nói nặng quá, ngày nó tốt nghiệp khoa báo chí tức cũng báo tin vui cho cha mẹ, ăn học vậy cũng kể như báo đền công nuôi nấng. Nó vào đời đi làm là báo hiệu đã trưởng thành không còn báo hại nữa.

Thằng bạn chí cốt bênh vực:

- Báo nào nó cũng chơi được: Báo tường, báo hình, báo chữ, báo nói, báo giấy, báo mạng... Vậy mà tụi bay còn khi dễ. Bộ tụi bay đánh giá thấp để báo thù hả? Tụi bay mới là đám báo đốm, liêu mà ăn ở chứ một khi quý thần báo mộng thì hồi không kịp báo cáo đâu!

Cả đám cười bụng nhà lồng, thằng Út khoái chí, kẹp cổ thằng bạn chí cốt:

- Báo thủ này báo cho mày biết, hể có gì thì luôn báo tin cho mày trước.

KHÔNG HỀ DỄ

Đậu học Phật nên cũng biết chút chút đạo lý, bản thân lại có tánh bà già hay thương người. Bởi vậy Đậu cũng thường đem chút ít tiền bạc làm việc thiện, khi kẹt quá mà cảm lòng chẳng đành thì muối mặt xin bạn bè. Vợ Đậu cảm râm, chỉ chiết:

- Tiền bạc làm ra khó khăn mà cứ đem cho. Ông quyền tiền không khéo người ta nghĩ ăn chặn bớt.

Đậu làm thỉnh, nhiều lúc bực mình muốn thôi nhưng rồi lại rì mọ tiếp. Vợ Đậu đã vậy, ra ngoài gặp những tay cực đoan còn mệt hơn. Có lần một khứa lão chửi:

- Thậm thò thậm thụt gởi tiền dzia bển để nuôi tụi nó.

Trời đất ơi! Đậu có làm ăn, hợp tác hay cầu danh lợi chi mô. Tiền từ thiện giúp người nghèo qua cơn khốn khó chứ có nuôi ai bao giờ?

Đậu chẳng thèm trả lời lão khịa ấy vì có vay vốn đâu mà phải trả. Đậu còn khẳng định từ nay về sau sẽ không xài chữ từ thiện (donate, charity) nữa mà chỉ dùng chữ givings.

Tạ ơn anh

ngữ ngôn này

Tạ ơn em

cả lòng say không cùng

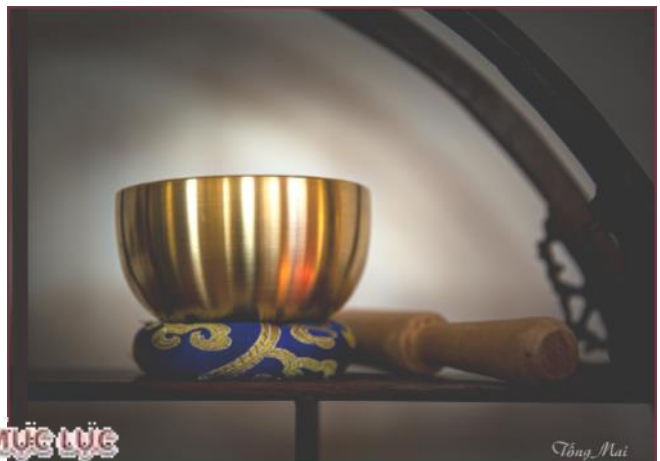
Tạ ơn người

lượng bao dung

Tạ ơn đời

chút tình chung lữ làng

Steven N
Georgia, 0325



CHÁNH NIỆM, TÌNH GIÁC HAY ẢO GIÁC?

Tâm Thường Định

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nhân đọc một bài viết "Tâm linh nhưng không tôn giáo: Tu chánh niệm nhưng không giáo hội" trên Việt Báo phản ánh một xu hướng xã hội hiện đại: nhiều người tìm đến chánh niệm như một phương tiện giảm căng thẳng, nâng cao chất lượng cuộc sống mà không cần liên kết với bất kỳ tổ chức tôn giáo nào. Điều này đặt ra một câu hỏi quan trọng: Liệu chánh niệm, khi bị tách rời khỏi bối cảnh Phật giáo, có còn giữ được giá trị đích thực của nó hay chỉ trở thành một ảo giác mang tính trấn an tạm thời?

Ngày nay, chánh niệm được quảng bá rộng rãi dưới dạng một phương pháp thực hành giúp giảm stress, nâng cao hiệu suất làm việc, tăng cường sự tập trung, và cải thiện sức khỏe tinh thần. Tuy nhiên, chánh niệm trong Phật giáo không đơn thuần là một kỹ thuật điều chỉnh tâm lý, mà là một con đường tu tập để đi đến tỉnh giác và giải thoát. Khi bị cắt rời khỏi bối cảnh đạo đức và trí tuệ, chánh niệm dễ dàng trở thành một ảo giác, khiến người ta tưởng mình tỉnh thức nhưng thực ra vẫn bị dẫn dắt bởi bản ngã và tham ái.

Nhiều công ty lớn ở phương Tây đã đưa chánh niệm vào môi trường làm việc như một chiến lược giúp nhân viên đối phó với căng thẳng. Bên ngoài, điều này có vẻ là một sáng kiến nhân văn, nhưng thực chất, nó chỉ giúp nhân viên chịu đựng áp lực tốt hơn, thay vì giải quyết nguyên nhân gốc rễ của sự căng thẳng là điều kiện làm việc quá tải. Chánh niệm bị sử dụng như một liều thuốc giảm đau thay vì một phương pháp chữa lành thực sự.

Sự bùng nổ của các khóa học, ứng dụng chánh niệm trực tuyến biến thực hành này thành một thị trường khổng lồ. Người ta dễ dàng bỏ ra hàng trăm đô la để mua một khóa học thiền chánh niệm mà không cần bất kỳ sự hướng dẫn nào về đạo đức hay triết lý sâu xa. Chánh niệm trở thành một sản phẩm tiêu dùng, nơi mà "khách hàng" chỉ quan tâm đến hiệu quả nhanh chóng mà không cần hiểu biết về sự chuyển hóa nội tâm thực sự.

Nhiều người thực hành chánh niệm với mong muốn đạt được trạng thái "thư giãn", "bình an", "hài lòng với hiện tại". Nhưng nếu không có trí tuệ, chánh niệm có thể trở thành một công cụ nuôi dưỡng bản ngã thay vì giúp con người thoát khỏi khổ đau. Họ chỉ chọn lọc những gì dễ chịu, nhưng từ chối đối diện với sự thật đau khổ của chính mình. Đây là một ảo giác nguy hiểm, vì nó tạo ra cảm giác giả tạo về giác ngộ, nhưng thực chất chỉ là sự lẩn tránh thực tại.

Không chỉ người lớn, mà ngay cả trong môi

trường giáo dục trẻ em, việc hiểu sai về chánh niệm cũng đang diễn ra. Trong các buổi sinh hoạt GDPT, nhiều huynh trưởng xem việc cho các em thực hành chánh niệm như một biện pháp để "giảm tăng động", giúp các em "ngồi yên một chút" mà không cần quan tâm đến ý nghĩa sâu xa của thực hành này. Nếu chỉ sử dụng chánh niệm như một phương tiện để kiểm soát hành vi trẻ em mà không dạy các em cách hiểu chính mình, cách trau dồi đạo đức và phát triển trí tuệ, thì đó là một cách tiếp cận hời hợt. Chánh niệm không đơn giản là ngồi xuống, nhắm mắt lại và hít thở sâu. Chánh niệm là sự nhận biết rõ ràng về thân tâm, là sự tỉnh giác giúp trẻ hiểu về cảm xúc, suy nghĩ và cách phản ứng với thế giới xung quanh bằng từ bi và trí tuệ. Nếu chánh niệm được thực hành mà thiếu chiều sâu giáo dục, thì nó sẽ trở thành một hình thức "kềm chế tạm thời" chứ không phải là phương pháp giúp trẻ em trưởng thành một cách trọn vẹn.

Trong Phật giáo, chánh niệm vừa là sự tập trung vào hiện tại, vừa là sự nhận thức rõ về bản chất vô thường, khổ và vô ngã của mọi hiện tượng. Chánh niệm phải đi đôi với chánh tư duy, giúp con người thấy rõ bản chất thực sự của chính mình và thế giới. Nếu chỉ dùng chánh niệm như một công cụ trấn an, nó sẽ trở thành một hình thức "nịnh bợ tâm trí", giúp ta cảm thấy dễ chịu nhưng không hề giúp ta thoát khỏi vô minh.

Sự khác biệt giữa chánh niệm đích thực và ảo giác chánh niệm nằm ở mục đích thực hành. Chánh niệm đích thực giúp con người hiểu rõ bản chất khổ đau, thấy được sự vận hành của tâm trí và phát triển trí tuệ để sống đúng đắn, thiện lành. Ngược lại, ảo giác chánh niệm chỉ tập trung vào sự thoải mái nhất thời, khiến con người bị kẹt trong vòng lặp của cảm xúc dễ chịu và sự tự thỏa mãn, thay vì vượt lên trên những ràng buộc của bản ngã.

Để tránh rơi vào cái bẫy của chánh niệm thực dụng, cần có sự hướng dẫn đúng đắn từ những bậc thầy am hiểu Phật pháp và duy trì tinh thần tỉnh giác đúng nghĩa. Không xem chánh niệm như một phương pháp thư giãn đơn thuần, mà là một phần của con đường tỉnh thức. Không thực hành chánh niệm theo cách chọn lọc phiến diện, mà phải kết hợp với trí tuệ và đạo đức. Không chạy theo các chương trình chánh niệm thương mại hóa, mà phải tìm hiểu bản chất sâu xa của thực hành này trong bối cảnh tu tập thực sự.

Chánh niệm không phải là kỹ thuật – mà là sự chuyển hóa. Nếu không có trí tuệ và đạo đức, chánh niệm sẽ trở thành một màn sương che lấp sự thật, thay vì giúp ta thấy rõ bản chất của

chính mình.

Xã hội ngày nay đang đưa chánh niệm vào quá nhiều lĩnh vực theo hướng thực dụng hóa, khiến nó dần mất đi giá trị thực sự. Bài báo trên Việt Báo phản ánh một thực tế đáng ngại: nhiều người đang thực hành chánh niệm mà không cần đến giáo hội hay tôn giáo. Nhưng điều đáng lo ngại hơn là nhiều người đang thực hành chánh niệm mà không cần đến trí tuệ.

Chánh niệm không phải là sự an ủi. Chánh niệm là sự thật. Nếu thiếu tỉnh giác, chánh niệm chỉ là một giấc mơ đẹp trong vô minh.

Rốt cuộc lại, thuật ngữ 'Non-religion' không đơn giản là 'phi tôn giáo' hay 'vô thần'. Nó không hẳn biểu thị sự từ chối niềm tin tôn giáo, mà còn bao gồm một phạm trù rộng lớn những cá nhân và nhóm không đồng nhất với bất kỳ truyền thống tôn giáo nào, nhưng vẫn có thể quan tâm đến các giá trị tâm linh, đạo đức và thực hành ý nghĩa. Trong xã hội hiện đại, nhiều người chọn lối sống không liên kết với bất kỳ tôn giáo nào nhưng vẫn tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống, giá trị đạo đức và sự an lạc nội tâm. Đây chính là nơi các thực hành 'chánh niệm' (mindfulness) bước vào như một cầu nối giữa truyền thống Phật giáo và những người thuộc nhóm 'Non-religion'.

Sacramento, ngày 14 tháng 03 năm 2025

MINDFULNESS – AWARENESS OR ILLUSION?

It is evident that an increasing number of individuals in contemporary society are adopting mindfulness as a method of stress relief and enhanced quality of life, without being affiliated with any religious organization, after reading the article "Spiritual but Not Religious: Practicing Mindfulness Without the Church" published on Việt Báo. This trend poses a critical question: Does mindfulness retain its genuine essence when it is removed from its Buddhist context, or does it devolve into a mere illusion of transient comfort?

Currently, mindfulness is widely advocated as a practical aid for enhancing work performance, reducing stress, improving mental well-being, and increasing focus. Nevertheless, mindfulness is not merely a psychological adjustment technique in Buddhism; it is a path of practice that leads to genuine awareness and liberation. Mindfulness can easily transform into an illusion when it is divorced from its ethical and wisdom-based foundation, causing individuals to believe they are alert when, in reality, they are still being driven by ego and craving.

In order to assist employees in managing tension, numerous Western corporations have implemented mindfulness programs in the workplace. Upon initial inspection, this may seem to be a humanitarian initiative; however, it frequently involves employees enduring pressure

rather than addressing the underlying causes of stress, which are excessive duties and a toxic work environment. In this context, mindfulness is employed as a painkiller rather than a genuine therapeutic method.

This practice has been transformed into a substantial market as a result of the proliferation of mindfulness courses and mobile applications. Individuals are prepared to invest hundreds of dollars in mindfulness meditation programs without receiving any guidance on ethics or a more profound philosophical comprehension. Mindfulness has evolved into a consumer product, with "customers" prioritizing immediate outcomes over a genuine comprehension of internal transformation.

In an effort to achieve a state of "contentment with the present moment," "peace," or "relaxation," numerous individuals are practicing mindfulness. Nevertheless, mindfulness can be a tool that reinforces the ego rather than assisting in the transcendence of suffering if it is not accompanied by wisdom. While averting confrontation with their own suffering, practitioners may selectively adopt only the pleasant aspects of mindfulness. This is a perilous delusion, as it generates a fabricated sense of enlightenment that, in reality, is merely an attempt to evade the truth.

This misconception of mindfulness is not exclusive to adults; it is also apparent in the education of children. Some leaders in the Buddhist Youth Association (GDPT) introduce mindfulness practices to children solely as a means of "reducing hyperactivity" or "helping them sit still for a while," without considering the more profound significance of this practice. This is a superficial and misguided approach if mindfulness is exclusively employed to regulate children's behavior, without fostering their intellectual development, ethical cultivation, or self-awareness. Mindfulness is not limited to the act of sitting, closing one's eyes, and taking long breaths. It involves the development of awareness that enables children to comprehend their emotions, thoughts, and reactions to the world around them with compassion and wisdom, as well as the distinct recognition of their own body and mind. Mindfulness is reduced to a transient form of restraint rather than a method for holistic development when it is practiced without a foundation in education.

Mindfulness in Buddhism pertains to the recognition of the impermanence, suffering, and selflessness of all phenomena, in addition to the concentration on the present moment. Mindfulness must be accompanied by accurate comprehension, which allows individuals to perceive the genuine nature of the world and themselves. Mindfulness will be reduced to a mere form of "mental flattery" if it is applied solely for the purpose of self-soothing, providing transient solace but failing to free one from ignorance.

The purpose of practice is the defining factor between true mindfulness and the illusion of mindfulness. Individuals can develop the wisdom necessary to live virtuously and righteously by recognizing the workings of the mind, comprehending the nature of suffering, and practicing genuine mindfulness. In contrast, illusory mindfulness concentrates solely on transient comfort, ensnaring individuals in a cycle of self-indulgence and pleasant sensations, rather than assisting them in transcending the constraints of the ego.

It is imperative to seek appropriate guidance from authentic Buddhist teachers and maintain a spirit of genuine awareness in order to avoid falling into the pitfall of commercialized mindfulness. Mindfulness should not be misunderstood as a mere relaxation technique; rather, it should be acknowledged as a component of the journey to awakening. It is imperative that it not be implemented selectively, without regard for wisdom and ethics. It is advisable to avoid market-driven mindfulness programs and instead explore the profound nature of mindfulness within a suitable spiritual framework.

Mindfulness is not merely a technique; it is a transformational process. Mindfulness will become a veil that obscures the truth, rather than a light that reveals it, in the absence of wisdom and ethics.

The genuine value of mindfulness is being diminished as a result of the utilitarian integration of mindfulness into an excessive number of aspects of modern life. The article on Việt Báo is indicative of a concerning reality: a significant number of individuals are engaging in mindfulness practices without any association with religious traditions. Nevertheless, the more concerning concern is that a significant number of individuals are engaging in mindfulness without the requisite wisdom.

Mindfulness is not about comfort; it is about the truth. Mindfulness is solely a beautiful dream in the darkness of ignorance without genuine awareness.

Ultimately, the term "Non-religion" is not merely identical to "atheism" or "irreligion." It may not merely denote the denial of religious convictions; rather, it encompasses a wide range of individuals and groups who do not identify with any specific religious tradition but nevertheless participate in spiritual values, ethics, and meaningful practices. In contemporary society, a significant number of individuals opt for a lifestyle that is not influenced by any religious affiliation, while simultaneously pursuing the meaning, moral values, and inner peace of life. This is the precise point at which mindfulness practices function as a bridge between Buddhist traditions and those classified as "non-religious."

Sacramento, March 14, 2025
Tâm Thường Định



NƯƠNG THIÊN

*Hằng mong tánh lặng găng nương thiên
Vọng động, mơ màng rõ phải kiêng
Lập hạnh, chuyên cần như bước đóc
Tu hoà, nhẫn nhục ví theo triền*

*Ngày đêm chớ những tâm càng chắc
Phận phúc dẫu buồn dạ chẳng nghiêng
Vân biết dòng đời luôn bão tố
Vui cùng thể thái... Sống điềm nhiên.*

TU HỌC

*Lập hạnh rèn tu tánh lặng ngồi
Dương trần phúc ấm chẳng nào voi
Tâm an kệ tụng thiền đầu buộc
Dạ dừ lòng rong ác khó rời*

*Gặp pháp xin nguyện nương tựa Phật
Theo Thầy lĩnh giáo trả ơn đời
Ngày đêm cứ thể xa dần khổ
Hy lạc tuôn tràn rải khắp nơi.*

XUÂN NGÒI

*Ngắm mãi quanh vườn miết chẳng voi
Hoa vàng lá nõn ánh xuân ngòi
Hồn nhiên cảnh vật lòng phơi phới
Lặng lặng sân nhà dạ thanh thoi*

*Vạt cải ong tìm như thấy giỡn
Lùm cây bướm đậu tựa đang cười
Vui thay điếm chút màn sương thoáng
Hạnh phúc luôn gần quý bạn ơi!*

thơ **MINH ĐẠO**

Tiếng Gõ Nhẹ Trên Tường Rêu...

UYÊN NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mỗi thời đại có những tiếng nói riêng biệt khắc họa nỗi niềm của thế hệ mình. Có người rao giảng sự vô nghĩa của tồn sinh trong hoang mang, có người lại chìm đắm giữa hỗn độn, nhưng cũng có những bậc trí giả lấy tịch lặng làm thanh âm, lấy hồi cổ làm chiếc bóng soi mình. *Hiu Hắt Quê Hương Bến Cỏ Hồng* của Hòa Thượng Thích Phước An là một tác phẩm như thế—một pho sách của tâm tưởng, của hoài niệm, của những bóng hình quá vãng ẩn hiện trong ký ức dân tộc, nơi mà mỗi trang viết là một chiếc lá rơi trên dòng sông không ngừng chảy của thời gian.

Giữa những giao lộ văn chương và thiên học, giữa những bước chân phiêu lãng của thi nhân và những trầm tư về thế cuộc của bậc hành giả, tác phẩm mở ra một cõi giới riêng biệt, nơi con chữ không đơn thuần là phương tiện biểu đạt mà còn là tiếng vọng từ chân trời xa, từ một miền tâm thức đã từng sừng sững trước giông tố của thế kỷ. Bút pháp của Hòa Thượng Thích Phước An có sự kết hợp kỳ diệu giữa ba dòng chảy lớn: sự u huyền minh triết, sự uyên áo hàn lâm và sự phóng khoáng đầy linh tri. Những ai đã từng đắm chìm trong thi ca của một thế hệ tiền bối được nhắc sẽ nhận ra nhịp điệu của chữ nghĩa trong tác phẩm này không chỉ là sự mô tả, mà là một cuộc đối thoại với vô cùng.

Có thể nói, *Hiu Hắt Quê Hương Bến Cỏ Hồng* là một hành trình tâm linh qua những nẻo đường thi ca và tư tưởng. Đây không phải là một tập sách khảo cứu đơn thuần về văn học Phật giáo, cũng không phải là hội ký nhạ nhòa được dựng bằng ký ức vụn vỡ. Mỗi trang sách như một cơn gió thoảng, phảng phất bóng dáng của những bậc thầy văn chương đã khuất. Trong đó, Quách Tấn, Tuệ Sỹ, Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Võ Hồng, Nguyễn Đức Sơn... được nhắc nhớ như những danh xưng rực rỡ trên bầu trời văn học, đồng thời hiện diện như những tri âm tri kỷ của tác giả. Hòa Thượng Thích Phước An không những viết về họ mà lặng lẽ bước vào thế giới tinh thần của từng nhân vật, nhậ nhận những mảnh thời gian vỡ vụn, tái hiện lại những cuộc gặp gỡ đầy duyên nghiệp.

Nhắc đến Quách Tấn, tác giả dẫn đưa chúng ta đọc qua những hồi ức của một người con lữ thứ, nhìn lại quê hương trong màu sắc rêu phong của quá khứ. Núi cũ, chùa xưa, trăng tà, gió lộng—những hình ảnh này vừa là biểu tượng, vừa là những chứng tích của một tâm thức lãng đãng giữa thời gian. Bóng Quách Tấn ẩn hiện trong những câu thơ đầy hoài niệm:

"Mưa tạnh non cao đọng bóng chiều

Hồi chuông chùa cũ vọng cô liêu."

Ở đó, thi ca không còn là một thú chơi của kẻ nhàn tản mà là một phương tiện chuyên chở những u uẩn của thế hệ. Bởi vì như Phạm Công Thiện đã từng nói: *"Thơ đúng nghĩa là thơ, đều không có ý nghĩa gì hết mà vẫn không vô nghĩa. Bài thơ không nói gì hết, vì mỗi bài thơ là một sự hiện diện linh thiêng, làm bùng vỡ lên một sự trống vắng bao la như 'núi vắng không thấy người,' mỗi một nhịp thơ khai mở cả một thế giới bừng dậy, như một cái bông xương rồng bé nhỏ lắt*

phất trong gió sa mạc."

Nhưng nếu Quách Tấn là một nốt trầm trong bức tranh ấy, thì Bùi Giáng lại là một nét phóng bút bất định, phiêu hốt giữa hữu và vô, giữa cuồng điên và tuyệt đỉnh sáng suốt. Ở đây, tác giả không chỉ viết về Bùi Giáng như một hiện tượng văn chương, mà còn nhấn mạnh cái điên trong trạng thái tỉnh, cái phi lý trong sự hợp lý đến siêu việt. Đọc những dòng viết về Bùi Giáng trong *Hiu Hắt Quê Hương Bến Cỏ Hồng*, ta không khỏi nhớ đến hình ảnh của một thi nhân lang thang giữa chợ đời, vừa cười vừa khóc, vừa chào trăng vừa vẫy tay từ biệt cõi nhân gian:

"Em đi lên với bắt mấy hương màu

Miền đất thượng có mấy bờ hoa mọc."

Bùi Giáng không phải là một kẻ lữ hành thông thường. Ông không đi tìm một điểm đến mà rong ruổi vô định giữa một cõi siêu hình tự mình dựng nên bằng thi ca và tư tưởng. Và khi Hòa thượng Thích Phước An viết về ông, cảm giác như tác giả đang cùng bước với ông trên những con đường trùng trùng duyên khởi, lắng nghe từng nhịp thở của thời gian.



Nếu Bụi Giáng là cơn gió lang thang trên mặt đất, thì Tuệ Sỹ là đại dương thâm sâu khó dò, nơi tư tưởng và thiền học hòa quyện thành một mạch nguồn bất tận, thì sự hiện diện của Thầy trong tác phẩm này chính là cốt tủy của một thể hệ chịu đựng vô thường, từng trải qua những cơn biến động của lịch sử. Nhắc đến Thầy Tuệ Sỹ, tác giả không chỉ gợi nhắc đến một học giả uyên bác hay một thi nhân lừng lẫy, mà còn là một bậc chân tu đã chịu đựng phong ba, một con người đã đi qua cái chết mà vẫn không đánh mất nụ cười:

*"Rời trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu."*

Những dòng viết về Thầy Tuệ Sỹ trong tác phẩm này là sự tôn kính, đồng nghĩa là một sự tri ân lặng lẽ. Bởi vì hơn ai hết, tác giả hiểu rằng có những con người đã sống, đã chịu đựng, và đã lặng lẽ gánh vác cả một thời đại trên đôi vai mình. Và cũng chính vì thế, mỗi dòng viết về Thầy Tuệ Sỹ trong *Hiu Hắt Quê Hương Bên Cỏ Hồng* đều mang nặng một nỗi niềm riêng, như một ngọn nến cháy âm thầm trong đêm tối của thế cuộc.



Có lẽ, điều làm nên giá trị lớn nhất của *Hiu Hắt Quê Hương Bên Cỏ Hồng* không giới hạn chỉ nằm ở sự sâu sắc của tri thức hay vẻ đẹp của ngôn từ, mà chính là sự chân thành và tâm huyết của tác giả. Từng trang viết là sự ghi chép về những người đã khuất đồng thời là một cuộc hành hương trở về miền ký ức, nơi mà mỗi bóng người, mỗi câu thơ, mỗi kỷ niệm đều như một

bến đỗ trên dòng sông vĩnh cửu của thời gian.

Và cũng như một người lữ hành cô độc, tác giả của tác phẩm này không hề cố gắng níu giữ bất cứ điều gì. Ông chỉ đơn giản là người nhặt nhạnh những mảnh vỡ của quá khứ, xâu chuỗi chúng lại bằng tâm thức của một hành giả, rồi lặng lẽ đặt xuống trang giấy như một lời tự vấn về sự mất mát và phù du.

Bởi vì, suy cho cùng, tất cả chúng ta đều đang đứng bên một bến cỏ hồng nào đó, lặng lẽ nhìn bóng mình tan loãng trong dòng nước vô thủy vô chung, biết rằng chẳng có gì để giữ lại, bởi ngay cả người muốn giữ cũng chưa từng thực sự hiện hữu. Nhưng rồi, như một thói quen hoang đường, ta vẫn đưa tay với lấy chính cái bóng của mình—một ảo ảnh sinh ra từ tịch diệt, trôi dạt về hư vô...

ĐOÀN KHÚC THÁNG TƯ

1- Gai Nằm Trong Tim

*Tháng Tư
Năm mươi năm
Vẫn còn đau nhói
Gai nằm trong tim
Tháng Tư
Trời đất im im
Cỏ cây cũng biết
Im lìm chịu tang*

2- Con Bão Tạt Ngang

*Mùa Xuân
Con bão tạt ngang
Tả tơi rách mảnh cờ vàng...
Lệ sa
Hoa ơi
Thôi chớ xót xa
Giang Sơn Cẩm Tú
Nguy nga... hết rồi*

3- Đồi Bồng Đồi Đồi

*Tháng Tư
Đồi bồng đồi đồi
Rừng xanh khóc lá
Em vùi vùi anh
Đất trời
Phân một làn ranh
Anh trong ngục lạnh
Còn xanh mái đầu*

4- Ngâm Mãi Miếng Sầu

*Đêm sâu
Ngâm mãi miếng sầu
Anh đâu!!!
Phố cũ đậm màu chân dung
Trăng nghiêng
Soi bóng chập chùng
Bước chưa tròn bước
Lung chùng nhớ anh*

thơ KIỀU MỘNG HÀ



Hồn Xuân

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Quán Intermezzo thật ấm cúng với tông màu trầm, trang trí bởi những tranh và tượng giả cổ theo phong cách nghệ thuật phục hưng Italy. Nam thanh nữ tú rì rầm tán chuyện vui vẻ. Gã châu Á da vàng nhỏ bé ngồi trầm ngâm thình thoảng chiêu một ngụm Cappuccino, những tưởng bình an vô sự, nào hay trong lòng dậy sóng dâng trào.

Ngoài tròng khơi của những đại dương phẳng lặng không một gợn sóng, ấy thế mà trong lòng có những dòng hải lưu cả nóng lẫn lạnh cuộn cuộn chảy ngược xuôi. Người đời sao biết được, chỉ có những gã thủy thủ viên dương lang bạt kỷ hồ mới hay dạng.

Có những ngọn núi cỏ cây tươi tốt, bề mặt thanh bình biết bao, ấy vậy mà trong lòng dung nham sôi sùng sục, chỉ cần đúng thời điểm hay một tác động đủ thì sẽ bùng nổ phun trào.

Phương ngoại đang tiết giá lạnh, cây cối trơ trụi lá cành, mặt đất không một ngọn cỏ... Thế mà chỉ cần hơi xuân vừa thoảng thì muôn hoa bừng lên rực rỡ sắc hương, biếc lá trĩu cành, cỏ xanh bất tận.

Cổ quận vào xuân, tháng Chạp rộn ràng tấp nập biết bao. Mùa xuân cổ quận có dĩ vãng sống động tiếp nối với hiện tại và tương lai. Vô thường thay đổi trong từng phút giây nhưng có những cái đẹp không hề suy suyển. Ấy là cái đẹp muôn đời, cái đẹp trong lòng người. Người dù ở quê nhà hay chân trời góc bể vẫn hoài xuân, vọng xuân, thường xuân, đồng xuân hoan hỷ. xuân có đến đi nhưng hương xuân, dáng xuân, khí xuân, vị xuân, thanh xuân vẫn bất tận trong hồn người.

Đất trời phương ngoại đang giữa mùa đông. Gã da vàng Viên Đông ngồi giữa những người Tây phương ngoại chúng mà lòng tràn ngập mùa xuân phương Đông, ý thú hướng xuân, tâm tưởng toàn xuân. Một ngụm cà phê phong cách La Mã ấm ấm thơm thơm bơ sữa; tự dưng nghe mùi mít gừng sên trong chảo, mùi thuốc pháo hăng hắc nồng nồng từ xa lơ xa lắt hiện về.

Người Tây phương yêu hoa hồng, diên vĩ, tulip... người Đông phương không thể thiếu hoa cúc, hoa đào, hoa mai nhất là mỗi độ xuân sang. Gã du tử tham lam yêu cả chẳng chừa chi, muôn hoa trong lòng, trong mắt, trong tâm ý... cứ mãi thấp thoáng theo năm tháng vụ mùa. Vì tham hương sắc mà khổ, cái khổ của gã du tử ngẩn ngơ giữa cõi người nhưng người không sao biết được! Ấy thế mà lại hay, một khi biết không khỏi sanh lòng phỉ báng, cười chê, chế giễu. Gã du tử biết mình khờ khạo ngu ngơ giữa chợ đời nhưng biết làm sao được? khi mà tự nhiên nó thế, muốn không được không muốn cũng không xong!

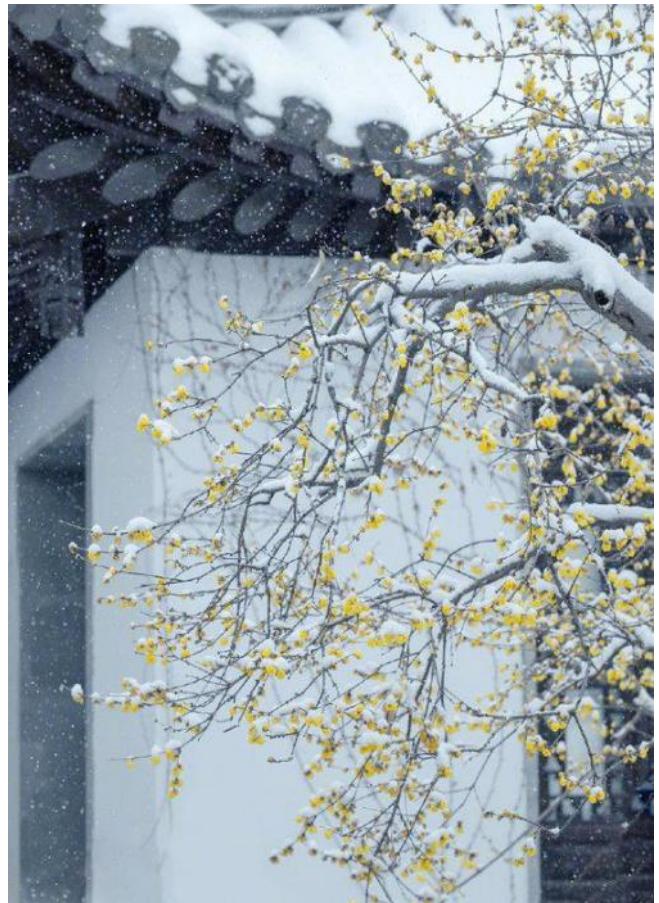
Mùa xuân cổ quận có hoa mai, hoa đào. Hoa không chỉ là hoa, mai và đào ấy mang cả hình bóng

của lịch sử quá khứ của tộc người Giao Châu. Đào Thăng Long, Mai Sài Gòn sử Việt tượng tục nổi dòng. Đào Thắm môi má hồng, mai thanh tao cốt cách há chẳng phải là nét riêng của tộc Việt đó sao!

Ngoại phương đang tuyết trắng, cổ quận đượm nắng vàng. Ở đây đông tiếp diễn, ở đây mùa xuân sang, biết nói sao đây khi ngôn lời chữ nghĩa quá nghèo nàn mà lòng dạ mang mang?

Mùa xuân ơi! Ta nghe mùa xuân hát. Tiếng xuân vang khắp đất trời, vọng vào hồn người, hóa muôn ca khúc, biến vạn bài thơ, nhập vào khung bố của bao nhiêu tranh ảnh. Làm sao mình biết được người nghệ sĩ nắm bắt được hồn xuân hay hồn nghệ sĩ đã nhập vào mùa xuân?

Ất Lăng thành, Tết Ất Ty



PHẬT PHÁP TỒN TẠI

Đi tìm Phật Pháp đông, tây
Đạt trôi bao kiếp vẫn xoay sóng đời
Nhân gian hiện hữu tạm thời
Phật Pháp tồn tại đời đời muôn niên.

HẠT SƯƠNG NGÀN

Đời người như hạt sương ngàn
Chợt khô, chợt thoáng vô thường trước sau
Như hoa rơi rụng đêm thâu
Tuổi già đã đủ đến ngày biến tan.

CHỈ LÀ HUYỄN HƯ

Quá sáu mươi tuổi trôi qua
Hơn, thua, tốt, xấu chỉ là huyễn hư
Khác nào những chiếc lá thu
Trăm năm đời sống hạn kỳ đến-đi.

BÌNH YÊN

Trời xanh mây trắng thênh thênh
Thắm tươi cây cỏ bốn bề bình yên
Đâu màng thế giới nào phiền
Ngồi trong góc vắng êm đềm làm thơ
Mặc ai nhân-ngã hơn thua
Ta về nghe Pháp thấm nhuần Đạo cao.

PHẬT PHÁP

Nói vọng, vọng miên man
Nghĩ chân, vọng tiêu tan
Khi vọng, chân liền mất
Cả hai đều chẳng còn

Phật Pháp con đường đó
Có chi đâu mà tìm
Chân, vọng ngay tâm mình
Nhìn sáu mới sáng tỏ.

thơ DIỆU VIÊN





Cởi trời

(Tập 2, tức **Phương Trời Cao Rộng 5**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Nàng từ trên lầu bước xuống. Áo thun ngắn tay, cổ hơi cao, màu xanh da trời. Quần jean màu xanh dương. Áo quần đều bó sát vào người cho nàng một dáng vẻ trẻ trung, tươi vui, sinh động khác hẳn với con người của nàng trước đó. Đứng trước tôi, khuôn mặt nàng ngây thơ e ấp như thiếu nữ mới lớn, còn thân hình nàng thì hiển lộ tất cả sức sống, tất cả những đường cong gợi cảm của phái đẹp. Tôi ngược nhìn nàng, không nói nên lời.

"Đi được chưa anh?" nàng hỏi.

"Đi," tôi tình người đáp.

Nàng mở cửa, tôi dắt xe gần máy ra ngoài, chờ nàng khóa cửa rồi để nàng lái. Tôi ngồi phía sau, vịn tay nới thành yên. Nàng mai đã ngập đường phố. Người xe tấp nập. Sài Gòn bao giờ vẫn vậy. Nó tạo ra những cuộc sống xô bồ, những con người đua chen hình thức. Và đôi khi nó tạo ra những con người mang vẻ đẹp trong sáng hiền hòa bên trong mà vẫn

không bao giờ chối bỏ việc tô điểm cái đẹp quyền rũ bên ngoài.

Như vậy, liên tục từ hôm qua đến giờ, không phải tôi chỉ nỗ lực né tránh sự xung động giữa niềm vui tự do và nỗi đau mất mát, mà còn phấn đấu để không buông xuôi thả mình theo dòng cuốn của ái tình.

Tôi lại muốn trốn chạy, muốn từ chối thực tại trước mắt. Và trên xe, sau lưng nàng, tôi một mình ôn lại chuyện quá khứ.

Kỳ thăm nuôi giữa tháng 6 năm 1986 nhằm vào ngày chủ nhật. Thiện Chí đã về sáu ngày trước, và tôi tin anh sẽ nhắn gởi gì đó trong đợt thăm nuôi này. Tôi hồi hộp chờ đợi. Tôi biết tôi sẽ không được phép gặp mặt gia đình để nghe được lời nhắn của Thiện Chí-vì từ thăm sáu tháng nay, kể từ lúc Phương gặp ông thầy già rồi đốt trại và trốn đi, tự dưng tôi bị "cúp" gặp mặt, chỉ

cho gởi quà thăm nuôi thôi; quản giáo chẳng giải thích gì chuyện "cúp" này cả-nhưng tôi hy vọng là có thư từ và lọ thuốc đỏ, hay một thứ thức ăn nào có nhét bọ thuốc ngủ, gởi theo giỏ quà thăm nuôi.

Khoảng 11 giờ trưa, anh nuôi mang giỏ quà của tôi vào. Tôi lục soạn để xem có thư từ gì giấu trong bột ngũ cốc hay các món thức ăn không. Quà nhiên trong món kho mặn khổ qua nhồi tàu hủ, tôi tìm thấy một lá thư nhỏ bọc ni-lông. Thư viết ngắn. Nét chữ của chị Thuần.

"Khang ơi,

Thầy Thiện Chí có đến nhà thăm, kể chuyện sinh hoạt trong trại cũng như chuyện của Khang cho gia đình nghe. Thầy cũng có gởi theo đây một ít quà biếu Khang nữa đó. Riêng về mấy thứ thuốc mà Khang dặn gởi vào, gia đình không thể gởi được vì bác sĩ nói những thứ thuốc ấy mạnh lắm, Khang không dùng được đâu.

Cả nhà đều mong Khang giữ gìn sức khỏe, bảo toàn thân

mệnh, sớm muộn gì cũng được về, đừng làm chuyện gì bất thường. Mẹ nghe được lo lắng. Các bạn bè của Khang đều gửi lời thăm. Thương, Thuần."

Vậy là xong. Không có chuyện át-xít hay thuốc ngủ gì hết.

Trong bữa ăn chung với nhóm tù chính trị, tôi nói riêng với Quái và Dương:

"Thầy Thiện Chí có ghé nhà tôi, dặn tìm và gửi mấy thứ mình cần nhưng gia đình tôi ngại, không dám, viết thư ngăn. Chắc phải tìm cách khác."

Quái nói:

"Vậy để tôi nói bà xã tôi gửi vào một lưỡi cưa sắt nhỏ, nhét trong ruột bánh mì. Lưỡi cưa tốt thì mình chỉ cần hai tiếng đồng hồ là bay một song sắt. Một song là đủ để chui ra rồi. Thôi, thầy Khang yên tâm đi, kỳ thăm nuôi tới tôi dặn bà xã tôi, há. Phải chi hồi nãy biết sớm tôi đã nói với bà ấy luôn rồi!"

Chưa kịp tới kỳ thăm nuôi kế tiếp, chẳng rõ vì lý do gì, tự dưng Khoa đến phòng giam, gọi Sang ra ngoài làm việc hơn hai giờ đồng hồ mới thấy trả về. Trong thời gian Sang bị gọi đi, Quái nói riêng với tôi:

"Thầy Khang à, không biết chuyện mình bàn lâu nay có lọt vào tai tay ăng-ten nào trong phòng này không. Thấy thằng Sang theo quản giáo đi lâu như vậy tôi nghi quá."

Dương ngồi gần đó, vừa nói vừa cười:

"Biết đâu chính thằng Sang lại là ăng-ten?"

Tôi nói:

"Không có đâu. Đừng có nghi ngờ bậy bạ với nhau vừa mất tình bạn vừa hư chuyện hết."

Trở về, Sang lằm lằm lì lì, chẳng nói gì với ai. Đến chiều, nhân lúc sắp bàn cờ tướng ra, rú tôi đánh, Sang mới nói nhỏ:

"Thầy Khang cẩn thận nghe."

Tôi nhìn Sang, dọ hỏi. Sang nhìn xuống bàn cờ, nói tiếp:

"Tôi đoán được nước cờ của thầy thì khó đánh thắng lắm đó."

Tôi chỉ im lặng, không nói gì. Đánh cờ mà lòng suy nghĩ mông lung. Biết Sang đang ở trong tình trạng phải giữ gìn, không dám nói chuyện nhiều với tôi, tôi ngại không hỏi thêm gì, sợ sinh phiền cho anh. Sang không dám nói thẳng mà quanh co, bóng gió như vậy thì ắt là anh ấy biết rằng trong phòng giam này hãy còn ít nhất là một cây "ăng-ten" nào đó. Anh để phòng thủ thế thì tôi cũng

để phòng, không gợi chuyện.

Ngay chiều hôm đó, Khoa đến phòng, gọi Sang mang hết đồ đạc cá nhân theo, chuyển sang phòng khác. Mỗi thân tình bằng hữu giữa chúng tôi trong một thời gian khá dài bị cắt đứt một cách nhanh, gọn. Không kịp nói gì với nhau nữa. Sang mang đồ đạc ra ngoài rồi, vừa bước theo Khoa, vừa đưa một tay lên vẫy, chào chung cả phòng.

Qua ngày hôm sau, Khoa lại đến phòng gọi Tân ra làm việc. Tân rời phòng khá lâu không thấy trở về. Dương trở tới chỗ tôi, nói nhỏ:

"Hình như chuyện tui mình bàn bị bể rồi thầy Khang ơi. Hôm qua gọi thằng Sang bây giờ lại gọi thằng Tân... tui nghi quá."

"Tôi chưa nói chuyện gì với Tân cả," tôi nói.

"Tôi cũng đâu có nói, nhưng không biết thằng Sang hay thằng Quái có nói gì chưa. Tôi đã nói trước rồi, cả thằng Sang và thằng Tân, hai thằng đều khả nghi hết. Nói rồi mà thằng Quái không chịu nghe, cứ rú. Nói thiệt, tôi chỉ tin thầy Khang với thằng Quái thôi, ngoài ra chẳng tin ai hết. Đánh mấy cú này càng gọn càng ít thì càng dễ thành công, rú chi cho nhiều."

"Tôi không nghi Sang đâu. Lâu nay Sang vẫn tốt với anh em mà."

"Tốt thì sao chứ. Ai mà biết được nó ra ngoài nói gì với quản giáo. Thầy Khang à, chuyện tui mình chỉ mới bàn với nhau thôi, chưa có chứng cứ gì hết, nhất định là không chịu nhận nghe, cho dù thằng Sang hay thằng Tân có tố cáo hay là tui nó tự nhận, thầy Khang cũng đừng nhận nghe. Lỡ mà có bể thiệt thì để tui hay thằng Quái nhận cho, thầy Khang đừng nhận há. Mẹ kiếp! Mấy thằng đó mà tố bậy bạ là tui đục tui nó liền. Cho bị biệt giam kỷ luật cũng đếch sợ!"

"Tôi nghĩ không có gì đâu, yên tâm đi. Còn như bị lộ thiệt thì để tui chịu. Bởi vì trên thực tế tôi là người nêu cái chuyện đó ra trước tiên mà."

"Biết là vậy, nhưng... thầy Khang yếu lắm, tui nó quần cho một trận rồi bắt nhốt vô biệt giam, chịu không nổi đâu."

"Biệt giam thì có gì ghê lắm đâu. Tôi có ở biệt giam hơn

một tháng ở T20 Sài Gòn rồi."

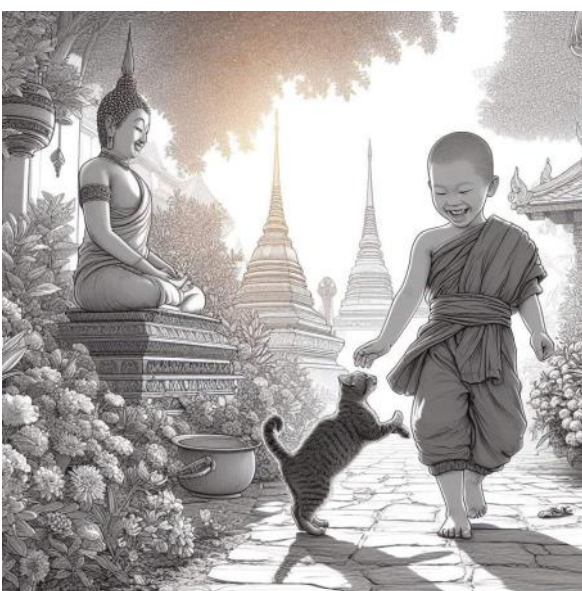
"Ờ, thầy Khang à, ở Sài Gòn khác, ở đây khác. Theo cách thầy kể thì biệt giam Sài Gòn sướng thấy mồ. Ở đây, thầy biết không, ngộp lắm, vào đó một tuần, bước ra giống như con ma đói, xanh lét, chân tê bại bước không nổi. Có cùm chân nữa chứ không phải được thành thoi như thầy bị biệt giam ở Sài Gòn đâu. Đã vậy cơm đưa vô mỗi buổi có nửa chén thôi, lại cúp thăm nuôi nữa chứ!"

Ngồi một lúc thì Quái xáp tới, vừa vắn thuốc rêu vừa nói:

"Chuẩn bị tư tưởng nghe, hai thằng kia có nói gì thì nói, bọn mình nhất định không chịu nhận... Còn chuyện mà bữa giờ thầy trò mình bàn với nhau, tạm gác lại đi há, sau này hãy tính, phải không thầy Khang?"

Tôi gật đầu. Dương cẩn thận Quái rồi lại đề nghị là nếu lộ chuyện thì hai người chịu nhận, không để tôi bị liên can. Tôi nghe vậy thì cố gắng can, nhưng cũng vừa cảm động tấm chân tình của họ.

Hai người nói qua nói lại một lúc thì thầy Khoa đưa Tân trở về phòng. Tân lạnh lùng bước vào, không nhìn chúng tôi, lặng lẽ ôm đồ đạc cá nhân bước ra, theo Khoa chuyển qua phòng giam khác. Không vẫy tay chào bất cứ ai trong phòng. Vốn là tên cướp từng giết người và lãnh án nặng, Tân sống liều mạng chẳng sợ gì ai. Tánh anh nóng nảy, cộc cằn, thường gây sự đánh lộn với những người chung phòng giam. Tân đến phòng giam nào là muốn làm chúa phòng giam đó. Từ phòng số 3 chuyển vào phòng 7, Tân cũng nghênh ngang ăn hiếp mấy người yếu thế trong phòng thì bị Quái và Dương đập cho một trận ngất ngư. Khoa bắt hai anh Tàu Nùng đi biệt giam kỷ luật. Quái và Dương vừa trở về phòng sau khi hết hạn kỷ luật là Tân đến nài nỉ xin lỗi ngay. Quái và Dương bỏ qua không đánh Tân nữa mà còn giúp thức ăn, thuốc hút. Từ đó, Tân qui phục. Mà qui phục hai anh Tàu Nùng kia thì cũng qui phục cả tôi, bởi vì ai vào phòng cũng có thể thấy được rằng Quái và Dương quần quýt quanh tôi, thân cận giúp đỡ tôi như hai cánh tay, hai đệ tử. (Thậm chí mấy người mới nhập phòng giam còn tưởng tôi là "đại ca" của phòng nữa. Khi biết tôi là ai rồi, họ mới kể tôi nghe cảm giác và suy nghĩ của họ ban đầu: thấy cả phòng ai nấy đều gọi tôi bằng "thầy" và lại có cái vé



cung kính trọng vọng khác thường trong khi hình thức bề ngoài của tôi thì chỉ là một thanh niên trẻ, đầu có tóc, mình trần mặc quần cắt y như mọi người, chẳng có gì đặc biệt, họ hơi sợ; nhưng hỏi ra mới biết “đại ca” này là một thầy tu, hiền khô, chẳng hại ai mà còn có thể làm bạn với tất cả mọi người. Đến lúc đó họ mới yên tâm.)

Sau khi Tân đi, chúng tôi chờ đợi một cái gì đó xảy ra, nhưng chẳng thấy gì cả. Một ngày, hai ngày, ba ngày... yên tĩnh. Ngày thứ tư, Khoa đến gọi Nhiều, anh trưởng phòng, ra làm việc đầu chừng hơn một giờ đồng hồ. Trở về, Nhiều tìm cách nói riêng với tôi:

“Ông Khoa có hỏi thăm tôi về thầy đó.”

“Hỏi về chuyện gì?”

“Chuyện thầy giao du thân mật với mấy người Tàu trong phòng.”

“Ai lại chẳng thân mật với họ, ai lại chẳng thân mật với nhau, trong phòng giam này!”

“Dĩ nhiên là ai cũng có chơi thân với một người nào đó cùng chung phòng giam. Nhưng không phải chỉ riêng ông Khoa đâu, trong con mắt của những cán bộ quản giáo thì chuyện thầy Khang chơi thân với đám người Tàu không phải là chuyện đơn giản.”

Tôi phì cười:

“Cái gì cũng đáng nghi ngờ đối với họ. Vậy anh nói sao với ông ấy?”

“Tôi mới hé miệng nói một câu ông đã xì nẹt cho một hơi. Tôi nói, ‘quản giáo đừng lo, anh Khang àn hiền khô à, chẳng có

âm mưu hay tổ chức gì đâu.’ Ông trợn mắt nói, ‘Anh bênh cho anh ấy nữa à! Anh nói anh ấy hiền? Hiền mà đi phản cách mạng sao! Anh liệu hồn anh, cứ ý y người ta hiền rồi chệnh mảng không chịu đề cao cảnh giác, có ngày anh và cả tôi nữa cũng đi tù luôn đó. Anh có biết anh Khang thuộc diện gì không? Diện tử hình đó.’ Tôi nghe vậy thì giựt mình, chẳng nói tiếng nào nữa. Ngưng một chập, ông ấy tiếp, nói nhỏ: ‘Mà kể ra thì nhìn tướng anh Khang thấy cũng hiền đó chớ. Chẳng hiểu sao lại đi phản cách mạng...’ Thầy Khang à, bộ vụ của thầy nặng đến độ tử hình sao?”

“Tôi chẳng hiểu họ đánh giá tôi thế nào, chứ tôi tự thấy tôi tuy chống đối nhà nước nhưng cũng chưa làm được trò trống gì quan trọng. Kệ, họ kết án gì cũng được.”

“Ông Khoa nói có thể một ngày nào đó sẽ có lệnh đem thầy Khang đi biệt giam đó. Không phải chỉ biệt giam vì án tử hình đâu, chuyện đó khi nào ra tòa rồi mới tính, còn biệt giam bây giờ là biệt giam vì ngoan cố không chịu khai đây đủ về những người đồng lõa, nhất là vụ ông Lương; thứ hai là chơi thân với người Tàu... có ý đồ cấu kết, móc nối với gián điệp Trung Quốc.”

“Trời đất! Nghi vậy mà cũng nghi được à!”

“Chứ sao, người ta chủ trương cứ nghi ngờ, cứ bắt lầm, còn hơn là bỏ sót.”

“Ồ mà cũng được thôi, kết án tử hình tôi còn chịu được nói chị cái chuyện biệt giam, có sao đâu. Họ muốn nghi gì đó thì nghi. Ông chỉ nói chuyện thôi hả, còn chuyện gì khác không?”

“Tình hình bên ngoài có cái gì đó lộn xộn thì phải. Hình như có đảo chánh hụt hay là một vụ nổi dậy của nhóm nào đó ở Sài Gòn.”

“Bộ ông Khoa dám nói cho anh nghe những tin ấy à?” tôi ngạc nhiên hỏi.

Nhiều cười:

“Ông sợ gì mà không nói. Có điều là chỉ hé hé một chút thôi chứ không bao giờ nói rõ hết. Bộ thầy Khang quên rằng hồi trước tôi cũng là bộ đội cán bộ nhà nước sao.”

“Vậy ông ấy nói sao về vụ đảo chánh hụt?”

“Đại khái là cánh miền Nam

–xuất thân là dân kháng chiến Nam bộ chống Pháp trước 1954 hoặc thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chống Mỹ sau 1960–cánh này muốn ly khai, muốn được tự trị thì phải. Họ muốn miền Nam phải theo đuổi một chính sách khác với miền Bắc, cũng là xã hội chủ nghĩa, nhưng theo cách của miền Nam, không thể rập khuôn miền Bắc. Cái này thì ông Khoa rất chịu vì ông ấy là dân miền Nam mà. Tôi cũng rất tán đồng. Tôi nghĩ đa phần dân miền Nam cũng muốn vậy. Đất miền Nam của dân miền Nam, không thể có cái chuyện thống nhất và cai trị đất nước theo kiểu phong kiến xưa là một nhóm nhỏ ở triều đình tuốt đầu ngoài Bắc, kiểm soát và bắt toàn dân khắp miền Nam nai lưng ra làm việc để triều cống. Thầy Khang có đồng ý với tôi không?”

Tôi cười, không trả lời thẳng mà hỏi tiếp:

“Vậy cánh miền Nam đã làm gì mà nói là đảo chánh hụt?”

“Một vài tướng tá của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, hình như có ông Trần Văn Trà, đang vận động kết hợp thành phần cán bộ miền Nam để tách miền Nam ra khỏi sự kiểm soát của miền Bắc. Nhưng mấy ông thất bại rồi.”

“Thất bại rồi?”

“Ừ, hình như nhóm họ vừa mới kết tụ hồi đầu năm nay thì bị cánh miền Bắc tìm cách triệt liên.”

“Bằng cách nào?”

“Chặt vây cánh, kiểm soát các cơ sở kinh tài, giết chết vài mạng bằng cách tạo ra một vụ tai nạn xe cộ để dẫn dắt. Nhưng họ chỉ mới dẫn dắt sơ sơ thôi chứ không dám làm động ổ cánh miền Nam, sợ có loạn.”

“Ghê quá hả! Vậy mà tôi cứ tưởng cộng sản Nam hay Bắc gì cũng một thứ thôi chứ. Sao lại có chuyện chống báng nhau nữa kia.”

“Khác chứ sao mà giống được, thầy Khang. Là một cựu cán bộ miền Nam, tôi có thể nói với thầy Khang điều này: miền Nam chẳng có cộng sản. Thực đó, không có cộng sản gì hết trơn. Người dân miền Nam chúng tôi không hề có giác ngộ biến ruộng vườn của mình thành của công, mà ngược lại, ai cũng muốn mỗi người có một mảnh vườn, một mảnh ruộng, một mảnh đất, một mái nhà riêng...”

“Tôi hiểu. Anh cũng có nói với tôi rồi. Các anh chạy theo Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền

Nam Việt Nam vì bị tuyên truyền là miền Nam đã bị Mỹ xâm lược. Các anh theo mặt trận đó để chống Mỹ chứ không phải là để theo chủ nghĩa cộng sản, phải vậy không? Điều đó đã quá rõ ràng, cho nên sau 1975, các anh thức tỉnh và muốn chống lại, muốn ly khai... Nhưng, nếu ly khai chủ nghĩa cộng sản, từ bỏ chủ nghĩa cộng sản, thì là điều đáng mừng cho dân tộc; tôi chỉ sợ là ly khai cộng sản miền Bắc để củng cố cộng sản miền Nam thì cũng chẳng thay đổi được gì lắm đâu, bởi vì cái mầm của sai lầm và tàn ác có nằm ở miền Bắc hay miền Nam thì cũng nảy sinh ra hoa trái của sai lầm và tàn ác mà thôi. Phải từ bỏ cái mầm sai lầm và tàn ác đó chứ không phải chỉ sửa đổi, cải biến nó thành một thứ na ná hạt mầm tốt. Làm ruộng, làm rẫy, anh đã có kinh nghiệm chọn giống rồi, phải không anh Nhiều? Anh luôn luôn chọn giống tốt để gieo xuống mảnh đất của anh. Không thể chọn giống xấu được. Không ai ép buộc anh phải diệt trừ các loại giống mà anh không thích. Nhưng chính anh, người chủ vườn, có bổn phận và có quyền quyết định chọn lấy loại giống tốt và thích hợp cho đất mình."

"Tôi đã nói với thầy Khang rồi, miền Nam không có cộng sản thì đâu cần phải củng cố hay từ bỏ cộng sản. Phải nói là từ chối chấp nhận chủ nghĩa cộng sản lan tràn trên mảnh đất của mình, vậy thôi."

"Và anh tin rằng những thành viên cũ của Mặt Trận sẽ tái lập lực lượng này để thực hiện công việc đó?"

"Ngoài Mặt Trận ra, thế lực nào có thể lấy lại được miền Nam này chứ? Thầy không thấy rằng nhờ Mặt trận mà miền Bắc thành công chiếm trọn miền Nam năm 1975 đó sao? Không có cái Mặt trận này thì miền Bắc chẳng làm quái gì được miền Nam. Đúng ra thì Mặt trận đã chiến thắng vào mùa xuân 1975 chứ chẳng phải ai vô đó."

Tôi cười:

"Chiến thắng nhưng lại thua đậm. Chiến thắng thì phải lấy, phải chiếm, phải giành được cái gì đó, phải không? 30-4-1975, cho là Mặt trận đã chiến thắng ở miền Nam đi, nhưng rồi có giữ được miền Nam, có kiểm soát được miền Nam đâu. Dâng luôn cả nửa phần đất nước cho miền Bắc, đó là cái công của Mặt trận. Mà thực

tế còn cho thấy là ngay cả cái gọi là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam và lý tưởng chống Mỹ cứu nước, đều chỉ là chiêu bài của Cộng sản Bắc Việt để ra cả. Anh không thấy rằng Mặt trận cũng chỉ là một lực lượng ngoại vi của Đảng Cộng sản thôi à? Cho nên chưa đầy một năm sau ngày 30-4-1975 thì Mặt trận bị Đảng giải thể. Chẳng có lý do gì để từ chối việc giải thể ấy cả. Đất nước thống nhất, quân thù xâm lược đã rút-họ nói vậy-cần gì Mặt trận Giải phóng nữa! Đảng và chính quyền mới là thực lực, còn Mặt trận đâu có thực. Giống như nước và sóng vậy đó. Nước mới là thực lực, còn sóng thì chỉ là cái manh động của cảm tính mà thôi. Cho nên, nếu cần gầy dựng một lực lượng để đối đầu với cộng sản thì không thể lấy cái Mặt trận con đẻ của cộng sản ra mà xài lại được. Nhân sự cũ với lực lượng mới thì may ra. Bởi vì bây giờ mà nghe đến cái tên Mặt trận hay những người cũ của Mặt trận đứng ra làm cách mạng, nhân dân miền Nam đã chán ngấy và tự đứng phải nghĩ đó lại là một thứ chiêu bài gì đây của cộng sản... nếu không như vậy thì cũng là một cố gắng để tranh thủ quyền bính của nhóm này hoặc nhóm kia trong Đảng mà thôi. Mà Đảng viên Cộng sản nắm quyền thì người Nam kẻ Bắc, kẻ thường tăng cho đến người hạ tầng, cứ thử hoán chuyển vị trí lãnh đạo thử xem, sẽ thấy rằng chẳng có gì thay đổi bao nhiêu. Không phải vậy sao? Tôi nghĩ là cho mấy ông như Lê Đức Thọ, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh... xuống đây làm quản giáo trại giam, còn ông Sáu, ông Khoa, ông Hón... thì cho lên nắm quyền lực ở trung ương Chính trị bộ, thì đất nước cũng cứ một nhịp là đà ịch đó mà bước lui thôi, chẳng có gì khác biệt lắm đâu. Trở lại chuyện nhân sự Mặt trận, tôi nghĩ họ đã đánh mất niềm tin ở nhân dân miền Nam lại bị thực lực Đảng ở miền Bắc khống chế thì còn làm gì được nữa."

"Thầy Khang có vẻ trách cứ, đổ tội cho Mặt trận dữ há?"

"Không, đã nói là Mặt trận không có thực thì đổ tội cho nó làm gì. Nó, thực ra là những người tham gia nó, là nạn nhân của một trò lừa dối. Tuổi trẻ miền Nam trước đây, theo hoặc không theo Mặt trận, đều đã

phung phí thì giờ và sinh mệnh của mình để bảo vệ hoặc chống lại một cái bóng, một cái hình ảnh phù phiếm của trò chơi chính trị. Rốt cuộc chẳng được gì cả. Chỉ có cái thế lực qui quái ở bên trong, ở đằng sau kia, mới nắm được tất cả. Kê lên đồng tưởng rằng mình điều khiển thế lực ma qui, mà thực ra nhiệm vụ của con đồng chỉ là quên mình đi để thế lực ma qui vận hành sai sứ. Họ chỉ có cái xác thôi. Múa may quay cuồng dữ lắm, điệu võ dương oai ghê lắm, nhưng khi thế lực ma qui rút đi thì chẳng còn gì cả, ngoài cái thân xác mỗi một đờ đẫn."

"Vậy chứ thầy Khang nghĩ... chúng ta phải làm gì để thay đổi đất nước?"

Tôi cười buồn:

"Chúng ta? Chúng ta làm gì nữa đây? Ngồi đây mà bàn mà nói mà tán chuyện xã hội bên ngoài làm gì chứ! Ở tù rồi tức là đã chấp nhận bàn giao việc nước, việc xã hội cho thiên hạ lo chứ còn muốn làm gì nữa!"

Rồi cả hai chúng tôi cùng cười. Từ góc phòng, chúng tôi ngồi cạnh nhau, im lặng đột thuốc nhìn đám tù lằng xằng. Miệng tôi nói bị quan thế nhưng trong tôi, một nỗi gì đó rất phân khích, động đậy. Tôi muốn ra tù. Mặc dù người ta đã mớm ý cho tôi biết cái án tử hình sẽ treo trên đầu tôi, tôi vẫn chưa muốn thúc thủ, chưa muốn thua cuộc trước cái ác. Tự đứng niềm tin vô lý trước đây của tôi bỗng quay trở lại, ngay lúc này, và nó khiến tôi tự tin, không hãi sợ chút nào cái án tử hình mà Khoa đem dọa trước qua miệng của anh trưởng phòng. Tôi nói với Nhiều:

"Nếu ra được, tôi sẽ tiếp tục chứ chưa bỏ cuộc đâu."

"Thầy vẫn tin thầy được về sao?"

"Đến lúc nào họ đem bắn tôi, tôi mới tin là tôi chết, không còn cố gắng đấu tranh được gì nữa."

"Vậy nếu ra được, tôi sẽ tìm thầy Khang. Tôi cũng muốn theo thầy để làm một cái gì đó cho quê hương. Sống cùng phòng giam nhiều tháng qua, tôi và nhiều anh em bạn tù trong này, đều cảm nhận được cái thiện ở nơi thầy. Cái thiện đó chưa biết có đủ sức để thắng được những thế lực ma lanh qui quyết đầy quyền lực hay không, nhưng điều chắc chắn là khi người ta chọn cái thiện, người ta tin rằng sẽ ở về phía chính nghĩa, không sợ sai



lâm. Thầy Khang biết không, rừng Tân Phú sâu lắm, có thể ăn thông với rừng Sát và nối liền với chiến khu D. Mặc dù lực lượng Nghĩa quân Phục quốc của chúng tôi bị bế ở cánh Tân Phú, nhưng tôi nghĩ là nếu ra được, có thể dùng lại chiến khu Tân Phú đó.”

“Thời thế loạn ly, biết cơn sóng dữ sẽ đẩy mình tới đâu mà tính chuyện chiến khu chung với nhau... Làm sao mà hẹn gặp đây hả?”

“Tôi còn năm năm nữa thôi. Năm năm cũng một chớp mắt thôi mà. Tôi đã đi nửa đoạn đường tù tội rồi. Ra trước tôi sẽ chờ thầy, thăm dò tin tức của thầy mỗi tháng để biết thầy về chưa. Vậy thì sẽ gặp lại, khó khăn gì.”

“Ừ, thì cùng bày keo khác, chắc nhé. Nhưng dù sao, tôi cũng muốn nói với anh một điều, để lỡ mai này không còn gặp lại nhau... không đến nỗi ân hận. Điều này tôi muốn nói với anh và cũng muốn nói chung với những người chủ trương nhuộm đỏ đất nước này. Nếu có dịp nói chuyện với ai đó, cộng sản hay không cộng sản, anh nói cho họ nghe điều này: tổ tiên chúng ta khi theo chân đoàn quân Nam tiến từ thời chúa Nguyễn để lấn đất Chiêm Thành, trong đầu chỉ mang ước vọng đơn giản là mỗi người đều được tư hữu đất đai ruộng vườn trù phú trên mảnh đất miền Nam này. Việc binh bị là việc của quân đội, còn nhân dân, chỉ có mỗi việc là lo khai phá đất rừng để mở mang ruộng vườn mà canh tác. Vào được miền Nam, xua được dân Chiêm Thành, ước vọng của tổ tiên ta đã thành sự thực, tổ tiên ta yêu quý đất đai mà mỗi người tự gây dựng được, không muốn bị đánh mất, không muốn bị xâm tổn. Cái óc tư hữu từ đó ngày càng được bồi đắp dày thêm, dày thêm, từ đời này đến đời kia... cho nên, chủ nghĩa cộng sản không thể nào thích hợp với người dân miền Nam và mảnh đất miền Nam. Mà suy cho cùng,

không phải chỉ đối với miền Nam không thôi; đối với miền Trung và miền Bắc, toàn cõi Việt Nam này, đều như vậy cả: không thể thích hợp để áp dụng chủ nghĩa cộng sản đâu. Thứ chủ nghĩa hoang tưởng này nếu có thích hợp được với một quốc gia nào đó ở châu Âu hay ở đâu đó vào thời đại của Karl Marx thì cũng không thể vì vậy mà cứ khẳng định cho rằng nó cũng phải thích hợp với Việt Nam. Không cần phải bàn nhiều về chuyên chủ trương Tam vô rất trái nghịch với dân tộc tính của mình; chỉ cần nhìn ở khía cạnh mô thức kinh tế và xã hội cũng đủ thấy là Việt Nam không cần chủ nghĩa cộng sản. Nước ta là một nước lấy nông nghiệp làm nền tảng kinh tế. Xã hội nông nghiệp vốn đã mang hình thái tư hữu, tư sản; dân ta từ hiện thực đến tâm thức, đều là những người hữu sản, muốn có tư hữu, và họ chỉ khác nhau ở chỗ có tài sản nhiều hoặc ít chứ không có thành phần gọi là vô sản; xã hội Việt Nam cũng có người giàu kẻ nghèo như bất cứ quốc gia nào, nhưng không có cái gọi là giai cấp giàu-nghèo. Nếu viện dẫn những người ăn xin như thành phần vô sản, Việt Nam cũng có ăn mày ăn xin như bất cứ quốc gia giàu mạnh nào trên thế giới, nhưng số hành khất quá ít này không thể tính kể được như một giai cấp. Còn tư bản đó hả, hừm, Việt Nam mình có tư bản không? Những tên tài phiệt giàu có kết bè kết đảng với nhau, chia chác quyền lợi với nhau, thao túng và chiếm lĩnh thị trường kinh tế quốc gia, ảnh hưởng lên cả chính sách nhà nước. Xã hội Việt Nam trước khi ông Hồ đem chủ nghĩa cộng sản vào có thành phần đó không? Miền Nam Việt Nam trước 30-4-1975 có thành phần đó không? Nếu có thì chỉ có một số rất ít hiếm hoi, mà số ít đó chỉ là một vài hiện tượng nổi lên từ kẻ hở của những chính quyền độc tài thối nát, rất dễ bị xã hội lật nhào, không thể coi như là một thành phần giai cấp. Tóm lại, bày ra cái trò cách mạng vô sản, đấu tranh tiêu diệt giai cấp tư bản trên đất nước này thực chẳng khác gì đánh lộn với quần thù trong giặc chiêm bao. Không có tư bản, không có vô sản, ai đánh ai, tranh đấu cái gì, giành nhau cái gì? Chỉ có thể nói được rằng, kể từ khi chủ nghĩa cộng sản chính thức áp

đặt lên đất nước, xã hội Việt Nam đã bắt đầu tạo ra vấn đề giai cấp: giai cấp cầm quyền của Đảng và giai cấp nhân dân không đảng. Đó, cái hậu quả của đấu tranh giai cấp là đẻ ra giai cấp, tạo sự phân ly bền chắc giữa các thành phần xã hội. Và nếu chúng ta có thể làm được gì cho quê hương thì trước tiên phải tự biết rằng tất cả chúng ta đều là nạn nhân của một thứ ảo vọng tồi tệ nhất trong lịch sử thế giới: cộng sản.”

“Suyt, nói nhỏ một xuống một chút thầy Khang ơi, coi chừng...”

Nhìn bộ dạng lo sợ và khuôn mặt tái mét của Nhiều, tôi thấy vừa buồn cười, vừa tội nghiệp. Tôi nói tình cảm với anh:

“Bữa nay tôi nổi hứng nói nhiều quá hả. Có lẽ vì có dấu hiệu sắp chia tay với anh một ngày nào đó rất gần.”

Nhiều im một lúc rồi ngậm ngùi nói:

“Thầy Khang ơi, mai này về được, nếu có thể làm được gì để cứu thầy ra khỏi đây, tôi sẵn sàng. Nhưng điều trước tiên, nếu bị kết án tử hình... thầy nhớ xin chống án nghe, đừng làm thỉnh chấp nhận hoặc nói điều gì cứng rắn quá chọc tức họ... Thầy phải sống, thầy Khang ạ.”

Lại thêm một lần tôi được người khác yêu cầu sống, yêu cầu tự vệ và đừng quá cứng rắn trước phán quyết của cường quyền. Hình như những người thân, những người bạn của tôi, cũ hoặc mới, Nam hay Bắc, đều đoán biết, nghe nói hoặc cảm nhận được là có mối nguy hiểm nặng nề nào đó đang treo trên đầu tôi. Nhưng tôi vẫn cứ bướng bỉnh tin rằng, tôi không thể chết sớm như vậy. Tôi phải sống. Không phải vì kẻ khác đã yêu cầu hoặc chính tôi tự cho là tôi mang một sứ mệnh trọng đại thiêng liêng nào đó nên cần phải sống. Nhưng chỉ vì tôi không thể chết một cách dễ dàng, vậy thôi. Dù cho cuộc đời này không còn chút vui tươi nào, không còn chút thân mật nào, không còn chút cao đẹp nào, không còn chút thơ mộng nào, không còn chút tình yêu nào, không còn chút hy vọng nào... tôi cũng phải sống. Tôi phải sống cho đến tận cùng hơi thở héo úa tàn phai nhất để thể nghiệm trọn vẹn với tôi, với chính niềm tin trong tôi rằng, tôi không thể nào bị hủy diệt bởi vô minh và tàn ác.

(Còn tiếp)



KHOÁNG CHẤT TRONG CƠ THỂ

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Trên truyền thanh truyền hình, ta thường thấy các nhà sản xuất quảng cáo là các môn điền tâm cereal của họ đã được tăng cường đầy đủ các sinh tố, khoáng chất mà cơ thể cần. Rồi những nước uống thể thao (sports drinks) cũng khoe là chứa nhiều sinh tố, khoáng chất có thể giúp vận động viên biểu diễn bền bỉ, mạnh mẽ hơn.

Vậy thì các chất này là gì mà được nhấn mạnh như vậy. Chắc là quý độc giả đã quá quen thuộc với sinh tố rồi, cho nên trong bài viết sau đây, xin nói về Khoáng Chất Trong Cơ Thể.

Trước hết, cần lưu ý sự khác biệt giữa khoáng chất (minerals) và sinh tố (vitamin), ít nhất là ở hai điểm:

- Vitamin là những chất hữu cơ có phân tử carbon do cây cỏ và động vật tạo ra còn khoáng chất là các chất vô cơ không có carbon.

- Cơ thể có thể tạo ra một vài loại sinh tố nhưng không sản xuất được một khoáng chất nào.

Khoáng chất rất cần thiết cho sự hấp thụ các loại vitamin. Dù rất quan trọng nhưng vitamin sẽ trở thành vô dụng nếu không có sự hỗ trợ của khoáng chất.

Khoáng chất không phải chỉ có trong thực phẩm mà còn thấy trong đất như là sắt, kẽm... Cây cỏ kết hợp khoáng từ đất vào các tế bào của chúng. Do đó, trái cây, các loại rau, hạt là nguồn cung cấp khoáng chất rất phong phú.

Vì là chất vô cơ, cho nên khoáng chất có sức chịu đựng với nhiệt độ cao và vẫn hiện diện trong thực phẩm hoặc tế bào bị đốt cháy.

Khoáng chất cần thiết cho sự tồn tại và phát triển bình thường của cơ thể và cần phải được cung cấp đầy đủ từ thức ăn mà ta tiêu thụ mỗi ngày.

Tất cả các loại tế bào và dung dịch chất lỏng trong cơ thể đều chứa một số nhiều ít khoáng chất khác nhau. Khoáng chất là thành phần cấu tạo của xương, răng, tế bào mềm, cơ bắp, máu, tế bào thần kinh. Nói chung, khoáng có vai trò quan trọng duy trì tốt tình trạng tinh thần cũng như thể chất của cơ thể.

Phân loại

Về phương diện dinh dưỡng, khoáng chất được chia ra làm hai nhóm, căn cứ theo nhu cầu của cơ thể:

- Ví khoáng (macromineral) hay khoáng chất đa lượng, là những chất mà cơ thể cần đến với lượng khá lớn, mỗi ngày có thể trên 250 mg. Đó là calci, phospho, sulfur, magnesium và ba chất điện phân natri, chlor và kali.

- Vi khoáng (microminerals) hay khoáng chất vi lượng tuy rất cần thiết nhưng nhu cầu không nhiều, mỗi ngày chỉ cần dưới 20 mg. Như là sắt, đồng, bạc, kẽm, crôm, magan, selen, cobalt, fluor, silic, molybden, boron...

Khoáng chất được ruột non hấp thụ từ thực phẩm, rồi dự trữ và lưu truyền trong máu, trong các loại tế bào. Phần không dùng đến sẽ được nước tiểu loại ra ngoài.

Khi số lượng khoáng chất mang vào cơ thể quá cao và được giữ lại quá lâu thì chúng có thể gây ra một số tác hại.

Vai trò của khoáng chất

Nói chung, vai trò của khoáng chất như sau:

- Cần cho sự tăng trưởng và sự vững chắc của xương;

- Điều hòa hệ thống tim mạch, tiêu hóa và các phản ứng hóa học;

- Để làm chất xúc tác chế biến điều tố (enzyme);

- Là thành phần của chất đạm, chất béo trong các mô, tế bào;

- Có tác dụng phối hợp với các sinh tố, kích thích tố trong các chức năng của cơ thể;

- Giữ thẳng bằng các thể dịch lỏng trong cơ thể.

Công dụng của khoáng chất đã được người đời xưa biết tới và dùng để trị bệnh, mặc dù họ không giải thích được tại sao.

Trước Công nguyên, các thầy thuốc Trung Hoa đã khuyên bệnh nhân bước cổ ăn rong biển (seaweed) có chứa iod. Các vị lương y Hy Lạp cho bệnh nhân thiếu máu uống nước nhúng sắt nung.

Kết quả nghiên cứu của khoa học hiện nay đã tìm ra và chứng minh được vai trò của khoáng chất. Ngoài công dụng dinh dưỡng, mỗi khoáng còn có một vai trò khác nữa trong cơ thể.

Gần đây nhiều thí nghiệm cho thấy có mối liên hệ giữa khoáng chất và các bệnh kinh niên như bệnh cao huyết áp, bệnh giòn xương, bệnh tim mạch, thậm chí cả bệnh ung thư. Do đó nhiều người đã vội vã đi mua khoáng chất dưới dạng thực phẩm phụ (food supplement) để uống. Họ tin tưởng rằng khoáng chất có thể chữa hết các chứng bệnh đó.

Trong thực tế, cơ thể không cần khoáng chất dưới dạng thực phẩm phụ và cũng không cần khoáng chất với liều lượng quá lớn (megadose). Sự tác động qua lại trong cơ thể của khoáng chất, sinh tố, các chất dinh dưỡng và nhiều chất khác, rất là phức tạp. Cho nên một lượng lớn của bất cứ một thành phần nào cũng đều gây ra sự

mất cân bằng và cản trở hấp thụ bình thường các chất dinh dưỡng.

Hậu quả thiếu khoáng chất

Khi thiếu khoáng chất, một số bệnh có thể xảy ra, như là:

- Gia tăng khả năng mắc các bệnh cảm cúm, nhiễm trùng
- Cao huyết áp
- Trầm cảm, lo âu
- Không tăng trưởng hoặc xương yếu
- Đau nhức bắp thịt, khớp xương
- Rối loạn tiêu hóa như ợ chua, táo bón, buồn nôn.

Nhu cầu hàng ngày

Tại Hoa Kỳ, viện Hàn Lâm Khoa Học Quốc Gia khuyến cáo chỉ nên giữ mức tiêu thụ bảy khoáng chất hằng ngày như sau đối với những người tuổi cao:

- Calci (Ca) 800 mg
- Phospho (P) 800 mg
- Magnesium (Mg) 350 mg
- Sắt (Fe) 10 mg
- Kẽm (zinc) 15 mg
- Iod (I) 150 mcg
- Selen (Se) 70 mcg.

Với các khoáng chất khác, viện này chỉ đưa ra những ước lượng về mức an toàn cho cơ thể với số lượng được hấp thụ.

Cách tốt nhất để có một lượng vừa phải các khoáng cần thiết là cân đối bữa ăn với nhiều loại thực phẩm có đầy đủ chất dinh dưỡng.

Vài khoáng chất căn bản

Trong cơ thể có trên 60 loại khoáng chất nhưng chỉ có 20 loại được xem là cần thiết. Khoáng chất chỉ chiếm 4 % trọng lượng cơ thể.

Sau đây là một số khoáng chất quan trọng:

1. Calci

Calci đặc biệt có nhiều trong sữa và các phó sản như pho mát, sữa chua. Cho tới tuổi 20, xương cơ thể hấp thụ và dự trữ cần thiết cho sự tăng trưởng cơ thể và duy trì các chức năng khác. Sau đó thì cơ thể dùng nhiều calci hơn để xương cứng chắc. Do đó, nếu ta không tiêu thụ đầy đủ calci, xương sẽ bị rỗng loãng, dễ gãy cũng như rụng răng.

2. Phospho

Phospho cần thiết để duy trì tốt sự tiêu hóa, tuần hoàn, nuôi dưỡng tế bào thần kinh, mắt, cơ bắp, não bộ.

Phospho có nhiều trong các thực phẩm như sữa, thịt cá, cá, ngô bắp...

Thiếu phospho sẽ gây ra một số rối loạn như xương giòn dễ gãy, răng lung lay, đau nhức cơ bắp...

3. Sắt

Sắt cần thiết để giúp máu chuyên chở và phân phối dưỡng khí tới khắp các bộ phận của cơ thể.

Thiếu sắt đưa tới kém tăng trưởng, tóc và móng tay móng chân giòn, thiếu hồng cầu, thiếu máu.

Sắt có nhiều trong thịt, cá, trứng ...

4. Magnesium

Magnesium là một trong những khoáng chất mà cơ thể cần. May mắn là khoáng này hiện diện trong nhiều loại thực phẩm như trái cây, sữa, pho mát.

Thiếu Mg có thể làm cho cơ bắp đau nhức, rối loạn tim và huyết áp.

5. Iodine

Iodine có trong muối được tăng cường i-ốt (iodized salt), hải sản, rau spinach, rong biển.

Mặc dù cơ thể chỉ cần số lượng rất ít, nhưng khi thiếu iod sẽ đưa tới rối loạn tăng trưởng cả thể chất lẫn tinh thần cũng như tuyến giáp (thyroid).

6. Kẽm

Kẽm có vai trò quan trọng trong việc tạo ra tính miễn dịch mạnh cho cơ thể để chống lại với cảm lạnh, cúm. Thiếu kẽm cũng gây ra bệnh ngoài da, vết thương chậm lành.

Nguồn cung cấp chính của kẽm là hải sản như sò hến, thịt, gan, trứng, sữa, mầm lúa mạch.

7. Selenium

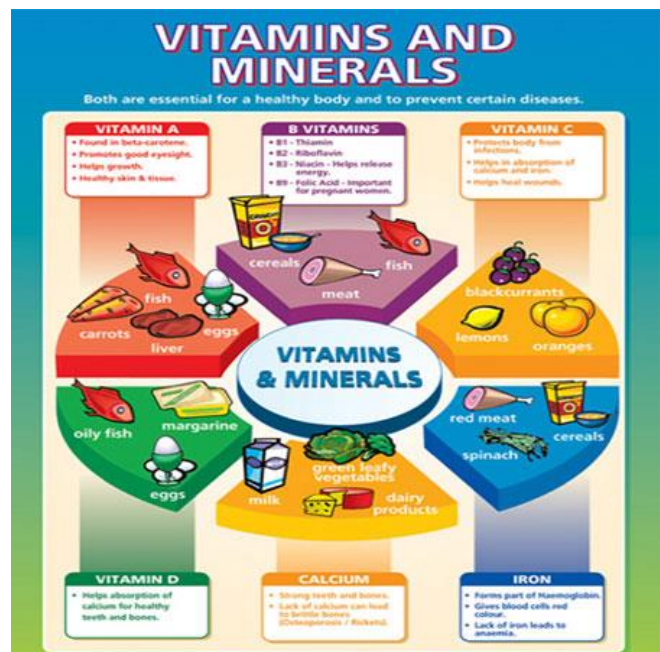
Selenium là một chất chống oxi- hóa giúp cơ thể ngăn chặn được ung thư, trì hoãn sự hóa già và các bệnh thoái hóa. Selen rất cần thiết cho hệ thống miễn nhiễm và sự hoạt động của cơ tim, giúp cân bằng kích thích tố và tạo ra chất prostaglandin, làm da và tóc khỏe mạnh.

Selenium có nhiều trong cá, sò hến, thịt, ngũ cốc, trứng, tỏi và gan, cật. Rau và trái cây có rất ít selenium.

Kết Luận

Khoáng chất là những phần tử cần thiết cho các chức năng của cơ thể, từ hệ thần kinh cơ bắp tới điều hòa tiêu hóa hấp thụ chất dinh dưỡng, duy trì cân bằng chất lỏng trong và ngoài tế bào. Mặc dù cơ thể chỉ cần một số lượng khiêm tốn, nhưng thiếu chúng là cơ thể trở nên suy yếu, kém hoạt động.

Vậy thì ta nên tiêu thụ đầy đủ các chất này, có sẵn trong thực phẩm mà tạo hóa đã dành cho con người.



Chuyện bảy lọ vàng

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đời quá khứ cách đây vô số kiếp, ở cõi Diêm Phù Đề có một nước lớn tên là Ba La Nại. Thuở đó có một người ham làm giàu đến nỗi không dám ăn no mặc đủ hoặc bố thí giúp đỡ ai. Làm được bao nhiêu người đó mua vàng dần tích trữ, dần dà đóng thành 7 lọ đem chôn giấu kỹ.

Chẳng may một thời gian sau khi bệnh chết, vì tiếc của nên phải đọa làm rắn độc, ngày ngày quanh quẩn ở xó nhà để giữ vàng.

Năm tháng trôi qua, căn nhà mục nát sụp đổ, rắn ấy bị chết. Bởi tâm quá tham tiếc nên lại đọa làm thân rắn một lần nữa để coi giữ trên đồng đất chôn vàng.

Cuối cùng, quá chán ngán mệt mỏi rắn thầm nghĩ: "Thân thể ta xấu ác bởi vì tham tiếc của, nay phải đem số vàng này cúng dường bố thí để cầu phước báo". Nghĩ xong, rắn bò men tới bên vệ đường, chợt thấy một người đi qua liền gọi:

- Này bác kia, lại gần đây tôi bảo!

Khách qua đường thấy rắn liền đáp:

- Người độc ác như vậy gọi ta làm chi, có phải định hại ta chăng?

- Ừ, ta ác đấy, nếu bác không nghe lời ta sẽ tác hại.

Nghe rắn đe dọa, người đó sợ hãi vội lại gần. Rắn nói tiếp:

- Nhà tôi có 7 lọ vàng, nay muốn nhờ bác đem đi cúng dường bố thí hộ cho.

Người đó ưng thuận. Rắn dẫn ông ta về nhà chỉ chỗ chôn vàng và bảo ông ta bới lên một lọ rồi dặn:

- Bác đem vàng này về cúng Trai Tăng và định ngày nào thiết trai cúng dường thì mang một cái gậy lại đây khiêng tới đến.

Người ấy mang vàng về chùa giao cho một vị Tăng,

chức vụ Duy Na và kể rõ sự tình.

Đến ngày thiết trai, người đó trở lại chỗ rắn ở với một chiếc gậy. Rắn gặp ông ta, vui vẻ hỏi han và quấn mình tròn vào chiếc gậy. Ông ta lấy cái khăn chiên phủ lên trên và khiêng tới chùa. Đi nửa đường gặp một người khách lạ hỏi:

- Ông khiêng cái gì đẹp thế?

Khách trịnh trọng nhắc tới ba lần câu hỏi đó. Ông ta vẫn cứ yên lặng rảo bước. Rắn tức giận, ác tâm bộc phát muốn cắn chết ông nhưng lại thầm nghĩ: "Người này vì ta làm phúc, ơn đã chưa trả thì ta nên nhân".

Một lát đi tới khu đồng vắng vẻ, rắn đòi đặt xuống đất và cực lực trách ông ta về thái độ lạnh lùng lúc này đối với người khách. Ông ta hồi hận và xin hứa không bao giờ xử sự như thế nữa.

Khi đến chùa, rắn độc được năm trước mặt Tăng chúng. Rắn nhờ ông dâng hương. Rắn tự lấy tín tâm cung kính quan sát không rời mắt. Chư Tăng chú nguyện và thuyết pháp cho rắn nghe, rắn rất hoan hỷ nói:

- Bạch Đại Đức! Xin mời Ngài tới chỗ tôi ở, còn 6 lọ vàng nữa xin dâng cúng dường bố thí để cầu phước. Vị Tăng Duy Na theo rắn và người khiêng tới chỗ lấy vàng. Cúng dường xong, rắn chết.

Cũng do phước đức ấy rắn được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Ở câu chuyện trên, một hôm Đức Phật nói với Ngài A Nan rằng:

- A Nan! Ông có biết người khiêng rắn lúc bấy giờ là ai không? Chính là ta đó! Còn rắn độc thuở đó là ông Xá Lợi Phất. Ngày ấy bị rắn trách mắng ta hổ thẹn và tự thề sanh tâm khiêm hạ đối với mọi loài, mọi vật đều xem bình đẳng mãi mãi không thối chuyển...

Y HÀ

Tài thí trừ khổ về thân, pháp thí trừ khổ về tâm.

Tài thí cho tiền vô tận, pháp thí cho trí vô tận

Tài thí làm thân sung sướng, pháp thí làm tâm sung sướng.

Tài thí người ngu ham muốn, pháp thí người trí ham muốn

Tài thí đem vui hiện tiền, pháp thí đem vui Niết bàn.

